**I. TÌM HIỂU VỀ BIỆN PHÁP TU TỪ**

**1. Khái niệm**

- Biện pháp tu từ là phép tu từ thường được dùng để làm cho câu văn hay từ ngữ trở nên bóng bẩy dùng hình ảnh để người đọc, người nghe, dễ hiểu không nhàm chán.

- Biện pháp tu từ là các cách sử dụng ngôn ngữ theo một cách đặc biệt ở một đơn vị ngôn ngữ nhất định (về từ, câu hay cả đoạn văn bản) theo từng ngữ cảnh nhằm mục đích tăng sức gợi hình, gợi cảm diễn đạt. Qua đó tạo những ấn tượng cho người đọc hình dung rõ nét hơn về hình ảnh, cảm nhận cảm xúc một cách chân thực.

**2. Kể tên các biện pháp tu từ**

- So sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ, nói quá, nói nói giảm nói tránh, đảo ngữ, liệt kê, câu hỏi tu từ, phép điệp, chơi chữ, chêm xen, tương phản đối lập………..

**II. TÌM HIỂU CỤ THỂ TỪNG BIỆN PHÁP TU TỪ**

**1. So sánh**

**1.1. Khái niệm**

- So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

- Cấu trúc đầy đủ của phép so sánh: sự vật A- từ chỉ phương diện so sánh – từ so sánh – sự vật B. Có khi từ chỉ phương diện so sánh (đặc điểm được đưa ra để so sánh) không xuất hiện.

**Ví dụ: *Mẹ là ngọn gió của em suốt đời*.**

Vế A: *Mẹ*

Vế B: *ngọn gió*

Từ so sánh: *là*

Tác dụng: làm nổi bật vai trò, vị trí của người mẹ trong cảm nhận của người con.

**1.2. Tác dụng của phép so sánh**

- Tác dụng gợi hình giúp cho việc miêu tả sự vật, sự việc được cụ thể, sinh động hơn.

- Tác dụng gợi cảm giúp biểu hiện tư tưởng, tình cảm sâu sắc.

**1.3. Các kiểu so sánh**

- So sánh ngang bằng.

- So sánh không ngang bằng.

**1.4. Dấu hiệu nhận biết kiểu so sánh**

- So sánh ngang bằng: *là, như, giống, y như,…*

- So sánh không ngang bằng: *hơn,* *không bằng, chẳng bằng…*

***=>***Mục đích của so sánh nhiều khi không phải là tìm sự giống nhau hay khác nhau mà nhằm diễn tả một cách hình ảnh một bộ phận hay đặc điểm nào đó của sự vật giúp người nghe, người đọc có cảm giác hiểu biết sự vật một cách cụ thể sinh động. Vì thế *phép* *so sánh thường mang tính chất cường điệu.* VD: *Cao như núi, dài như sông*(Tố Hữu)

 Ví dụ: *Công cha****như****núi Thái Sơn*

*Nghĩa mẹ****như****nước trong nguồn chảy ra*        ( *Ca dao)*

Hai anh em nó ***giống nhau*** ***như***đúc.

Anh ta và tôi ***bằng*** tuổi nhau.

Ở loại *so sánh không ngang bằng*(cấu trúc **A không bằng B**), các lớp từ ngữ thường đi kèm là*: hơn, hơn là, kém, không bằng, chẳng bằng*,… Muốn chuyển so sánh hơn kém sang so sánh ngang bằng người ta thêm một trong các từ phủ định: Không, chưa, chẳng… vào trong câu và ngược lại. VD: *Bóng đá quyến rũ tôi hơn những công thức toán học./ Bóng đá quyến rũ tôi không hơn những công thức toán học.*

 Ví dụ: *Những ngôi sao thức ngoài kia*

***Chẳng bằng****mẹ đã thức vì chúng con*

**(*Mẹ*** *–*Trần Quốc Minh)

–  Anh ta ***kém***tôi 2 tuổi.

–  Thằng bé nhanh trí ***hơn*** anh trai nó.

     Như vậy chỉ cần nắm vững lớp từ ngữ thường xuyên đi cùng với các loại so sánh thì việc tìm ra phép so sánh không phải là quá khó khăn đối với học sinh.

**Tác dụng:**

- Giúp người đọc, người nghe hình dung 1 cách cụ thể sinh động về sự vật, sự việc được nói đến. Có khi gợi trí tưởng tượng bay bổng: *Tàu dừa chiếc lược chải vào mây xanh. ->* Cách so sánh ở đây thật bất ngờ, thật gợi cảm. Yếu tố (3) bị lược bỏ. Người đọc người nghe tha hồ mà tưởng tượng ra các mặt so sánh khác nhau làm cho hình tượng so sánh được nhân lên nhiều lần

- Thể hiện đc tư tưởng, tình cảm của t/g (yêu mến, tự hào, …)

**1.5.  Tìm biện pháp so sánh dựa vào từ hô ứng “bao nhiêu…bấy nhiêu”**

Câu  có cặp từ hô ứng “bao nhiêu…bấy nhiêu” thường là câu so sánh. Do đó nếu học sinh thấy trong câu nào có từ hô ứng này ( trong dạng bài tập tìm biện pháp tu từ ) thì đó là phép so sánh. Có thể khái quát theo mô hình sau:

*Bao nhiêu* **A** *bấy nhiêu* **B**

Ví dụ:     *Qua đình ngả nón trông đình*

*Đình****bao nhiêu****ngói thương mình****bấy nhiêu.***  *( Ca dao).*

*Ai ơi đừng bỏ ruộng hoang*

***Bao nhiêu****tấc đất tấc vàng****bấy nhiêu*** *( Ca dao).*

*Qua cầu ngả nón trông cầu*

*Cầu****bao nhiêu****nhịp dạ sầu****bấy nhiêu***  *( Ca dao).*

**1.6.  Tìm biện pháp so sánh dựa vào kiểu cấu trúc “ A là B”**

Cấu trúc câu *“A là B”* là cấu trúc của câu so sánh ( trong đó *A* là *cái so sánh*, còn *B*là *cái được so sánh*). Vì thế khi kiểu câu này xuất hiện, chúng ta dễ dàng nhận biết trong câu có sủ dụng biện pháp tu từ so sánh.

Ví dụ:

*- Quê hương****là****chùm khế ngọt*

*Cho con trèo hái mỗi ngày.*       ( *Quê hương* – Đỗ Trung Quân).

*- Anh****là****mây bốn phương*

*Anh theo cánh gió chơi vơi*

*Em vẫn nằm trong nhung lụa.    ( Một mùa đông –*Lưu Trọng Lư *).*

*- Ba****là****cây nến vàng*

*Mẹ****là****cây nến xanh/*

*Con****là****cây nến hồng*

*Ba ngọn nến lung linh*

*Thắp sáng một gia đình.      (*Lời bài hát*Ba ngọn nến lung linh – Ngọc Lễ).*

**1.7. Bài tập thực hành**

**Bài 1: Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

*Trăng ơi… từ đâu đến?  
Hay từ cánh rừng xa  
Trăng hồng như quả chín  
Lửng lơ lên trước nhà*

*Trăng ơi… từ đâu đến?  
Hay biển xanh diệu kỳ  
Trăng tròn như mắt cá  
Chẳng bao giờ chớp mi*

*Trăng ơi… từ đâu đến?  
Hay từ một sân chơi  
Trăng bay như quả bóng  
Đứa nào đá lên trời*

(Trần Đăng Khoa)

a. Chỉ ra các hình ảnh được so sánh với trăng trong bài thơ.

b. Tác dụng của hình ảnh so sánh đó.

**Bài 2:**

Tìm phép so sánh trong đoạn trích sau đây, nêu rõ tác dụng của phép so sánh đó :

*“Dòng sông Năm Căn mênh mông, nước ầm ầm đổ ra biển ngày đêm như thác, cá nước bơi hàng đàn đen trũi nhô lên hụp xuống như người bơi ếch giữa những đầu sóng trắng. Thuyền xuôi giữa dòng con sông rộng hơn ngàn thước, trông hai bên bờ, rừng đước dựng lên cao ngất như hai dãy trường thành vô tận”.*

(Đoàn Giỏi)

**Bài 3:P**hép so sánh sau đây có gì đặc biệt:

*Mẹ già như chuối ba hương*

*Như xôi nếp một, như đường mía lau.*

**Bài 4: Chỉ ra và phân tích các biện pháp tu từ trong các câu sau***:*

*a.* "Những ngôi sao thức ngoài kia

Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con

Đêm nay con ngủ giấc tròn

Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.

(Mẹ - Trần Quốc Minh)

b. *Công cha như núi ngất trời,*  
 *Nghĩa mẹ như nước ở ngoài Biển Đông.*  
 *Núi cao biển rộng mênh mông,*  
 *Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi*

*(Ca dao)*

Đáp án:

**Bài 1:**

a. Các hình ảnh được so sánh với trăng trong bài thơ:

*Quả chín, mắt cá, quả bóng*

b. Tác dụng của hình ảnh so sánh:

Làm cho bài thơ trở nên sinh động, hấp dẫn, hình ảnh ánh trăng gần gũi hơn với mọi người nhất là với trẻ thơ.

**Bài 2:**

**Phép so sánh trong đoạn:**

*- nước ầm ầm đổ ra biển ngày đêm như thác.*

*- cá nước bơi hàng đàn đen trũi nhô lên hụp xuống như người bơi ếch.*

*- rừng đước dựng lên cao ngất như hai dãy trường thành vô tận.*

**Tác dụng**:Phép so sánh được đưa ra liên tiếp làm cho sự việc vừa cụ thể vừa sinh động. So sánh giữa cái trừu tượng với sự vật cụ thể, hình ảnh làm chuẩn so sánh vừa cứng rắn, Vừa hùng vĩ, do đó lôi cuốn và tạo niềm tin cho mọi người.

**Bài 3:**

– Từ ngữ chỉ phương diện so sánh bị lược bỏ.

– Vế (B) là chuẩn so sánh không phải có một mà có ba : chuối ba hương -xôi nếp một – đường mía lau là nhằm mục đích ca ngợi người mẹ về nhiều mặt, mặt nào cũng có nhiều ưu điểm đáng quý.

**Bài 4:**

**a. - Phép so sánh:**

+Những ngôi sao thức - mẹ thức: Những ngôi sao thức suốt đêm nhưng cũng không bằng mẹ đã thức vì cả cuộc đời của con, sự hi sinh thầm lặng.

+ Mẹ - ngọn gió: Mẹ là nơi mát mẻ, yên bình của con suốt đời.

- Tác dụng: Tác giả sử dụng biện pháp so sánh để thể hiện:

+ Ca ngợi tấm lòng yêu thương, sự hi sinh thầm lặng của người mẹ đối với người con

+ Tác giả bày tỏ lòng biết ơn, yêu kính với mẹ.

+ Làm cho câu thơ sinh động, gợi hình, gợi cảm.

**b.*”***

**- Phép so sánh:**

+ *“Công cha” so sánh với “* *Núi ngất trời*”

+ *“nghĩa mẹ*” được so sánh với “nước ở ngoài biển Đông”

- Tác dụng: Tác giả sử dụng biện pháp so sánh để thể hiện:

+ Hình ảnh so sánh cụ thể, lấy cái to lớn, mênh mông, vô tận, vĩnh hằng của thiên nhiên để so sánh với công lao cha mẹ. Tác giả khẳng định tình yêu thương bao la của cha mẹ với con cái. Đồng thời, bài ca dao còn ca ngợi công lao to lớn, những hi sinh không thể đo đếm của cha mẹ với chúng ta.

+ Từ đó, mỗi người con cần phải biết ơn, yêu kính, hiếu thảo với cha mẹ.

+ Làm cho câu thơ sinh động, gợi hình, gợi cảm

**2. Biện pháp tu từ nhân hóa**

**2.1. Khái niệm**

- Nhân hóa là gọi tên hoặc kể, tả con vật/ đồ vật bằng các từ ngữ vốn dùng để chỉ người nhằm miêu tả con vật/đồ vật một cách sinh động, có tình cảm.

**Ví dụ**: Chú ong đang cần mẫn đi kiếm mật.

- Tác dụng: giúp cho con vật được nói đến sinh động, gần gũi hơn với con người.

     Nhân hóa cũng là một biện pháp tu từ được sử dụng rộng rãi trong sáng tác văn học và mang lại hiệu quả thẩm mĩ cao, nó góp phần làm cho câu văn, bài văn thêm cụ thể, sinh động, gợi cảm.

**Tác dụng sau:**

- Phép nhân hóa giúp cho các loại đồ vật, cây cối hay đồng vật đều trở nên sinh động hơn trong suy nghĩ, đem lại cho người đọc cảm giác gần gũi, thân thiết hơn.

- Phép nhân hóa giúp cho các đồ vật, sự vật có thể biểu hiện được những suy nghĩ hay bày tỏ được tình cảm của con người.

 => Có thể nói rằng, so với việc tìm ra biện pháp tu từ ẩn dụ, hoán dụ và so sánh thì việc tìm ra phép nhân hóa đơn giản hơn. Bởi lẽ chỉ cần dựa vào các từ gọi hay miêu tả con vật, cây cối, đồ vật, hiện tượng thiên nhiên ( người viết gọi chung là *sự vật*) mang những thuộc tính của con người thì chắc chắn đó là phép nhân hóa. Tuy nhiên để cụ thể, chi tiết và nhất là để tiện cho việc học sinh tìm nhanh biện pháp tu từ nhân hóa trong quá trình làm bài tập, người viết xin đề xuất một số phương pháp sau:

**2.2. Phân loại nhân hóa**

**\*Chia làm 4 loại:**

- Tìm nhân hóa dựa vào từ miêu tả hình dáng con người của sự vật.

- Tìm nhân hóa dựa vào từ miêu tả hoạt động con người của sự vật.

- Tìm nhân hóa dựa vào từ diễn tả tâm trạng con người của sự vật.

- Tìm nhân hóa dựa vào từ diễn tả tính cách con người của sự vật.

**a. Tìm nhân hóa dựa vào từ miêu tả hình dáng con người của sự vật**

 Trong dạng bài tập tiếng Việt yêu cầu học sinh tìm các biện pháp tu từ nghệ thuật trong câu, nếu có những từ miêu tả hình dáng con người của sự vật thì từ đó chắc chắn là nhân hóa.

                                           Ví dụ: ***Thân gầy guộc****, lá mong manh*

*Mà sao nên lũy nên thành tre ơi    ( Tre Việt Nam –*Nguyễn Duy*).*

- Sông Hương đã chuyển dòng một cách liên tục, vòng giữa khúc quanh đột ngột, ***uốn mình*** theo những đường cong thật mềm.

 ( *Ai đã đặt tên cho dòng sông* – Hoàng Phủ Ngọc Tường).

- Dòng sông ***uốn mình*** qua cánh đồng xanh ngắt lá khoai.

**b. Tìm nhân hóa dựa vào từ miêu tả hoạt động con người của sự vật**

Đây là cách thức đơn giản để tìm ra biện pháp tu từ nhân hóa, bởi vì chỉ cần dựa vào từ trong câu miêu tả hoạt động con người của sự vật thì học sinh dễ dàng biết đó chính là phép nhân hóa.

 Ví dụ:

*–  Bão bùng thân****bọc****lấy thân*

*Tay****ôm****tay****níu****tre gần nhau thêm.*     ( *Tre Việt Nam* – Nguyễn Duy).

*–****Mặt trời******xuống****biển như hòn lửa*

***Sóng đã cài then,******đêm******sập cửa.***    ( *Đoàn thuyền đánh cá* – Huy Cận).

*– Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ*

***Trăng nhòm****khe cửa****ngắm****nhà thơ*       ( *Ngắm trăng* – Hồ Chí Minh).

**c. Tìm nhân hóa dựa vào từ diễn tả tâm trạng con người của sự vật.**

- Tương tự như việc tìm phép nhân hóa đã trình bày ở trên, nếu trong câu có các từ diễn tả tâm trạng con người của sự vật thì các từ đó là nhân hóa.

Ví dụ: Hết mùa hoa, chim chóc cũng vãn. Cây gạo chấm dứt những ngày ***tưng bừng, ồn ã,*** lại trở về với dáng vẻ xanh mát, ***trầm tư.***

- Tiếng nước thác nghe như là ***oán trách gì***, rồi lại như là ***van xin***, rồi lại như là ***khiêu khích***, ***giọng gằn*** mà ***chế nhạo.***

 ( *Người lái đò sông Đà* – Nguyễn Tuân).

- Mặc dù cái thằng đá tướng ***đứng chiến*** ở cửa vào đã ***tiu nghỉu*** ***cái mặt xanh lè thất vọng***thua cái thuyền đã đánh trúng vào cửa sinh nó trấn lấy.

( *Người lái đò sông Đà* – Nguyễn Tuân).

- Từ đây như đã tìm đúng đường về, sông Hương ***vui tươi hẳn lên*** giữa những biền bãi xanh biếc của vùng ngoại ô Kim Long,…    ( *Ai đã đặt tên cho dòng sông* – Hoàng Phủ Ngọc Tường).

**d. Tìm nhân hóa dựa vào từ diễn tả tính cách con người của sự vật**

     Tìm nhân hóa dựa vào từ diễn tả tính cách con người của sự vật cũng được coi là phương pháp làm nhanh các dạng bài tập tìm các biện pháp tu từ. Bởi vì chỉ cần dựa vào những từ diễn tả tính cách con người của sự vật thì đó chắc chắn là phép nhân hóa.

**Ví dụ:**           -  *Dòng sông mới****điệu****làm sao*

*Nắng lên****mặc áo****lụa đào****thướt tha***           ( *Dòng sông mặc áo* – Nguyễn Trọng Tạo).

- Hàng cau ***nhút nhát***, ***e thẹn*** trước ánh nắng ban mai.

- Họa Mi ***tự tin khoe*** tiếng hót của mình trước các loài chim.

**2.3. Bài tập thực hành**

**Bài 1: Tìm phép tu từ nhân hóa trong đoạn thơ sau:**

*Đêm thêu trước ngực vầng trăng  
Trên nền nhung tím trăm ngàn sao lên  
Khuya rồi sông mặc áo đen  
Nép trong rừng bưởi, lặng yên đôi bờ.*

**(Nguyễn Trọng Tạo)**

**Bài 2: Tìm phép nhân hóa trong khổ thơ sau và nêu tác dụng của phép nhân hóa đó.**

*Ông trời*

*Mặc áo giáp đen*

*Ra trận*

*Muôn nghìn cây mía*

*Múa gươm*

*Kiến*

*Hành quân*

*Đầy đường.*

**(Trần Đăng Khoa)**

**Bài 3: Tìm phép nhân hóa trong câu sau :**

*Chào mào, sáo sậu, sáo đen…đàn đàn lũ lũ bay đi bay về, lượn lên lượn xuống. Chúng nó gọi nhau, trò chuyện, trêu ghẹo và tranh cãi nhau, ồn mà vui không thể tưởng được.*

**Đáp án:**

**Bài 1:** Câu thơ có sử dụng biện pháp nhân hóa trong bài thơ

*Khuya rồi sông* ***mặc******áo*** *đen*

***Nép*** *trong rừng bưởi, lặng yên đôi bờ*

**Bài 2: Phép nhân hóa trong khổ thơ :**

*(Ông trời )* ***Mặc áo******giáp***; ***Ra trận***

*(Muôn nghìn cây mía)* ***Múa gươm***

*(Kiến)* ***Hành quân***

**Tác dụng:**

Biện pháp nhân hóa gợi tả chính xác và sinh động quang cảnh thiên nhiên trước cơn mưa, khiến cho các sự vật trở nên gần gũi và sống động … Biểu thị suy nghĩ, tình cảm của sự vật khi trời sắp mưa: hối hả, nhộn nhịp, khẩn trương đan xen với niềm vui hân hoan khi có mưa.

**Bài 3: Phép nhân hóa trong câu:**

*Chúng nó* ***gọi nhau, trò chuyện, trêu ghẹo*** *và* ***tranh cãi*** *nhau, ồn mà vui không thể tưởng được.*

**3. Biện pháp tu từ ẩn dụ**

**3.1. Khái niệm**

- Ẩn dụ là gọi tên của sự vật, hiện tượng này bằng tên của sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng giữa 2 đối tượng về mặt nào đó (như tính chất, trạng thái, màu sắc,…) nhằm tăng sức gợi hình và gợi cảm cho sự diễn đạt.

**GV giảng:**

     Ẩn dụ cũng là một trong biện pháp nghệ thuật quan trọng và được sử dụng nhiều nhất trong sáng tác văn học. Và cũng có thể nói rằng, những tác phẩm hay, tác phẩm giá trị để lại nhiều ấn đượng sâu đậm trong lòng người đọc và thoát khỏi quy luật băng hoại của thời gian thì trước hết tác phẩm đó là tác phẩm sử dụng thành công và hiệu quả biện pháp tu từ ẩn dụ ( Ca dao, *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, các bài thơ của Hồ Xuân Hương,…). Tuy nhiên để nhận diện biện pháp nghệ thuật này trong câu thơ hay đoạn văn lại không  hề đơn giản. Vì thế người học cần phải có cách thức, phương pháp để tìm ra nó. Muốn vậy,  việc đầu tiên là cần phải nắm thật vững khái niệm – chìa khóa quan trọng để mở cánh cửa giải mã những bí mật ẩn dấu bên trong. *Ẩn dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác do có nét tương đồng với nó nhằm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt.*

     Như vậy, chiếc chìa khóa để tìm ra biện pháp tu từ ẩn dụ là dựa trên những ***nét tương đồng*** của  sự vật, hiện tượng này với sự vật, hiện tượng khác được đưa ra so sánh. Điều đó có nghĩa là giữa hai sự vật, hiện tượng này phải có những điểm giống nhau, tương quan với nhau trên những phương diện nhất định. Ví dụ để tìm ra biện pháp ẩn dụ trong hai câu thơ:

*Thuyền về có nhớ bến chăng*

*Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền*

thì ta phải tìm ra được nét tương đồng  giữa *thuyền*và*bến* với một cái gì đó có liên quan. Cần phải nhớ rằng trong ẩn dụ dù có lấy sự vật, hiện tượng nào ra so sánh đi chăng nữa thì mục đích cuối cùng là cũng để chỉ con người hoặc trực tiếp, gián tiếp liên quan đến con người ( trong câu ca dao này *thuyền* và *bến* cũng là ẩn dụ cho con người). Đối với câu thơ trên, ta thấy *thuyền*là vật không cố định, không ở yên một chỗ và thường di chuyển.  Do vậy không khó khăn khi ta tìm ra được *nét tương đồng* giữa *thuyền* với *người con trai* (*người con trai* trong xã hội xưa *đầu đội trời, chân đạp đất* chí ở bốn phương, thường ra đi lập nên sự nghiệp lớn). Như vậy *thuyền* là ẩn dụ để chỉ *người con trai*. Tương tự, ta có thể lí giải về mối tương quan giữa *bến*và *người con gái*. *Bến* là vật cố định, đứng yên, không thay đổi vị trí. *Người con gái* thường là người ở lại, thủy chung, son sắt đợi chờ. Do vậy*bến* chính là hình ảnh ẩn dụ để chỉ *người con gái*.

Nắm vững được cách thức này, ta cũng dễ dàng tìm ra phép ẩn dụ trong bài *Bánh trôi nước* của Hồ Xuân Hương:

*Thân em vừa trắng lại vừa tròn*

*Bảy nổi ba chìm với nước non*

*Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn*

*Mà em vẫn giữ tấm lòng son.*

     Những hình ảnh *Bảy nổi ba chìm, Rắn nát mặc dầu*của chiếc *bánh trôi nước*có những *nét tương đồng* với thân phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Họ là những người chịu nhiều bất hạnh, bất công ngang trái, không làm chủ được số phận của mình. Họ bị chà đạp, bị rẻ rúng, chỉ là một thứ đồ chơi không hơn không kém. Nhưng trong bất cứ hoàn cảnh nào, dù có bị đối xử bất công, ngang trái đến đâu, người phụ nữ vẫn giữ được phẩm chất trong sáng của mình. Như vậy chiếc *bánh trôi nước*là hình ảnh ẩn dụ cho *người phụ nữ*trong xã hội phong kiến ngày xưa,…

     Qua những ví dụ trên cho thấy, tìm ra phép ẩn dụ không phải là quá khó khăn.  Điều quan trọng là chúng ta tìm ra được *nét tương đồng* giữa các sự vật, hiện tượng.

**3.2. Phân biệt biện pháp từ từ ẩn dụ và so sánh**

**- Giống nhau**: đều dựa trên cơ sở liên tưởng những nét tương đồng giữa các sự vật, sự việc khác nhau.

**- Khác nhau:**

+ So sánh thường cần đến từ so sánh hoặc dấu hiệu nhận biết phân biệt giữa các vế so sánh và vế được so sánh (ví dụ như dấu gạch ngang, dấu hai chấm...) So sánh có thể ngang bằng hoặc không ngang bằng.

+ Ẩn dụ không cần từ hay dấu câu phân biệt giữa các sự vật sự việc được nêu ra. Trong phép ẩn dụ, vế A thường được ẩn đi. Do vậy, ẩn dụ còn được gọi là so sánh ngầm. Phép ẩn dụ giữa các sự vật sự việc thường mang ý nghĩa ngang bằng, tương đương.

**3.3. Phân loại ẩn dụ**

\* Dựa vào bản chất của sự vật, hiện tượng được đưa ra so sánh ngầm, ta chia ẩn dụ thành các loại sau: Ẩn dụ hình tượng, ẩn dụ cách thức, ẩn dụ phẩm chất, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác.

**a. Ẩn dụ hình tượng**

- Là cách gọi sự vật A bằng sự vật B.

**Ví dụ:**

***Người Cha*** *mái tóc bạc*

*Đốt lửa choanh nằm*

(Minh Huệ)

Lấy hình tượng Người Cha để chỉ Bác Hồ.

**b. Ẩn dụ cách thức**

- Là cách gọi hiện tượng A bằng hiện tượng B.

Ví dụ:

*Về thăm quê Bác làng Sen*

***Có hàng râm bụt*** *thắp lên lửa hồng.*

(Nguyễn Đức Mậu)

= Nhìn “hàng râm bụt” với những bông hoa đỏ rực, tác giả tưởng như những ngọn đèn “thắp lên lửa hồng”.

**c. Ẩn dụ phẩm chất**

là cách lấy phẩm chất của sự vật A để chỉ phẩm chất của sự vật B

**Ví dụ**:                   *Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài.*

🡪 Tròn và dài được lâm thời chỉ những phẩm chất của sự vật B.

**Ví dụ**: Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng

Thấy một **mặt trời** trong lăng rất đỏ.

(Viếng lăng Bác- Viễn Phương)

=> Mặt trời ở câu thơ 2 là chỉ Bác Hồ.

**d. Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác**

- Là những ẩn dụ trong đó B là một cảm giác vốn thuộc một loại giác quan dùng để chỉ những cảm giác A vốn thuộc các loại giác quan khác hoặc cảm xúc nội tâm. Nói gọn là lấy cảm giác A để chỉ cảm giác B.

Ví dụ:

*Mới được nghe* ***giọng hờn dịu ngọt***

*Huế giải phóng nhanh mà anh lại muộn về.*

là những ẩn dụ trong đó B là một cảm giác vốn thuộc một loại giác quan dùng để chỉ những cảm giác A vốn thuộc các loại giác quan khác hoặc cảm xúc nội tâm. Nói gọn là lấy cảm giác A để chỉ cảm giác B

*Mới được nghe giọng hờn dịu ngọt/ Huế giải phóng nhanh mà anh lại muộn về.* (Tố Hữu)  
 *Đã nghe rét mướt luồn trong gió*/n *Đã vắng người sang những chuyến đò* (Xuân Diệu)

     Thông thương mỗi con người có 5 giác quan với các chức năng riêng biệt: tai để nghe ( thính giác), mắt để nhìn (thị giác), mũi để ngửi ( khứu giác), lưỡi để nếm (vị giác), da để cảm nhận ( xúc giác).  Nếu trong sáng tác văn học, nhà văn sử dụng những hình ảnh mà chức năng của giác quan có sự chuyển đổi thì hình ảnh đó chính là hình ảnh ẩn dụ ( thường gọi là *ẩn dụ chuyển đổi cảm giác*). Ví dụ trong câu thơ *:*

*Ngoài thềm rơi chiếc lá đa,*

*Tiếng****rơi rất mỏng****như là****rơi nghiêng***

                                                                                   (*Đêm Côn Sơn –*Trần Đăng Khoa).

*Tiếng lá rơi*, vốn là âm thanh, được thu nhận bằng thính giác, không có hình dáng, không cầm nắm được; ở đây, nhờ sự chuyển đổi cảm giác, cái nhẹ của tiếng lá rơi được gợi tả tinh tế, trở nên có hình khối cụ thể (*mỏng* – vốn là hình ảnh của xúc giác) và có dáng vẻ (*rơi nghiêng* – vốn là hình ảnh của thị giác). Đây là hình ảnh chuyển đổi cảm giác vì thế *rơi rất mỏng*và *rơi nghiêng*chính là ẩn dụ.

Hay :

Chao ôi, trông con sông, vui như thấy ***nắng giòn tan*** sau kì mưa dầm, vui như nối lại chiêm bao đứt quãng.

(  *Người lái đò sông Đà* – Nguyễn Tuân).

Ở đây ta thấy *nắng* được thấy qua cơ quan thị giác còn *giòn tan* chỉ có thể cảm nhận bằng xúc giác ( sờ, cầm, nắm). Như vậy ***nắng giòn tan***là hình ảnh chuyển đổi cảm giác và đó là hình ảnh ẩn dụ.

Hoặc:

*Em thấy cả trời sao*

*Xuyên qua từng kẽ lá*

*Em thấy cơn mưa rào*

***Ướt tiếng  cười****của bố*

                               ( *Chiếc võng của bố* – Phan Thế Cải).

     Thông thường, tiếng *cười* là âm thanh và được nghe bằng thính giác, còn *ướt*chỉ có thể cảm nhận bằng xúc giác. Như vậy ***ướt tiếng cười*** là sự chuyển đổi cảm giác. Đó chính là hình ảnh ẩn dụ.

*“Cha lại dắt con đi trên cát mịn*

*Ánh nắng chảy đầy vai”*

                                                  [Những cánh buồm – Hoàng Trung Thông]

*“Ơi con chim chiền chiện*

*Hót chi mà vang trời*

*Từng giọt long lanh rơi*

*Tôi đưa tay tôi hứng”*

                                                  [*Mùa xuân nho nhỏ* - Thanh Hải]

*“Một tiếng chim kêu sáng cả rừng”*

**3.4. Tác dụng của ẩn dụ**

- Ẩn dụ là cách định danh sự vật bằng hình ảnh, in đậm dấu vết chủ quan của người dùng. Quy luật biểu hiện của ẩn dụ là *“lấy xa để nói gần,* *lấy* *vòng nói thẳng, lấy kín nói hở,* *lấy ít nói nhiều”* (Lê Anh Hiền). Các ẩn dụ đẹp thường làm bùng nổ nhiều liên tưởngngữnghĩa kỳ thú cho người đọc, người nghe. Ví dụ:

*Anh chị em thân mến, sau Đức Giáo hoàng vĩ đại Gioan Phaolô II, các Hồng y đã chọn tôi,* ***một người làm công đơn sơ và khiêm nhường trong vườn nho của Chúa****.*

(Hồng Y Ratzinger, *Lời phát biểu nhậm chức Giáo* *hoàng*)

- Ẩn dụ được dùng nhiều trong các phong cách ngôn ngữ văn chương, chính luận, báo chí, khẩu ngữ.

Ví dụ trong văn chính luận:

*“Đặng Tiểu Bình không phải là Chu Ân Lai, tác phong của ông khác Chu Ân Lai, Chu Ân Lai chú ý sách lược, làm cho mình có thể* ***dừng trên mặt nước****, nhưng không thể* ***thay đổi phương hướng*** *chủ yếu của* ***dòng nước chảy xiết****. Đặng Tiểu Bình lại không thuận theo dòng nước xiết, mà là lập tức* ***đắp đập ngăn dòng nước ấy*** *lại.”*

(Pa-ra-xi Đa-nây-si, *Đặng Tiểu Bình*)

- Sức mạnh chủ yếu của ẩn dụ (ẩn dụ truyền thống) là biểu cảm.

- Ẩn dụ là một phép tu từ đặc biệt quan trọng trong diễn đạt (ẩn dụ tu từ) và trong nhận thức về thế giới (ẩn dụ tri nhận).

**3.5. Bài tập thực hành**

**Bài 1: Hãy tìm phép ẩn dụ trong các câu thơ sau:**

***Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng***

***Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ.***

**Bài 2: Chỉ ra phép ẩn dụ trong câu sau:**

***Về thăm quê Bác làng Sen***

***Có hàng râm bụt thắp lên lửa hồng.***

**Bài 3: Trong câu tục ngữ *Ăn quả nhớ kẻ trồng cây,* biện pháp ẩn dụ được sử dụng như thế nào?**

**Đáp án:**

**Bài 1:** Phép ẩn dụ trong câu thơ : mặt trời trong câu thứ 2 . Hình ảnh mặt trời được dùng để chỉ Bác Hồ. Bác như một mặt trời soi sáng, dẫn đường chỉ lối cho dân tộc ta thoát khỏi cuộc sống nô lệ, tối tăm đi tới tương lai độc lập, tự do, hạnh phúc.

**Bài 2:** Phép ẩn dụ trong câu thơ: *hàng râm bụt thắp lên lửa hồng* 🡪Tương đồng về hình thức là màu hồng của lửa và màu đỏ của hoa râm bụt.

**Bài 3:** Phép ẩn dụ: *quả* là tên gọi của một bộ phận trên cây trong câu này được dùng để thay cho thành quả, lợi lộc. Còn *kẻ trồng cây* được dùng thay cho người tạo ra thành quả, lợi lộc. Hai ẩn dụ này tạo nên hình ảnh sinh động đưa ra lời khuyên: cần biết ơn người đã giúp đỡ, đem lại nguồn lợi cho mình.

**BÀI TẬP NÂNG CAO**

**Bài tập 1. Từ “mặt trời” nào trong hai câu thơ sau là ẩn dụ? Phân tích giá trị biểu đạt của hình ảnh ẩn dụ đó.**

**“Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng**

**Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ”**

**(Viễn Phương)**

**Gợi ý**

*Mặt trời* (câu 1): chỉ mặt trời của tự nhiên

*Mặt trời* (câu 2) là ẩn dụ cho Bác Hồ.

Giá trị biểu đạt:

+ Dùng hình ảnh ẩn dụ “mặt trời trong lăng” để viết về Bác, Viễn Phương đã ca ngợi sự vĩ đại của Bác, công lao của Bác đối với non sông đất nước.

+ Đồng thời, hình ảnh ẩn dụ “mặt trời trong lăng” cũng thể hiện sự tôn kính, lòng biết ơn của nhân dân với Bác, niềm tin Bác sống mãi với non sông đất nước ta.

**Bài tập 2. *Trong bài thơ Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ,  Nguyễn Khoa Điềm viết:***

***Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi***

***Mặt trời của mẹ con nằm trên lưng.***

***Phân tích tác dụng của phép tu từ ẩn dụ trong hai câu thơ trên.***

**Gợi ý trả lời:**

 Hai câu thơ sử dụng phép ẩn dụ. “ Mặt trời của bắp” ấy là mặt trời của vũ trụ vụ đem ánh sáng và sự sống cho muôn loài,  oi sáng khắp nhân gian.  Còn mặt trời của mẹ chính là em bé đang nằm ngủ trên lưng.  Em chính là nguồn sống, là động lực phấn đấu, là niềm tin, hi vọng của mẹ. Nhờ có em bé, mẹ quên đi những khó khăn mệt mỏi,  để chịu đựng với nắng cháy mưa nguồn,  với bao vất vả và hiểm nguy. Câu thơ cho thấy tình yêu thương chan chứa và sâu lắng mà người dành cho con.

**Bài 3. Tìm và phân tích ẩn dụ trong các đoạn trích sau:**

1. Người Cha mái tóc bạc

Đốt lửa chó anh nằm.

(Minh Huệ)

2

Bây giờ mận mới hỏi đào

Vườn hồng đã có ai vào hay chưa?

(Ca dao)

3.

Đèn khoe đèn tỏ hơn trăng

Đèn ra trước gió còn chăng hỡi đèn?

(Ca dao)

4.

Chỉ có thuyền mới hiểu

Biển mênh mông nhường nào.

(Xuân Quỳnh)

5.

Em thấy cơn mưa rào

Ngập tiếng cười của bố.

(Phan Thế Khải)

6. Một lá về đâu xa thẳm thẳm

Nghìn làng trông xuống bé con con.

(Nguyễn Khuyến)

7. Vì lợi ích mười năm trồng cây

    Vì lợi ích trăm năm trồng người.

(Hồ Chí Minh)

8. Nói ngọt lọt đến xương.

(Tục ngữ)

9. Thuyền về có nhớ bến chăng

Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền

(Ca dao)

10. Thân em vừa trắng lại vừa tròn

Bảy nổi ba chìm với nước non

Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn

Mà em vẫn giữ tấm lòng son.

(Hồ Xuân Hương)

11. Thân em như tấm lụa đào

Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai.

(Ca dao)

12. Thân em như hạt mưa sa

Hạt vào đài các hạt ra ruộng cày.

(Ca dao)

13. Thân em như giếng giữa đàng

Người khôn rửa mặt người phàm rửa chân.

(Ca dao)

14. Thân em như củ ấu gai.

Ruột trong thì trắng, vỏ ngoài thì đen

Ai ơi nếm thử mà xem

Nếm ra mới biết rằng em ngọt bùi.

(Ca dao)

15. Em như con hạc đầu đình

 Muốn bay không nhấc nổi mình mà bay.

(Ca dao)

16. Ngoài thềm rơi chiếc lá đa,

Tiếng rơi rất mỏng như là rơi nghiêng

(Trần Đăng Khoa)

17. Dưới trăng quyên đã gọi hè

Đầu tường lửa lựu lập lòe đơm bông

(Nguyễn Du)

18. Mà bên nước tôi thì đang hửng lên cái nắng bốn giờ chiều cái nắng đậm đà của mùa thu biên giới.

(Nguyễn Tuân)

19. Ơi con chim chiền chiện

Hót chi mà vang trời

Từng giọt long lanh rơi

Tôi đưa tay tôi hứng.

(Thanh Hải, *Mùa xuân nho nhỏ*)

20. Thác bao nhiêu thác cũng qua,

Thênh thênh là chiếc thuyền ta trên đời.

**Bài 4. Các từ: kim cương, ngôi sao sáng trong các câu thơ sau có phải là ẩn dụ không? Nó có tác dụng gì?**

Nghe dào dạt mười bốn triệu miền Nam đang tỉnh thức.

Không! Ba mươi triệu **kim cương** của thiên hà Tổ quốc

Không! Hàng nghìn triệu **ngôi sao** sáng an hem đang chiếm lĩnh bầu trời.

Hứa một mùa gặt lớn ngày mai.

(Chế Lan Viên)

**Bài 5. Ẩn dụ sau đây thuộc kiểu ẩn dụ nào? Sử dụng ẩn dụ như vậy có tác dụng gì?**

“Mà bên nước tôi thì đang hửng lên cái nắng bốn giờ chiều, cái nắng đậm đà của mùa thu biên giới.”

(Nguyễn Tuân)

**Bài 6. Những câu sau đây có câu nào sử dụng ẩn dụ không ? Nếu có, em hãy chỉ ra những ẩn dụ cụ thể.**

– Chúng ta không nên nướng tiền bạc của cha mẹ.

– Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu.

(Hồ Chí Minh)

**Bài 7. Trong đoạn thơ sau đây:**

Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ

Mặt trời chân lí chói qua tim

Hồn tôi là một vườn hoa lá

Rất đậm hương và rộn tiếng chim.

(Tố Hữu)

a) Tìm các phép so sánh và ẩn dụ trong đoạn thơ.

b) Hãy viết thành văn xuôi đoạn thơ trên.

**Bài 8.**

Có người nói: “Sức mạnh của so sánh là nhận thức, sức mạnh của ẩn dụ là biểu cảm”. Em hãy tìm vài ví dụ tiêu biểu để chứng minh.

**Bài 9. Thay thế những từ in đậm sau bằng những ẩn dụ thích hợp:**

1. Trong ánh hoàng hôn, những nương sắn **với** màu nắng vàng lộng lẫy có trên khắp các sườn đồi.

2. Trong đôi mắt sâu thẳm của ông, tôi thấy **có** một niềm hi vọng.

**Bài 10. Viết một đoạn văn (từ 7 đến 13 câu), trong đó có ít nhất một câu có sử dụng biện pháp ẩn dụ.**

**Gợi ý đáp án**

**Bài 3.**

1. **Người Cha** mái tóc bạc

Đốt lửa chó anh nằm.

(Minh Huệ)

🡪 Người cha ẩn dụ chỉ Bác Hồ, chăm chút, lo lắng, chăm sóc anh bộ đội như người ch chăm sóc con.

2

Bây giờ **mận** mới hỏi **đào**

**Vườn hồng** đã có ai vào hay chưa?

(Ca dao)

Mận: chỉ người con trai

Đào chỉ người con gái

Vườn hồng: chỉ trái tim của người con gái (nói về tình yêu đôi lứa)

🡪 Người nam hỏi người nữ trong trái tim đã yêu thương hình bóng nào chưa?

3.

**Đèn khoe** **đèn tỏ hơn trăng**

Đèn **ra trước gió** còn chăng hỡi đèn?

(Ca dao)

Đèn, trăng➝ những người có tài năng ➝ẩn dụ phẩm chất

- ý nghĩa: tác giả muốn mượn hình ảnh của trăng, đèn, gió để nói câu chuyện về thái độ và cách ứng của con người trong cuộc sống, mỗi người đều có những năng lực và thế mạnh riêng, nên ta ko nên so bì, tự kiêu là mình giỏi hơn người khác, bởi mình mạnh lúc này, trong lĩnh vực này thì người khác mạnh lúc khác, trong lĩnh vực khác

4.

Chỉ có **thuyền** mới hiểu

**Biển** mênh mông nhường nào.

(Xuân Quỳnh)

Thuyền: chỉ người con trai, lênh đênh sóng gió

Biển: chỉ người con gái, thủy chung đợi chờ, bến đỗ bình yên của thuyền.

🡪 Chỉ có “anh” mới hiểu được hết tâm hồn, tấm lòng của “em”

5.

Em thấy cơn mưa rào

**Ướt tiếng cười** của bố.

(Phan Thế Khải)

🡪 Thông thường, tiếng *cười* là âm thanh và được nghe bằng thính giác, còn *ướt*chỉ có thể cảm nhận bằng xúc giác. Như vậy ***ướt tiếng cười*** là sự chuyển đổi cảm giác. Đó chính là hình ảnh ẩn dụ.

6. Một **lá** về đâu xa thẳm thẳm

Nghìn làng trông xuống bé con con.

(Nguyễn Khuyến)

🡪 Từ *lá* chỉ con thuyền nhỏ bé trôi dạt giữa dòng sông. Con thuyền có hình dáng, kích thước (nhìn từ trên cao xuống) và cả trạng thái trôi dạt giống cái lá cây, do đó từ *lá* là một ẩn dụ.  
7. Vì lợi ích mười năm trồng cây

    Vì lợi ích trăm năm **trồng** người.

(Hồ Chí Minh)

🡪 Từ *trồng* vốn chỉ hoạt động trồng cây, nhưng ở câu nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nó còn được dùng để chỉ hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con người. Các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ... đối với cây và đối với con người có quan hệ tương đồng, do đó từ *trồng* (thứ hai) là một ẩn dụ.  
8. Nói **ngọt** lọt đến xương.

(Tục ngữ)

🡪 Từ *ngọt* vốn chỉ cảm nhận của vị giác khi lưỡi tiếp xúc với thức ăn, đưa lại cảm giác dễ chịu, khác với cay, chua, mặn, chát... Nhưng ở câu tục ngữ này, nó chỉ cảm giác về lời nói âm thanh (thính giác). Hai cảm giác này (vị giác và thính giác) đem lại ấn tượng giống nhau, nếu lời nói dễ chịu, khéo léo thì nó cũng *ngọt*.  
9. Thuyền về có nhớ bến chăng

Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền

(Ca dao)

Thuyền: chỉ người con trai lưu lạc, lênh đênh sóng gió

Bến: chỉ người con gái thủy chung đợi chờ

🡪 Nỗi lòng của người con gái nhớ tới chàng trai, mong chàng trai trở về.

10. **Thân em** vừa **trắng lại vừa tròn**

**Bảy nổi ba chìm với nước non**

**Rắn ná**t mặc dầu tay kẻ nặn

Mà em vẫn **giữ tấm lòng son.**

(Hồ Xuân Hương)

🡪 Tất cả là ẩn dụ về hình ảnh ngoại hình phúc hậu, tràn sức sống cùng số phận lênh đênh và phẩm chất thủy chung của người phụ nữ trong xã hội xưa.

11. Thân em như **tấm lụa đào**

Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai.

(Ca dao)

12. Thân em như **hạt mưa sa**

Hạt vào đài các hạt ra ruộng cày.

(Ca dao)

13. Thân em như **giếng giữa đàng**

Người khôn rửa mặt người phàm rửa chân.

(Ca dao)

14. Thân em như **củ ấu gai.**

Ruột trong thì trắng, vỏ ngoài thì đen

Ai ơi nếm thử mà xem

Nếm ra mới biết rằng em ngọt bùi.

(Ca dao)

15. Em như con **hạc đầu đình**

 Muốn bay không nhấc nổi mình mà bay.

(Ca dao)

🡪 Gợi ý: từ câu 12 đến 15: Những hình ảnh được đưa ra so sánh như: *tấm lụa đào, hạt mưa sa, giếng giữa đàng, củ ấu gai, con hạc đầu đình*chính là những hình ảnh ẩn dụ. Tất cả nhằm gợi đến số phận của người phụ nữ xưa: lênh đênh, chìm nổi, không được hưởng tự do, hạnh phúc.

16. Ngoài thềm rơi chiếc lá đa,

Tiếng **rơi rất mỏng** như là **rơi nghiêng**

(Trần Đăng Khoa)

*🡪 Tiếng lá rơi*, vốn là âm thanh, được thu nhận bằng thính giác, không có hình dáng, không cầm nắm được; ở đây, nhờ sự chuyển đổi cảm giác, cái nhẹ của tiếng lá rơi được gợi tả tinh tế, trở nên có hình khối cụ thể (*mỏng* – vốn là hình ảnh của xúc giác) và có dáng vẻ (*rơi nghiêng* – vốn là hình ảnh của thị giác). Đây là hình ảnh chuyển đổi cảm giác vì thế *rơi rất mỏng*và *rơi nghiêng*chính là ẩn dụ.

17. Dưới trăng quyên đã gọi hè

Đầu tường **lửa lựu** lập lòe đơm bông

(Nguyễn Du)

🡪 Ở đây hoa lựu màu đỏ như lửa, bởi vậy lửa (A) được dùng làm ẩn dụ chỉ hoa lựu (B)

18. Mà bên nước tôi thì đang hửng lên cái nắng bốn giờ chiều cái **nắng đậm đà** của mùa thu biên giới.

(Nguyễn Tuân)

🡪 Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác

19. Ơi con chim chiền chiện

Hót chi mà vang trời

Từng **giọt long lanh rơi**

Tôi đưa tay tôi hứng.

(Thanh Hải, *Mùa xuân nho nhỏ*)

🡪 Đoạn thơ này cũng giống hai câu thơ của Nguyễn Du. Ở đây, hình ảnh chim chiền chiện, giọt sương rơi (giọt long lanh) là những dấu hiệu báo mùa xuân đến. Ẩn dụ này được xây dựng, dựa trên cơ sở liên tưởng dấu hiệu đặc trưng – mùa.

20. **Thác** bao nhiêu thác cũng qua,

Thênh thênh là **chiếc thuyền** ta trên đời.

🡪 Câu thơ có hai hình ảnh ẩn dụ:

- Thác – chỉ những khó khăn vất vả, những thử thách. Chiếc thuyền – chỉ con đường cách mạng, chỉ con đường của cả nước non mình.

- Câu thơ xây dựng hình ảnh ẩn dụ dựa trên những liên tưởng có thực (thác – khó khăn, con thuyền – sức vượt qua) để nói lên sức sống và sức vươn lên mãnh liệt của cả dân tộc chúng ta.

**Bài 4.**

Kim cương, ngôi sao sáng trong đoạn trích là những ẩn dụ, dùng để biểu thị những cái quý giá của nhân phẩm con người.

**Bài 5.**

a) Đây là kiểu ẩn dụ chuyển đổi cảm giác.

b) Cách sử dụng ẩn dụ như vậy có tác dụng làm cho sự vật, sự việc mình nói tới thêm rõ, vì được tiếp nhận bằng cả hai giác quan

**Bài 6.**

– Chúng ta không nên nướng tiền bạc của cha mẹ.

– Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu.

(Hồ Chí Minh)

Gợi ý: Bài này có hai ẩn dụ là “tắm” và “nướng”.

**Bài 7.**

a) Đoạn thơ có hai phép ẩn dụ và một phép so sánh, người ta thường gọi là liên dụ. Học sinh hãy chỉ ra cụ thể các phép ẩn dụ và phép so sánh theo gợi ý trên.

b)

Muốn làm được câu này học sinh cần nhớ ẩn dụ là so sánh ngầm, thiếu cả vế A, cả phương diện so sánh và từ so sánh. Học sinh cố gắng phục hồi lại tất cả những yếu tố còn thiếu trong đoạn thơ, chắc chắn đoạn thơ sẽ biến thành đoạn văn.

**Bài 8.**

- Học sinh cần nhớ trong ẩn dụ, sự vật, hiện tượng A và sự vật, hiện tượng B phải có nét tương đồng và quen thuộc, chỉ gọi A là người ta hiểu B. Cho nên ẩn dụ không đem đến cho ta hiểu biết gì thêm về B mà chỉ là cách gọi B một cách gợi cảm. Trong so sánh chỉ cần A và B có một nét giống nhau là đủ. Người ta công khai đối chiếu hai sự vật, hiện tượng để giúp ta hiểu biết sự vật, hiện tượng nói đến một cách có hình ảnh. Qua so sánh, người ta có cảm giác cụ thể hơn về sự vật, hiện tượng muốn nói. Từ những gợi ý trên học sinh tự rút ra kết luận và làm bài.

**Bài 9.**

- Tìm các ẩn dụ có nghĩa tương đồng với các từ in đậm đã cho trong bài tập để thay vào. Tham khảo các từ sau: nhuộm màu, nắng vàng, nằm trải dài, ánh lên, sáng lên, lóe lên…

**Bài 10.** Học Sinh tự luyện tập viết đoạn văn theo yêu cầu.

**4. Biện pháp tu từ hoán dụ**

**4.1. Khái niệm**

- Là dùng từ chỉ vật này để chỉ vật khác dựa trên mối quan hệ tương cận (gần gũi).

- Công thức: A thường gắn liền với hình ảnh B (B báo hiệu, thể hiện cho sự xuất hiện của A).

**Ví dụ:**

*“Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính”*

(***Đồng chí***- Chính Hữu)

=> Quê hương gắn với hình ảnh giếng nước gốc đa.

**\* Kiến thức nâng cao**

- Hoán dụ là phép tu từ dùng từ ngữ mang nghĩa này để diễn đạt thay cho một từ ngữ mang ý nghĩa khác có liên quan về mặt lôgic.

Ví dụ:

(1) *Thế là gần ba tháng trời, những sự đóng góp chi tiêu của một gia đình năm* ***miệng ăn****, hết thảy trông vào hai* ***bàn tay*** *của người đàn bà con mọn.*

(Ngô Tất Tố, *Tắt đèn*)

(2) *Thà rằng* ***ăn bát cơm rau***

*Còn hơn* ***cá thịt*** *nói nhau nặng lời.*

(Ca dao)

**4.2. Cấu tạo**

- Chỉ có một vế (B: cái dùng để thay thế). Còn cái được thay thế (A: cái cần nói tới) ẩn đi, phải suy luận mới biết. Ví dụ:

*Đàn bà dễ có mấy* ***tay***

*Đời xưa mấy* ***mặt****, đời này mấy* ***gan****?*

(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)

🡪 Mối quan hệ giữa B và A: có thực, khách quan, lôgic (quan hệ tương cận).

**4.3. Phân loại**

Có rất nhiều loại vì có rất nhiều kiểu tương quan lôgic. Thường các sách Phong cách học tiếng Việt chia hoán dụ từ 4 đến 8 loại.

Một số kiểu hoán dụ thường gặp:

**a. Hoán dụ bộ phận ↔ toàn thể**

***Đầu xanh*** *có tội tình gì*

***Má hồng*** *đến quá nửa thì chưa thôi.*

(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)

🡪 Chú ý: phân biệt “bộ phận khả ly” và “bộ phận bất khả ly”.

**b. Hoán dụ bộ phận cơ thể → chức năng, đặc điểm**

*Tôi kể ngày xưa chuyện Mỵ Châu*

***Trái tim*** *lầm chỗ để trên* ***đầu***

*Nỏ thần vô ý trao tay giặc*

*Nên nỗi cơ đồ đắm biển sâu ...*

(Tố Hữu, *Tâm sự*)

**c. Hoán dụ vật sử dụng (đồ dùng, trang phục) → người sử dụng**

*Những ngày tôi sống đây là những ngày đẹp nhất*

*Ngày mỗi ngày* ***áo trắng*** *đến thăm tôi.*

(Chế Lan Viên)

**d. Hoán dụ dấu hiệu, biểu hiện cụ thể → hành động, tính chất**

***Mồ hôi*** *mà đổ xuống đồng*

*Lúa mọc trùng trùng sáng cả đồi nương.*

(Ca dao)

**e. Hoán dụ vật chứa ↔ vật bị chứa (cải dung – synecdoche)**

***Sài Gòn*** *thức đêm đêm theo* ***Hà Nội***

*Nghe* ***thủ đô*** *đập giữa tim mình.*

(Giang Nam)

**g. Hoán dụ số xác định ↔ số phiếm định (cải số)**

*Học hành* ***ba chữ*** *lem nhem*

*Thấy gái thì thèm như chửa thèm chua.*

(Ca dao)

**h. Hoán dụ tên riêng → tính cách, đặc tính (cải danh)**

*Một giọng văn rất* ***Nguyễn Tuân****.*

(Báo)

*Giọng nói đặc sệt chất* ***Huế****.* (Khẩu ngữ)

**i. Hoán dụ tác giả ↔ tác phẩm**

(1) *Giá đem lòng tôi đọc* ***Nguyễn Du***

*Có phải đã hiểu nhân dân mình thêm chút nữa?*

(Chế Lan Viên, *Đọc Kiều*)

(2) *Cái ông* ***Số đỏ*** *ấy là một tay viết cự phách trong làng văn trào phúng Việt Nam.*

(Báo)

**4.4. Tác dụng của hoán dụ**

- Tác dụng chủ yếu của hoán dụ là nhận thức. Hoán dụ khắc hoạ, nhấn mạnh một thuộc tính, dấu hiệu nổi bật, quan trọng, độc đáo nào đó (từ góc nhìn của người nói) về đối tượng miêu tả. Vì thế hoán dụ đem lại sự mới lạ về cách gọi tên, một nhận thức mới mẻ, mang nhiều nghĩa khám phá về đối tượng.

- Hoán dụ là một nhãn hiệu đặc tả về sự vật, hiện tượng.

- Tuỳ theo việc chọn lựa dấu hiệu, thuộc tính tích cực, trung tính hay tiêu cực của đối tượng miêu tả khi xây dựng phép hoán dụ mà sắc thái biểu cảm của hoán dụ sẽ là dương tính, trung hoà hay âm tính.

**4.5. Phân biệt ẩn dụ và hoán dụ**

+ Ví dụ ẩn dụ tu từ:

*Súng nổ rung trời giận dữ*

*Người lên như nước vỡ bờ*

*Nước Việt Nam từ* ***máu lửa***

*Rũ* ***bùn*** *đứng dậy sáng loà.*

(Nguyễn Đình Thi, *Đất nước*)

+ Ví dụ hoán dụ tu từ:

*Sói không sợ chó chăn cừu mà sợ* ***sợi dây xích*** *của nó.*

(Tục ngữ Nga)

*Sợi dây xích* ***→*** *tình trạng bị giam cầm, mất tự do, nô lệ.*

\* Giống: chỉ có một vế: cái để biểu thị (B). Vế còn lại: cái được biểu thị (A) vắng mặt.

\* Khác: quan hệ giữa B và A

- Ẩn dụ: quan hệ tương đồng (giống nhau)

- Hoán dụ: quan hệ tương cận (lôgic, khách quan, gần gũi, có thực).

**4.6. Bài tập vận dụng**

**Bài tập 1:** Tìm hiểu ý nghĩa của từ Miền Nam trong các câu thơ sau. Chỉ rõ trường hợp nào là hoán dụ và thuộc kiểu hoán dụ nào ?

1. Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác

Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát.

( Viễn Phương )

1. Gửi miền Bắc long miền Nam chung thuỷ

Đang xông lên chống Mĩ tuyến đầu.

( Lê Anh Xuân)

**Gợi ý**

- Miền Nam (a) : Là tên gọi địa lý, chỉ một vùng.

- Miền Nam (b) : chỉ những người sống ở vùng đó- Trường hợp này là hoán dụ ( Quan hệ giữa vật chứa đựng và vật bị chứa đựng).

**Bài tập 2: Chỉ ra các phép hoán dụ trong những câu sau :**

a) *Họ là hai chục tay sào, tay chèo, làm ruộng cũng giỏi mà làm thuyền cũng giỏi.*

*b) Tự nhiên, Xa Phủ rút cây sáo. Tiếng sáo thoát ra từ ống trúc, véo von… Tiếng sáo theo chân hai người tới lối rẽ.*

c) *Chồng ta áo rách ta thương*

*Chồng người áo gấm xông hương mặc người*.

(Ca dao)

d) *Sen tàn cúc lại nở hoa*

*Sầu dài ngày ngắn đông đà sang xuân*

(Nguyễn Du)

1. *Một viên gạch hồng, Bác chống lại cả một mùa băng giá...*

(Chể Lan Viên)

**Gợi ý**

1. *Tay sào, tay chèo* : Kiểu hoán dụ có quan hệ dấu hiệu của sự vật với sự vật có dấu hiệu đó.
2. *Chân* : Kiểu hoán dụ có quan hệ bộ phận và toàn thể.

*c) áo rách*: là hoán dụ lấy quần áo (áo rách) để thay cho con người (người nghèo khổ).

*áo gấm:*  cũng là hoán dụ lấy quần áo (áo gấm) để thay cho con người( người giàu sang, quyền quí).

d) *Sen:* là hoán dụ lấy loài hoa đặc trưng ( hoa sen) để chỉ mùa (mùa hạ).

*Cúc: là* hoán dụ lấy loài hoa đặc trưng ( hoa cúc) để chỉ mùa (mùa thu).

Chỉ với hai câu thơ nhưng Nguyễn Du đã diễn đạt được bốn mùa chuyển tiếp trong một năm, mùa hạ đi qua mùa thu lại đến rồi mùa thu kết thúc, đông bước sang, đông tàn, xuân lại ngự trị.

e) *Viên gạch hồng:*  là hoán dụ lấy đồ vật (viên gạch hồng) để biểu trưng cho nghị lực thép, ý chí thép của con người. (Bác Hồ vĩ đại).

- *Băng giá:* là hoán dụ lấy hiện tượng tiêu biểu (cái lạnh ở Pa-ri) để gọi thay cho mùa (mùa đông).

**Bài tập 3**:  Với mỗi kiểu hoán dụ sau,  tìm một ví dụ minh họa và chỉ ra mối quan hệ gần gũi giữa các sự vật hiện tượng.

a.  Lấy bộ phận để gọi toàn thể.

b. Lấy vật chứa đựng để gọi vật bị chứa.

A. Lấy dấu hiệu của sự vật để gọi sự vật.

B. Lấy cái cụ thể để gọi cái trừu tượng.

**Gợi ý trả lời:**

1. Một mặt người bằng mười mặt của.  (tục ngữ)

 “Mặt” là một bộ phận cơ thể người cụ thể được dùng để chỉ một con người.

1. Vì sao trái đất nặng ân tình/ nhắc mãi tên người Hồ Chí Minh. ( Tố Hữu)

 “Trái đất” là vật chứa đựng bởi nó là từ chỉ ý nghĩa tổng quát, bao trùm lên tất cả. Nó biểu thị cho tất cả con người sống trên mặt đất (vật bị chứa đựng).

 c.  Tôi hoảng sợ ngày bàn tay mẹ mỏi/  mình vẫn còn một thứ quả non xanh.  (Nguyễn Khoa Điềm)

***“Ngày bàn tay mẹ mỏi”*** là dấu hiệu của người già yếu thu được dùng để chỉ tuổi già của mẹ.  Mẹ đây là hoán dụ lấy dấu hiệu của sự vật để gọi sự vật.

d. “Một nắng hai sương”. (thành ngữ)

“Nắng”, “sương” là hiện tượng thiên nhiên khắc nghiệt,  đối nghịch nhau được dùng để chỉ những khó khăn,  vất vả của người lao động.  Đây là hoán dụ lấy cái cụ thể để chỉ cái trừu tượng.

**Bài tập 4:  Tìm những câu văn,  câu thơ có chứa hoán dụ và giải thích ý nghĩa.**

1. Đứng lên thân cỏ,  thân rơm/  búa liềm không sợ súng gươm bảo tàng.  (Tố Hữu)
2. Ôi những cánh đồng quê chảy máu/  dây thép gai đâm nát trời chiều.  (Tố Hữu)
3. Một nhà sum họp trúc mai/ càng sâu nghĩa bể, càng dài tình sông.  (Nguyễn Du)

**Gợi ý trả lời**

1. Hoán dụ “búa liềm” để chỉ những người nông dân và công nhân Việt Nam sống nhất nô lệ, thân phận thấp cổ bé họng. Hoán dụ “súng gươm” để chỉ những kẻ xâm lược độc ác.  Đây là hoán dụ lấy công cụ để gọi tên người sử dụng.
2. Hoán dụ “chảy máu” để chỉ dấu hiệu đau thương,  chết chóc của chiến tranh phi nghĩa. Đây là hoán dụ dùng dấu hiệu gọi sự vật, sự việc.
3. Hoán dụ “một nhà” chỉ những con người sống trong một gia đình. Đây là hoán dụ dùng vật chứa luận gọi vật bị chứa đựng.

**Bài 5. Xác định và phân tích phép hoán dụ trong các đoạn trích sau:**

1. Sen tàn, cúc lại nở hoa

Sầu dài ngày ngắn, đông đà sang xuân.

(Nguyễn Du)

2. Một trái tim lớn lao đã từ giã cuộc đời

    Một khối óc lớn đã ngừng sống.

(Xuân Diệu, Viết về Na-dim Hít-mét)

3.  Áo chàm đưa buổi phân li

Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay.

(Tố Hữu)

4. Đầu xanh có tội tình gì

Má hồng đến quá nửa thì chưa thôi.

5. Cả làng quê, đường phố

Cả lớn nhỏ, gái trai

Đám càng đi càng dài

Càng dài càng đông mãi.

**6.** Bàn tay ta làm nên tất cả

Có sức người sỏi đá cũng thành cơm.

                                       (Bài ca vỡ đất – Hoàng Trung Thông).

**7.** Mắt thương nhớ ai

 Mắt ngủ không yên.

                              (Ca dao).

8. Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước

Chỉ cần trong trong xe có một trái tim.

(Phạm Tiến Duật)

9. Áo nâu liền với áo xanh

Nông thôn cùng với thị thành đứng lên

                                                      (Tố Hữu)

10. Ðường hoa son phấn đợi  
  Áo gấm về sênh sang.  
                                                        (Đời tàn ngõ hẹp – Vũ Hoàng Chương)

11. Nhớ đôi dép cũ nặng công ơn  
 Yêu Bác lòng ta trong sáng hơn.

                       (Bác ơi – Tố Hữu)

12. Một cây làm chẳng nên non

Ba cây chụm lại nên hòn núi cao

                                    (Ca dao)

13. Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ

Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân

                            (Viếng Lăng Bác – Viễn Phương)

14. Vì sao trái đất nặng ân tình

Nhắc đến tên người Hồ Chí Minh.

                                           (Theo chân Bác – Tố Hữu).

15. Bác nhớ miền Nam nỗi nhớ nhà

Miền Nam mong Bác nỗi mong cha.

                           (Bác ơi – Tố Hữu).

**Bài 6.**Cho đoạn thơ sau:

*Còi máy gọi bến tàu hầm mỏ*

*Hòn Gai kêu Đất Đỏ đấu tranh*

*Áo nâu liền với áo xanh*

*Nông thôn cùng với thị thành đứng lên.*

(Tố Hữu)

a) Trong đoạn thơ trên, tác giả đã sử dụng những từ ngữ nào để làm phép hoán dụ?

b) Phép hoán dụ ở đây nhằm chỉ đối tượng nào?

c) Tác dụng của các phép hoán dụ trong đoạn thơ.

**Bài 7.**Cho các câu sau đây

*- Tay ta tay búa, tay cày*

*Tay gươm, tay bút dựng xây nước mình.*

(Tố Hữu)

*Đứng lên, thân cỏ, thân rơm*

*Búa liềm không sợ súng gươm bạo tàn*

(Tố Hữu)

a) Đó là những hoán dụ kiểu gì?

b) Cách sử dụng hoán dụ như vậy có tác dụng gì?

**Bài 8. Tìm hiểu ý nghĩa của từ miền Nam trong các câu thơ sau. Chỉ rõ trường hợp nào là hoán dụ và thuộc hoán dụ kiểu nào?**

1. Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác

Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát

(Viễn Phương)

2. Gửi miền Bắc lòng miền Nam chung thủy

Đang xông lên chống Mỹ tuyến đầu.

(Lê Anh Xuân)

**Bài 9.** **Chỉ ra các hoán dụ trong những câu sau và cho biết chúng thuộc kiểu hoán dụ nào?**

1. Họ là hai chục tay sào, tay chèo, làm ruộng cũng giỏi mà làm thuyền cũng giỏi.

2. Tự nhiên, Xa Phủ rút cây sáo. Tiếng sáo thoát ra từ ống trúc, véo von…Tiếng sáo bay theo chân hai người tới chỗ rẽ.

(Ma Văn Kháng)

**Bài 10. Tìm ẩn dụ và hoán dụ trong các câu sau:**

1. Nhận của quá khứ những con đê vỡ, những nạn đói, ta đã làm nên các mùa vàng năm tấn, bảy tấn.

(Chế Lan Viên)

2. Bóng hồng nhác thấy nẻo xa

Xuân lan, thu cúc mặn mà cả hai.

(Nguyễn Du)

**Bài 11. Dựa theo mẫu sau, hãy phân biệt ẩn dụ và hoán dụ**

|  | **ẨN DỤ** | **HOÁN DỤ** |
| --- | --- | --- |
| GIỐNG NHAU |  | |
| KHÁC NHAU |  |  |

**Bài 12. Viết đoạn văn (từ 10 đến 15 câu) trong đó có sử dụng ít nhất 1 biện pháp ẩn dụ và 1 biện pháp hoán dụ.**

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Bài 5.**

1. **Sen** tàn, **cúc** lại nở hoa

Sầu dài ngày ngắn, đông đà sang xuân.

(Nguyễn Du)

🡪 Quan hệ giữa vật thể và thời gian thường xuyên xuất hiện của nó (*sen* – mùa hạ, *cúc* – mùa thu);

2. **Một trái tim** lớn lao đã từ giã cuộc đời

**Một khối óc** lớn đã ngừng sống.

(Xuân Diệu, Viết về Na-dim Hít-mét)

🡪 Quan hệ tương cận giữa bộ phận và toàn thể (*một trái tim, một khối óc để chỉ cả con người* ở câu của Xuân Diệu) ;

3**.  Áo chàm** đưa buổi phân li

Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay.

(Tố Hữu)

🡪 Quan hệ giữa tư trang, quần áo thường mặc và người (*áo chàm* – người dân miền núi Việt Bắc).

4. **Đầu xanh** có tội tình gì

**Má hồng** đến quá nửa thì chưa thôi.

🡪 Nhà thơ Nguyễn Du dùng từ đầu xanh với ý nghĩ chỉ tuổi trẻ, từ má hồng với ý nghĩ chỉ người con gái đẹp, một mĩ nhân. Cả hai từ này đều dùng để ám chỉ nhân vật Thuý Kiều.

5. Cả **làng quê**, **đường phố**

Cả lớn nhỏ, gái trai

Đám càng đi càng dài

Càng dài càng đông mãi.

🡪 Lấy làng quê, đường phố để chỉ đồng bào nông thôn và đồng bào thành thị.

**6. Bàn tay** ta làm nên tất cả

Có sức người sỏi đá cũng thành cơm.

                                       (Bài ca vỡ đất – Hoàng Trung Thông).

🡪 Bàn tay- con người lao động - lấy bộ phận con người để chỉ toàn thể con người, đây là ***hoán dụ***

**7. Mắt**thương nhớ ai

**Mắt** ngủ không yên.

                              (Ca dao).

🡪 lấy bộ phận để chỉ toàn thể con người

8. Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước

Chỉ cần trong trong xe có một **trái tim.**

(Phạm Tiến Duật)

**🡪 Lấy bộ phận để chỉ toàn thể**

9. **Áo nâu** liền với **áo xanh**

Nông thôn cùng với thị thành đứng lên

                                                      (Tố Hữu)

🡪 áo nâu hoán dụ cho người nông dân

Áo xanh hoán dụ cho người công nhân.

10. **Ðường hoa** son phấn đợi  
  **Áo gấm** về sênh sang.  
                                                        (Đời tàn ngõ hẹp – Vũ Hoàng Chương)

**🡪 lấy bộ phận để chỉ toàn thể**

11. Nhớ **đôi dép cũ** nặng công ơn  
 Yêu Bác lòng ta trong sáng hơn.

(Bác ơi – Tố Hữu)

🡪 Lấy vật dụng của con người để chỉ Bác Hồ

12. **Một cây** làm chẳng nên non

**Ba cây** chụm lại nên hòn núi cao

                                    (Ca dao)

🡪 Lấy một cây hoán dụ cho số ít người, ba cây hoán dụ cho nhiều người.

13. Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ

Kết tràng hoa dâng **bảy mươi chín mùa xuân**

                            (Viếng Lăng Bác – Viễn Phương)

🡪 Hoán dụ về tuổi thọ của Bác Hồ

14. Vì sao **trái đất** nặng ân tình

Nhắc đến tên người Hồ Chí Minh.

                                           (Theo chân Bác – Tố Hữu).

🡪 Hoán dụ dựa vào vật chứa đựng và vật bị chứa đựng. Ta dễ dàng nhận ra ***trái đất*** là vật chứa đựng bởi nó là từ chỉ ý nghĩa tổng quát, bao trùm lên tất cả. Nó biểu thị cho tất cả con người sống trên mặt đất (vật bị chứa đựng). Vì thế ***trái đất*** ở đây là hình ảnh hoán dụ.

15. Bác nhớ **miền Nam** nỗi nhớ nhà

**Miền Nam** mong Bác nỗi mong cha.

                           (Bác ơi – Tố Hữu).

🡪 ***Miền Nam*** là vật chứa đựng, nó biểu thị cho tất cả con người đang sống ở miền Nam (vật bị chứa đựng). Vì thế ***miền Nam*** là hình ảnh hoán dụ.

**Bài 6.**

a) Học sinh xem lại bài học về hoán dụ và các kiểu hoán dụ, sau đó đọc kĩ đoạn thơ để nắm chắc nội dung và có cảm xúc để tìm các từ ngữ có sử dụng phép hoán dụ.

Dựa vào sự gần gũi giữa hai đối tượng, các từ: còi máy, bến tàu, hầm mỏ, Hòn Gai, đất đỏ, áo xanh đều là từ ngữ hoán dụ để chỉ công nhân. Áo nâu, nông thôn và thị thành cũng đều là các từ ngữ hoán dụ.

b) Dựa vào kết quả trên, học sinh hãỵ thay vào các từ ngữ trong đoạn thơ để chỉ đúng đối tượng.

c) Tác giả muốn tránh lặp lại, đồng thời thay đổi nhiều tên gọi khác nhau làm cho câu thơ, đoạn thơ sinh động, uyển chuyển.

**Bài 7.**

a) Học sinh trả lời câu hỏi sau đây để tìm lời giải.

– Các từ tay thay thế cho những ai? Quan hệ giữa tên gọi (tay) và đối tượng cần biểu thị là quan hệ gì? Đây có phải lấy bộ phận để chỉ toàn thể không?

– Búa liềm thay cho ai? Súng gươm thay cho kẻ nào? Đây có phải là lấy vật dụng để chỉ người không? Theo đó học sinh tự giải bài tập này.

– Học sinh thấy có giống như tác dụng ở câu (c) Bài tập 1 không?

**Bài 8.**

1. Miền Nam là tên địa lý nên không phải là hoán dụ.

2. Miền Nam chỉ người sống ở vùng đó, nên là hoán dụ.

**Bài 9.**

1. Tay sào, tay chèo: kiểu hoán dụ quan hệ sở hữu và vật bị sở hữu

2. chân: lấy bộ phận để chỉ toàn thể.

**Bài 10.**

1. Ẩn dụ:

- những con đê vỡ, những nạn đói - biểu tượng cho những khó khăn, thiếu thốn trong quá khứ, khi thiên tai, nạn đói hoành hành.

- mùa vàng năm tấn, bảy tấn - biểu tượng cho thành quả, đủ đầy.

2. Hoán dụ: bóng hồng chỉ người con gái đẹp, trong trường hợp này chỉ chị em Thúy Kiều

**5. Biện pháp tu từ điệp từ, điệp ngữ**

**5.1. Khái niệm**

- Là BPTT nhắc đi nhắc lại nhiều lần một từ, cụm từ có dụng ý làm tăng cường hiệu quả diễn đạt: nhấn mạnh, khẩng định tính chất sv, liệt kê…tạo ấn tượng, gợi liên tưởng, cảm xúc… và tạo nhịp điệu cho câu/ đoạn văn bản

“Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín” [Cây tre Việt Nam – Thép Mới]

**5.2. Phân loại**

\* Gồm: Điệp cách quãng, điệp vòng tròn, điệp nối tiếp

**a. Điệp cách quãng**

“Buồn trông cửa bể chiều hôm,

Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?

Buồn trông ngọn nước mới sa,

Hoa trôi man mác biết là về đâu ?

[***Truyện Kiều*** – Nguyễn Du]

- Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết/ Thành công, thành công, đại thành công.

(Hồ Chí Minh)

**b. Điệp nối tiếp**

*“Mai sau*

*Mai sau*

*Mai sau*

*Đất xanh, tre mãi xanh màu tre xanh”*

                                                           [Tre Việt Nam – Nguyễn Duy]

**c. Điệp vòng tròn**

“Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy

Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu

Ngàn dâu xanh ngắt một màu

Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?”

[***Chinh phụ ngâm*** – Đoàn Thị Điểm]

***\* Lưu ý:*** Điệp ngữ khác với *cách nói, cách viết* ***lặp*** do nghèo nàn về vốn từ, do không nắm chắc cú pháp nên nói và viết lặp, đó là một trong những lỗi cơ bản về câu

**5.3. Tác dụng của điệp từ, điệp ngữ**

**- Tác dụng nhấn mạnh:** Điệp ngữ được sử dụng câu thơ, văn thường có tác dụng nhấn mạnh vào một sự vật, sự việc nào đó hoặc việc lặp lại có chủ đích nhấn mạnh tâm tư, tình cảm, nỗi lòng của nhân vật được nhắc tới trong câu.

**Ví dụ:**

“**Một bếp lửa** chờn vờn sương sớm  
**Một bếp lửa** ấp iu nồng đượm  
Cháu thương bà biết mấy nắng mưa!”

Trong khổ thơ trên “Một bếp lửa” được lặp lại 2 lần ở đầu mỗi câu thơ có tác dụng nhấn mạnh hình ảnh bếp lửa trong trí nhớ của người cháu. Từ đó thể hiện tình cảm là nỗi nhớ nhung da diết về “bếp”, về bà dấu yêu.

**- Tác dụng liệt kê:** Điệp ngữ còn có tác dụng liệt kê các sự vật, sự việc được nói tới trong câu làm sáng tỏ ý nghĩa, tính chất của sự vật, sự việc.

Ví dụ: “Hạt gạo làng ta/**Có** vị phù sa/Của sông Kinh Thầy/**Có** hương sen thơm/Trong hồ nước đầy/**Có** lời mẹ hát…./**Có** bão tháng bẩy

Điệp từ “có” lặp lại 4 lần tạo sự liệt kê làm nổi bật tinh túy làm nên hạt gạo đó là vị phù sa, hương sen, lời mẹ hát, bão tháng bảy, mưa tháng ba. Từ đó cảm nhận vất vả, nhọc nhằn hậu phương khi làm ra lương thực cung cấp cho tiền tuyến.

**6. Biện pháp tu từ nói giảm nói tránh**

**6.1. Khái niệm**

- Nói giảm nói tránh là biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển trong giao tiếp, tránh gây cảm giác quá đau buồn, ghê sợ, nặng nề; tránh thô tục, thiếu lịch sự.

**- Ví dụ:** Chúng ta thường dùng từ tử thi thay cho từ xác chết hoặc muốn nói lịch sự chúng ta không dùng từ già mà dùng từ có tuổi,…

**6.2. Tác dụng của nói giảm nói tránh**

- Tránh gây cảm giác quá đau buồn, ghê sợ, nặng nề;

- Tránh thô tục, thiếu lịch sự.

- Tôn trọng người đối thoại với mình.

- Giúp người nghe dễ tiếp thu ý kiến, góp ý.

**6.3. Những cách nói giảm nói tránh**

– Có 4 cách mà chúng ta có thể áp dụng biện pháp tu từ này khi làm văn gồm:

+ Dùng các từ đồng nghĩa đặc biệt là từ Hán – Việt: **Ví dụ:** *Bà cụ đã chết rồi => Bà cụ đã quy tiên rồi.*

+ Dùng cách nói vòng: **Ví dụ:** *Anh còn kém lắm => Anh cần phải cố gắng hơn nữa.*

+ Dùng cách nói phủ định bằng từ trái nghĩa: **Ví dụ:** *Bức tranh này anh vẽ xấu lắm => Bức tranh này anh vẽ chưa được đẹp lắm.*

+ Dùng cách nói trống (tỉnh lược): **Ví dụ:** *Anh ấy bị thương nặng thế thì không còn sống được lâu nữa đâu chị à => Anh ấy (…) thế thì không ( …) được lâu nữa đâu chị à.*

**7. Biện pháp tu từ nói quá**

**7.1. Khái niệm**

- Tên gọi khác: *ngoa dụ,* *thậm xưng, khoa trương, phóng đại, cường điệu, ngoa ngữ, nói ngoa.*

- Là phép tu từ phóng đại quy mô, tính chất, đặc điểm của đối tượng nhằm làm nổi rõ đặc trưng bản chất của đối tượng miêu tả, gây sự chú ý, tăng cường sức biểu cảm, gây cười

Ví dụ: *Thuận vợ thuận chồng tát biển Đông cũng cạn.*

*“Độc ác thay, trúc Nam sơn không ghi hết tội*

*Dơ bẩn thay, nước Đông hải không rửa sạch mùi”*

                                                       [Bình Ngô đại cáo – Nguyễn Trãi]

*“Dân công đỏ đuốc từng đoàn*

*Bước chân nát đá muôn tàn lửa bay”*  [*Việt Bắc* - Tố Hữu]

**7.2. Một số biện pháp nói quá**

- Biện pháp nói quá thường được sử dụng kèm với biện pháp tu từ so sánh, ẩn dụ, hoán dụ. Ví dụ: Rẻ như bèo, nhanh như cắt…

- Nói quá kết hợp với phép so sánh, ví dụ: Đen như cột nhà cháy

- Dùng những từ phóng đại khác: Cười vỡ cả bụng

**7.3. Tác dụng của biện pháp tu từ nói quá**

- Gây ấn tượng đặc biệt, tăng sức biểu cảm hoặc gây cười.

- Làm rõ hơn bản chất của đối tượng (không phải là nói dối)

**7.4. Cách sử dụng biện pháp tu từ nói quá**

- Thường được sử dụng thường xuyên trong lời nói hằng ngày, trong các văn bản chính luận, văn bản văn chương.

- Thận trọng: khi giao tiếp với người trên, người lớn tuổi.

- Không nên dùng: trong các văn bản hành chính, văn bản khoa học.

**8. Biện pháp tu từ chơi chữ**

**8.1. Khái niệm**

- Chơi chữ là BPTT lợi dụng đặc sắc về âm, về nghĩa của từ ngữ để tạo sắc thái dí dỏm, hài hước,…. làm câu văn hấp dẫn và thú vị.

*“Bà già đi chợ cầu đông*

*Xem một que bói lấy chồng lợi chăng*

*Thầy bói gieo quẻ nói rằng:*

*Lợi thì có lợi nhưng răng chẳng còn”\*

*(Ca dao)*

**Ví dụ:** “Nhớ nước đau lòng con quốc quốc

Thương nhà mỏi miệng cái gia gia”.

(***Qua Đèo Ngang***- Bà Huyện Thanh Quan)

**8.2. Các lối chơi chữ thường gặp**

+ Dùng từ ngữ đồng âm

+ Dùng lối nói trại âm (gần âm)

+ Dùng cách điệp âm

+ Dùng lối nói lái.

+ Dùng từ ngữ trái nghĩa, đồng nghĩa, gần nghĩa.

- Chơi chữ được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày, thường trong văn thơ, đặc biệt là trong văn thơ trào phúng, trong câu đối, câu đố,….

**Ví dụ**: TRời sinh ông Tú Cát

Đất nứt con bọ hung.

**9. Biện pháp tu từ đảo ngữ**

**9.1. Khái niệm**

- Đảo ngữ là hiện tượng đảo ngược vị trí động từ, trợ từ lên trước chủ ngữ nhằm mục đích nhấn mạnh, thể hiện cảm xúc của người viết hoặc tạo hình ảnh, đường nét, chiều sâu cho lời văn, ý thơ. Tuy nhiên việc thay đổi trật tự từ này không làm mất đi quan hệ cú pháp vốn có của câu, sự thay đổi này chỉ mang dụng ý nghệ thuật, làm tăng tính gợi hình và truyền cảm cho diễn đạt.

**Ví dụ 1:**

"Chất trong vị ngọt mùi hương

Lặng thầm thay những con đường ong bay"

 (Nguyễn Đức Mậu)

Câu thơ thứ hai, theo cấu trúc ngữ pháp thông thường sẽ phải là "Thay những con đường ong bay lặng thầm". Nhưng ở đây nhà thơ đã đảo vị ngữ "lặng thầm" lên vị trí đầu câu, trước chủ ngữ góp phần nhấn mạnh được ý nghĩa đẹp đẽ, đó là sự lao động thầm lặng, không biết mệt mỏi của bầy ong thật đáng ngưỡng mộ. Bằng cách sử dụng biện pháp tu từ đảo ngữ đã khiến cho mạch thơ trôi chảy hơn, tăng tính gợi hình, biểu ca

**\* VD 2: Trong đoạn thơ**:

*“ Đã tan tác những bóng thù hắc ám*

*Đã sáng lại trời thu tháng Tám*

*Trên đường ta về lại Thủ đô*

*Cờ đỏ bay quanh tóc bạc Bác Hồ!”*

*Tố Hữu*

**Những câu có đảo ngữ:**

*Đã tan tác những bóng thù hắc ám*

*Đã sáng lại trời thu tháng Tám*

**Tác dụng:**

Diễn đạt như vậy nhằm nhấn mạnh các ý nêu trong bộ phận vị ngữ (“Đã tan tác”, “Đã sáng lại”; “Trong xanh”, “Trong vắt”; “Rắc trắng vườn nhà”, “Sáng cả đôi bờ”; “Đã qua rồi”).

**9.2. Phân biệt đảo ngữ**

- Hình thức của biện pháp đảo ngữ khá đa dạng, chúng ta có thể phân loại đảo ngữ thành hai loại như sau:

- Đảo ngữ các thành phần trong câu

Ví du: Đảo vị ngữ lên trước chủ ngữ "Lác đác bên sông rợ mấy nhà" thay vì "Mấy rợ, mấy nhà lác đác bên sông".

- Đảo ngữ các thành tố cụm từ

Ví dụ: Đảo ngữ các thành tố thành "Biếc đồi nương" thay vì "Đồi nướng biếc".

**9.3. Tác dụng của đảo ngữ**

- Tác dụng chính của biện pháp tu từ đảo ngữ là giúp nhấn mạnh các hình ảnh, sự vật, con người để gây sự chú ý cho người đọc; thể hiện được những cảm xúc, tâm tư giấu kín của người viết, người nói. Ngoài ra đảo ngữ cũng là một biện pháp tu từ cho nên còn có tác dụng tăng sức gợi cảm, gợi hình và sinh động cho câu thơ, câu văn. Thay đổi trật tự câu từ để tạo ra dụng ý nghệ thuật, tạo ra sắc thái tu từ.

**9.4. Ví dụ về đảo ngữ**

Biện pháp đảo ngữ là kiến thức tiếng việt phức tạp, học sinh dễ bị nhầm lẫn khi phân tích cấu trúc câu đảo và vai trò của phép đảo trong ý thơ, lời văn. Để nắm vững kiến thức phần nội dung này các em nên thực hành nhiều đoạn văn, đoạn thơ. Có như vậy mới có thể hiểu rõ bản chất vấn đề và dễ dàng vận dụng vào các bài tập, bài kiểm tra trên lớp. Dưới đây là một số bài tập kèm lời giải, bạn đọc có thể tham khảo.

**Câu 1:**Trong hai câu văn dưới đây, câu nào có sử dụng biện pháp đảo ngữ? Hãy chỉ rõ tác dụng gợi tả và nhấn mạnh ý của câu văn đảo ngữ

a, Đằng ca, trong mây mờ, bóng những nhịp cầu sắt uốn cong, vắt qua dòng sông lạnh đã hiện ra.

b, Đằng xa trong mây mờ, đã hiện ra bóng những nhịp cầu sắt uốn cong, vắt qua dòng sông lạnh đã hiện ra.

**Lời giải:**

Câu văn thứ hai (b) có dùng biện pháp đảo ngữ, cụ thể đảo vị trí của vị ngữ lên trước chủ ngữ. Tác dụng của câu văn có đảo ngữ: gợi tả rõ bức tranh cảnh vật {khác với câu a chỉ là kiểu câu tường thuật binh thường); nhấn mạnh sự xuất hiện của sự vật được miêu tả "bóng những nhịp cầu sắt uốn cong, vắt qua dòng sông lạnh"

**Câu 2:** Nêu tác dụng của biện pháp đảo ngữ được sử dụng trong bài thơ sau;

"Bên này là núi uy nghiêm

Bên kia là cánh đồng liền chân mây

Xóm làng xanh mát bóng cây

Sông xa trắng cánh buồm bay lưng trời"

(Quê em - Trần Đăng Khoa)

**Lời giải:**

Các từ "xanh mát" ở trong câu thơ thứ ba và "trắng" ở trong câu thơ thứ tư; các tính từ này thường được diễn đạt như sau: bóng cây xanh mát, cánh buồm trắng. Cách diễn đạt đảo ngữ "xanh mát bóng cây"; "trắng cánh buồm" ; làm cho hai tính từ được chuyển loại "xanh mát", "trắng" mang đặc điểm của động từ có tác dụng nhấn mạnh ý miêu tả và gợi cảm xúc cho người đọc.

**Câu 3:** Vận dụng kiến thức về biện pháp đảo ngữ để diễn đạt lại những câu văn dưới đây cho sinh động, gợi cảm

a. Nước sông Hương xanh biêng biếc, màu hoa phượng vĩ đỏ rực hai bên bờ.

b. Giữa trời khuya tĩnh mịch, một vầng trăng vằng vặc trên sông, một giọng hò mái đẩy thết tha dịu dàng.

c. Xa xa, những ngọn núi nhấp nhô, mấy ngôi nhà thấp thoáng, vài cánh chim chiều bay thấp thoáng về tổ.

**Lời giải:**

a. Xanh biêng biếc nước sông Hương, đỏ rực hai bên bờ màu hoa phượng vĩ.

b. Giữa trời khuya tĩnh michh, vằng vặc trên sống một vầng trằn, thiết tha dịu dàng.

c. Xa xa, nhấp nhô những ngọn núi, thấp thoáng mấy ngôi nhà, lững thững vài cánh chim chiều bay về tổ.

**Câu 4:** Hãy chỉ rõ các từ được dùng theo biện pháp đảo ngữ trong đoạn thơ dưới đây và nêu tác dụng gợi tả, gợi cảm của chúng

"Dừng chân nghỉ lại Nha Trang

Hiu hiu gió thổi, trời quang tuyệt vời.

Xanh xanh mặt biển da trời,

Cảnh sao quyến rũ lòng người khó quên."

**Lời giải**

Các từ được dùng theo biện pháp đảo ngữ trong đoạn thơ lần lượt là "hiu hiu" và "xanh xanh".

Tác dụng: "Hiu hiu" gợi mức độ nhẹ nhàng của cơn gió và cảm giác dễ chịu, thư thái trong cảnh vật và trong chính cảm xúc của tác giả - người khách qua đường nán lại dừng chân nghỉ ngơi.

"Xanh xanh" gợi màu sắc của biển trời và cảm xúc có phần lạ lẫm, bất ngờ của tác giả trước thiên nhiên, đất trời tươi đẹp nơi đây.

Như vậy, cả hai từ đều có tác dụng làm tăng tính gợi hình mạnh mẽ cho ý thơ, khiến người đọc hình dung ra trước mắt một khung cảnh thiên nhiên nên thơ, trữ tình.

**Câu 5:** Hãy chỉ ra biện pháp đảo ngữ được dùng trong đoạn thơ dưới đây. Hãy thử so sánh với cách diễn đạt thông thường, không đảo ngữ để làm rõ tác dụng của biện pháp đảo ngữ.

"Em ạ, Cu-ba ngọt lịm đường

Mía xanh đồng bãi, biếc đồi nương

Cam ngon, xoài ngọt vàng nông trại

Ong lạc đường hoa, rộn bốn phương..."

                                                             (Tố Hữu)

**Lời giải**

Biện pháp tu từ đảo ngữ được sử dụng ở câu thơ thư nhất "ngọt lịm đường" thay vì " đường ngọt lịm"; câu thơ thứ hai  "mía xanh đồng bãi" thay vì "đồng bãi mía xanh", "biếc đồi nương" thay vì đồi nương biếc"; câu thơ thứ ba "cam ngon, xoài ngọt vàng nông trại" thay vì cấu trúc thông thường là "nông trại cam ngon, xoài vàng ngọt".

Tác dụng: So sánh giữa cách diễn đạt có dùng biện pháp tư từ đảo ngữ với câu thơ không dùng biện pháp tu từ đảo ngữ có thể thấy rõ cách diễn đạt có dùng đảo ngữ giàu tính gợi hình, biểu cảm hơn, tác giả muốn nhấn mạnh để làm nổi bật những đặc điểm của cỏ cây, hoa trái đất nước Cu-ba bằng cách đẩy những tính từ "ngọt lịm", "cam ngon", xoài ngọt"... >>lên đầu câu thay vì để ở vị trí cuối câu như thông thường. Đây là cách sắp xếp câu từ đầy thông minh và khéo léo của bậc thi nhân.

**10. Biện pháp tu từ liệt kê**

**10.1. Khái niệm**

- Cách sắp xếp hàng loạt các từ hay cụm từ cùng loại để diễn tả đầy đủ hơn, sâu sắc hơn những khía cạnh, biểu hiện khác nhau của thực tế hay của tình cảm.

- Công thức: A, A’, A’’, A’’’.

**Ví dụ:**

*“Hồi nhỏ sống với đồng*

*Với sông rồi với bể.”*

(***Ánh trăng***- Nguyễn Duy)

**10.2. Phân loại liệt kê**

**\* Xét theo cấu tạo,**có 2 kiểu liệt kê:

**- Liệt kê theo từng cặp:**là kiểu liệt kê với các cặp từ đi liền với nhau.

Ví dụ: Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả **tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải**để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy. (Hồ Chí Minh)

**- Liệt kê không theo từng cặp:**là kiểu liệt kê hàng loạt các sự vật, hiện tượng có điểm chung tương đồng.

Ví dụ: **Một chiếc giường đơn, một ngọn đèn hoa kì trên chiếc chõng tre, bộ ấm tích, điếu bát.**(Bảo Ninh)

**\* Xét về ý nghĩa,**có 2 kiểu liệt kê:

**- Liệt kê tăng tiến:**là kiểu liệt kê theo một trình tự quy luật nhất định.

Ví dụ: **Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc.** Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp, cứu nước. (Hồ Chí Minh)

**- Liệt kê không tăng tiến:**là việc liệt kê các thành phần có mối quan hệ bình đẳng. Ví dụ: Mặc dù ông xuống “kiềng” cùng với một nhóm khá đông trợ lí và trinh sát, mặc dù ông cũng trang bị và nai nịt như mọi người, ***tiểu liên AK, dép đúc, mũ cối, áo lính Tô Châu***, nhưng trong bóng rừng nhập nhoạng tôi vẫn nhận ra ông ngay. (Bảo Ninh)

**10.3. Tác dụng của liệt kê**

-  Làm tăng hiệu quả biểu đạt, diễn đạt, ngắn gọn, dễ hiểu.

- Nhấn mạnh ý, chứng minh cho nhận định của tác giả. Trong văn học, liệt kê được sử dụng như một phép tu từ.

**10.4. Lưu ý khi sử dụng biện pháp tu từ liệt kê**

- Tất cả các từ được liệt kê phải có chung một chủ đề hoặc một ý nghĩa chung cụ thể.

- Phương pháp tăng dần yêu cầu xác định đúng thứ tự từ thấp đến cao.

- Các từ phải được phân tách bằng dấu phẩy, dấu chấm phẩy hoặc kết hợp từ “như”, “với”, “và”, “cùng”,...

**11. Biện pháp tu từ Câu hỏi tu từ**

**11.1. Khái niệm**

- Câu hỏi tu từ là câu hỏi được con người đặt ra nhưng lại không hướng tới việc tìm kiếm câu trả lời, hoặc nội dung câu trả lời đã có sẵn trong câu hỏi đó.Tùy vào mục đích giao tiếp của người hỏi, hoặc dụng ý nghệ thuật trong văn học mà câu hỏi tu từ có thể biểu đạt, hay tượng trưng cho một ý nghĩa nhất định nào đó.

**Ví dụ 1**: Sao anh không về chơi thôn Vĩ?

(Đây thôn Vĩ Dạ- Hàn Mặc Tử)

**Ví dụ 2:** Ai làm cho bướm lìa hoa

Con chim xanh lỡ bay qua vườn hồng.

(Ca dao)

**Ví dụ 3:** Ai lên Tây Tiến mùa xuân ấy

Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi.

(Tây Tiến – Quang Dũng)

**Ví dụ 4:** Chiều nay trên bến Vân Lâu

Ai ngồi ai câu, ai sầu ai thảm.

(Ca dao)

**Ví dụ 5:** Em ơi buồn làm chi?

Anh đưa em về bên kia song Đuống.

(Bên kia sông Đuống – Hoàng Cầm)

**11.2. Dấu hiệu nhận biết của câu hỏi tu từ**

- Có đầy đủ hình thức của một câu nghi vấn và luôn có dấu chấm hỏi để kết thúc một câu.

- Câu hỏi tu từ được sử dụng nhằm khẳng định, hoặc nhấn mạnh nội dung, ý nghĩa nào đó mà người nói hoặc người viết muốn biểu đạt đến người khác.

- Thông tin được truyền đạt phải dễ hiểu, dễ tiếp thu đối với người đọc, người nghe.

- Thông tin luôn mang ý nghĩa tượng trưng cho một vấn đề nào đó.

- Được dùng theo cách nói ẩn dụ, nhằm thể hiện sắc thái biểu đạt.

- Có thể mang hàm ý phủ định với nội dung được người nói, người viết nhắc đến trong câu.

**11.3. Tác dụng của câu hỏi tu từ**

- Nhấn mạnh nội dung, thông tin mà người nói hoặc người viết muốn biểu đạt.

- Giúp cho câu văn trở nên sinh động, hấp dẫn và trực quan hơn. Giúp tăng hiệu quả diễn đạt nội dung, làm cho sắc thái ý nghĩa trong câu trở nên đa dạng và phong phú hơn.

- Thu hút sự chú ý và tập trung của người nghe, người đọc vào cuộc đối thoại, hoặc câu văn.

**11.4. Phân loại câu hỏi tu từ**

**Câu hỏi tu từ gồm 2 dạng**:

- Câu hỏi tu từ mang nghĩa khẳng định: Được sử dụng để khẳng định lại mệnh đề đã được nhắc đến trước đó, đồng thời nhấn mạnh lại nội dung, ý nghĩa mà người viết muốn truyền đạt.

- Câu hỏi tu từ mang nghĩa phủ định: Có thể không chứa những từ phủ định như: không, chưa… Nhưng chúng vẫn mang ý nghĩa tương phản, đối lập, phủ định mệnh đề được nhắc đến trong câu/đoạn.

**11.5. Phân biệt câu hỏi tu từ và câu nghi vấn**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi tu từ** | **Câu nghi vấn** |
| - Loại câu hỏi được dùng nhiều trong văn học - nghệ thuật nhằm mục đích khẳng định lại, nhấn mạnh hơn nội dung mà tác giả muốn gửi gắm qua câu hỏi ấy.  - Về chủ thể, người nêu câu hỏi có thể xác định được, nhưng không xác định rõ ràng người được hỏi là ai. | - Câu hỏi nhằm mục đích làm sáng tỏ một nội dung nào đó, người hỏi mong muốn nhận được câu trả lời từ người được hỏi.  - Về chủ thể, có ít nhất hai chủ thể - người hỏi và người được hỏi - thường là trực tiếp (người hỏi nêu câu hỏi, người được hỏi nghe câu hỏi và trả lời), hoặc gián tiếp qua công cụ nào đó (qua thư, qua tin nhắn,...) Câu nghi vấn thường được dùng trong thực tiễn cuộc sống hàng ngày. |

**12. Biện pháp tu từ**

**12.1. Khái niệm**

- Chêm xen là một biện pháp tu từ, khi người viết xen một từ, cụm từ, một câu vào câu nhằm giải thích, bổ sung thông tin, ý nghĩa cho câu hoặc hướng tới mục đích tăng tính hình tượng, sắc thái biểu cảm cho câu.

- Công thức: A- abc- B.

**Ví dụ:**

*“Cô bé nhà bên (Có ai ngờ)*

*Cũng vào du kích*

*Hôm gặp tôi vẫn cười khúc khích*

*Mắt đen tròn (thương thương quá đi thôi).*

**12.2. Dấu hiện nhận biết**

- Dấu ngoặc đơn.

- Dấu phẩy.

- Dấu gạch ngang.

- Sử dụng các từ nối như "thêm vào đó", "ngoài ra", "tuy nhiên", "do đó", "vì vậy", "mặt khác"

**Ví dụ:**

Cô gái như chùm hoa lặng lẽ

Nhờ hương thơm nói hộ tình yêu

(Anh vô tình, anh chẳng biết điều,

Tôi đã đến với anh rồi đó).

(**Hương thầm** – Phan Thị Thanh Nhàn)

=> - Sử dụng phép chêm xen để thể hiện tâm trạng và cảm xúc của người viết bằng cách chèn ý nghĩa bên trong dấu ngoặc đơn, làm nổi bật điều tác giả muốn truyền đạt và tạo thêm chiều sâu cho đoạn văn.

**12.3.  Tác dụng của chêm xen**

- Việc chèn thêm những chi tiết này làm nổi bật và làm rõ ý kiến, thể hiện sự tinh tế và sự đa dạng trong diễn đạt.

- Giúp bài viết dễhiểu, nhất quán, cấu trúc rõ ràng.

- Giúp nội dung mang tính logic, sự trôi chảy, phong phú.

**13. Biện pháp tu từ dấu chấm lửng**

**13.1. Khái niệm**

 - Dấu chấm lửng được kí hiệu bởi ba dấu chấm, còn gọi là dấu ba chấm, là một trong các loại dấu câu thường gặp trong văn viết.

- Kí hiệu dấu chấm lửng: được kí hiệu bởi ba dấu chấm nằm cạnh nhau: “...”

**13.2. Tác dụng của dấu chấm lửng**

 Dấu chấm lửng phối hợp với dấu phẩy ngầm cho biết nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết.

**Ví dụ**:

“Chúng ta có quyền tự hào về những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung…”

 (Hồ Chí Minh)

- Dấu chấm lửng thể hiện lời nói bỏ dở, ngập ngừng, ngắt quãng.

**Ví dụ:**

“Thốt nhiên một người nhà quê, mình mẩy lấm láp, quần áo ướt đầm, tất cả chạy xông vào thở không ra lời:

- Bẩm... quan lớn... đê vỡ mất rồi!”.

(Phạm Duy Tốn)

- Dấu chấm lửng làm giãn nhịp điệu của câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ thường có sắc thái hài hước, châm biếm.

**Ví dụ:**

“Quan đi kinh lí trong vùng

Đâu có... gà vịt thời lùng về xơi.”

(Tú Mỡ)

**13.3. Cách dùng dấu chấm lửng**

- Dùng để cho biết còn nhiều thông tin mà người viết không thể liệt kê hay mô tả hết vì nội dung quá dài.

- Để diễn tả lời nói, cảm xúc ngập ngừng, bỡ ngỡ, đứt quãng.

- Tăng sự kịch tính, hài hước cho câu chuyện.

- Làm giảm nhịp điệu câu văn, lời nói nào đó.

- Biết được kết quả câu trả lời, nhưng vì nhiều lý do ta cũng dùng dấu chấm lửng để thay cho câu trả lời.

- Tùy thuộc vào bối cảnh, vị trí trong một câu, dấu chấm lửng có thể dùng để thể hiện suy nghĩ chưa hoàn thành, cảm xúc nào đó.

**13.4. Ví dụ về dấu chấm lửng**

**– Tỏ ý còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết (thường đặt ở giữa câu hoặc cuối câu);**

Ví dụ:

+ *Đồn điền Đỗ Văn Nhân, ngoài ruộng thẳng cánh cò bay, đồi chè, cà phê… hàng hai, ba trăm mẫu, còn nuôi rất nhiều bò.*

(Xuân Thu)

+ *Anh càng ra sức để hát, để đàn, và để… không thể nghe.*

(Nguyễn Công Hoan)

+ *Lơ lửng cao đưa tận lưng trời xanh ngắt.*

*Mây bay… gió quyến mầy bay.*

(Thế Lữ)

+ *Anh sáng lọc xanh qua những tán lá cây: cây mận (tức cây roi), cây dừa, cây sầu riêng, cây mãng cầu xiêm, cây mãng cầu da, cây ổi, cây măng cụt…*

(Xuân Diệu)

+*Thể hiện ca Huế có sôi nổi, vui tươi, có buồn cảm, bâng khuâng, có tiếc thương ai oán…*

(Hà Ánh Minh)

**– Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở, hay ngập ngừng, ngắt quãng.**

**Ví dụ:**

*– Gần cuối bữa, Nguyên bảo tôi:*

*+ Chị ơi, em… em. – Nó bỏ lửng không nói tiếp. Tôi bỏ bát bún đang ăn dở nhìn nó khó hiểu. Thảo nào trong lúc nói chuyện, tôi có cảm giác như nó định nói chuyện gì đó nhưng còn ngần ngại.*

(Thùy Linh)

+*Bởi vì… bởi vì… (San cúi mặt và bỏ tiếng Nam, dùng tiếng Pháp) người ta lừa dối anh.*

(Nam Cao)

+ *Đó dây, những mái ngói của nhà hội trường, nhà ăn, nhà máy nghiền cói làm bìa cứng… xòe nở nụ cười tươi đỏ.*

(Bùi Hiển)

**–Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm.**

*Quan đi kinh lí trong vùng*

*Đâu có… gà vịt thời lùng về xơi.*

(Tú Mỡ)

+ Thầy Lí cũng xòe năm ngón tay trái úp lên trên ngón tay mặt nói:

*Tao biết mày phải… nhưng nó lại phải… bằng hai mày.*

(Trương Chính – Phong Châu)

+*u… ù…ù*

*Tầm một lượt*

(Võ Huy Tâm)

**– Biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt:**

+ *(…) Cái cụ bà thét ra lửa ấy lại cứ nhũn nhặn mời hắn vào nhà xơi nước.*

(Nam Cao)

+ *Văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có, luyện những tình cảm ta sẵn có (…).*

(Hoài Thanh)

***Có trường hợp, dấu chấm lửng được thay thế bằng kí hiệu: v.v…***

**Ví dụ:**

*Những bức tranh ấy mang những hình vẽ khác nhau: hái dừa, gà mẹ gà con, chuột vinh quy bái tổ, Phúc Lộc Thọ, Thần Trà, Uất Lũy, Cóc đi học, Ngưu Lang Chức Nữ, Đinh Tiên Hoàng cưỡi rồng v.v… Bức nào cũng xanh đỏ lòe loẹt, bức nào cũng có những nét hoàn chỉnh mà ngây thơ, bức nào cũng làm cho chúng tôi thích thú.*

(Vũ Bằng)

- Trong các câu dưới đây, ta thấy:

a) *Chúng ta có quyền tự hào về những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung,…*

(Hồ Chí Minh)

Dấu chấm lửng được dùng ở trong câu này để biểu thị ý còn nhiều vị anh hùng dân tộc khác nữa liệt kê chưa hết.

b) *Thốt nhiên một người nhà quê, mình mẩy lấm láp, quần áo ướt đầm, tất cả chạy xông vào thở không ra lời:*

*– Bẩm… quan lớn… đê vỡ mất rồi!*

(Phạm Duy Tốn)

Dấu chấm lửng được dùng trong câu này để thể hiện lòi nói ngập ngừng, ngắt quãng vì sợ hãi.

c) *Cuốn tiểu thuyết được viết trên… bưu thiếp.*

(Báo Hà Nội mới)

Dấu chấm lửng được dùng ở trong câu này để làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ.

**Luyện tập**

Bài tập này yêu cầu các em nêu được công dụng của dấu chấm lửng trong các trích dẫn

a)

*– Lính đâu? Sao bay dám để cho nó chạy xồng xộc vào đây như vậy? Không còn phép tắc gì nữa à?*

*– Dạ ,bẩm…*

*– Đuổi cổ nó ra!*

(Phạm Duy Tốn)

Trong câu này, dấu chấm lửng được dùng để biểu thị lời nói bị ngắt ngứ, đứt quãng do sợ hãi, lúng túng (Dạ, bẩm…).

b) *Ô hay, có điều gì bố con trong nhà bảo nhau chứ sao lại…*

(Đào Vũ)

Trong câu này, dấu chấm lửng được dùng để biểu câu nói bị bỏ dở (do người nói không tiện nói hết, không cần nói hết mà người nghe vẫn hiểu ý định diễn đạt).

c) *Cơm, áo, vợ, con, gia đình… bó buộc y.*

(Nam Cao)

Trong cậu này, dấu chấm lửng dùng để biểu thị ý liệt kê chưa hết (muốn nói còn nhiều thứ khác nữa trong cuộc sống đời thường).

**14. Biện pháp tu từ tương phản**

**14.1. Khái niệm**

- Phép tương phản trong nghệ thuật là việc tạo ra những cảnh tượng, hành động, tính cách trái ngược nhau để làm nổi bật một ý tưởng hoặc tư tưởng của tác giả.

**14.2. Ví dụ:**

Trong tác phẩm “Sống chết mặc bay”, Phạm Duy Tốn đã xây dựng thành công các hình ảnh tương phản, đối lập: + Sự tuyệt vọng khốn cùng của nhân dân trước sự thịnh nộ của thiên nhiên khi chống lại bão lũ. + Sự trái ngược: Người dân đằm mình bỏ mạng khi đê vỡ >< quan sung sướng khi thắng ván bài to. Trong bài thơ “Tấm ảnh” của Tố Hữu đã sử dụng biện pháp tu từ tương phản: “O du kích nhỏ giương cao súng Thằng Mĩ lênh khênh bước cúi đầu Ra thế, to gan hơn béo bụng Anh hùng đâu cứ phải mày râu”.  
**15. Biện pháp tu từ đối lập**

**15.1. Khái niệm**

- Phép đối lậplà cách sử dụng những từ ngữ, hình ảnh, các thành phần câu song song, cân đối trong lời nóinhằm tạo hiệu quả diễn đạt:nhấn mạnh về ý, gợi liên tưởng, gợi hình ảnh sinh động, tạo nhịp điệu cho lời nói,biểu đạt cảm xúc tư tưởng.

**15.2. Đặc điểm**

- Số lượng âm tiết của 2 vế đối phải bằng nhau.

**Ví dụ:** Thuốc đắng dã tật, sự thật mất lòng (Tục ngữ).

- Các từ ngữ đối nhau phải cùng từ loại với nhau (danh từ đối với danh từ, động từ đối với động từ, tính từ đối với tính từ).

**Ví dụ:**

Ta dại, ta tìm nơi vắng vẻ

Người khôn, người đến chốn lao xao.

(***Nhàn*** – Nguyễn Bỉnh Khiêm)

- Các từ đối nhau hoặc phải trái nghĩa với nhau, hoặc phải cùng trường nghĩa với nhau,hoặc phải đồng nghĩa với nhau để gây hiệu quả bổ sung,hoàn chỉnh về nghĩa.

**Ví dụ**:

Chén rượu hương đưa say lại tỉnh

Vầng trăng bóng xế khuyết chưa tròn.

(***Tự tình 2***- Hồ Xuân Hương)

**15.3. Phân loại phép đối**

**\*Có 2 loại đối: Tiểu đối và trường đối.**

- Tiểu đối (tự đối): Các yếu tố đối xuất hiện trong nội bộ một câu,một dòng.

**Ví dụ:**

Hoa cười ngọc thốt đoan trang

Mây thua nước tóc,tuyết nhường màu da.

(***Truyện Kiều***- Nguyễn Du)

- Trường đối (bình đối): Dòng trên và dòng dưới,đoạn trên và đoạn dưới đối nhau.

**Ví dụ:**

Lom khom dưới núi tiều vài chú

Lác đác bên sông chợ mấy nhà.

(***Qua Đèo Ngang*** – Bà Huyện Thanh Quan)

**15.4. Tác dụng của biện pháp đối lập**

- Gợi sự phong phú về ý nghĩa (tương đồng và tương phản).

**Ví dụ:**

Còn tiền, còn bạc, còn đệ tử

Hết cơm, hết rượu, hết ông tôi.

(Nguyễn Bỉnh Khiêm)

- Tạo ra sự hài hòa về thanh

**Ví dụ:**

“Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa;chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù”

(***Hịch tướng sĩ***- Trần Quốc Tuấn)

=> Phép đối tạo nên sự hài hòa về âm thanh, tạo nên sự dồn dập, thôi thúc, căm phẫn.

**- Nhấn mạnh ý**

**Ví dụ**: Bán anh em xa,mua láng giềng gần (**Tục ngữ**).

=> Phép đối trong câu tục ngữ thường phục vụ cho sự so sánh, đối chiếu để khẳng định, nhấn mạnh những kinh nghiệm,những bài học về cuộc sống xã hội hay hiện tượng tự nhiên.

**16. Phương thức và phép liên kết**

\* Gồm: phép lặp, phép thế, phép nối, phép nghịch đối,phép liên tưởng, phép tỉnh lược.

**16.1. Phép lặp**

**a. Khái niệm**

- Là cách lặp một yếu tố ngôn ngữ nhằm tạo sự liên hệ chặt chẽ giữa các câu trong văn bản.

**b. Phương tiện ngôn ngữ**

- Các cấu trúc câu giống nhau.

- Trong câu sau lặp lại từ ngữ ở câu trước.

- Có thể kết hợp cả lặp cấu trúc và lặp từ vựng.

**Ví dụ 1**: Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín.

**Ví dụ 2:** Chúng không cho các nhà tư sản ta ngóc đầu lên. Chúng bóc lột nhân dân ta một cách vô cùng tàn nhẫn.

**16.2. Phép thế**

**a. Khái niệm**

- Là cách dùng từ, cụm từ khác có ý nghĩa tương đương để thay thế cho từ, cụm từ ở câu trước đó nhằm tránh lỗi lặp từ, thông tin nhanh và tạo sự liên hệ chặt chẽ giữa các câu trong văn bản. Cẩn thận trong khi dùng phép thế vì có thể gây hiểu lầm về đối tượng được thay thế.

**b. Phương tiện ngôn ngữ**

- Sử dụng ở câu sau các từ ngữ có khả năng thay thế cho từ ngữ ở câu trước.

- Dùng đại từ: ông, cô ấy, nó, họ, chúng, thế, vậy…

- Dùng danh từ chỉ nghề nghiệp, chức năng: nhà văn thay cho Nam Cao, thủ đô thay cho Hà Nội.

- Dùng cụm từ chỉ đặc điểm, tính chất, hành động (thế đồng nghĩa): người đàn bà lực điền thay cho chị Dậu; lời bất hủ ấy thay cho câu văn Hồ Chí Minh trích trong bản Tuyên ngôn độc lập năm 1776 của nước Mỹ.

**Ví dụ 1:** Những cơn mưa rào mùa hạ mang đến cảm giác hả hê cho mấy dãy bằng lăng xanh mượt. **Chúng** lại khiến Hà Nội bớt oi nồng.

**Ví dụ 2:** Hùng vĩ của sông Đà không phải chỉ có thác đá. Mà **nó** còn là những cảnh đâ bờ sông, dựng vách thành.

**16.3. Phép nối**

**a. Khái niệm**

- Là cách dùng các từ ngữ có ý nghĩa chỉ quan hệ nhằm tạo ra mối quan hệ giữa các câu, các đoạn trong một văn bản.

- Cần phân biệt rõ ràng liên kết về các thành phần trong một câu với phép liên kết giữa các câu, các đoạn.

**b. Phương tiện ngôn ngữ**

- Câu sau, đoạn sau sử dụng các từ ngữ để biểu thị mối quan hệ với câu trước, đoạn trước.

Dùng quan hệ từ: và, nhưng, còn, nếu, vì, tuy, mặc dù…

- Dùng cặp từ hô ứng: càng- càng; vừa- vừa; không những- mà còn.

- Dùng các trợ từ, phụ từ, tính từ: cũng, cả, lại, khác….

- Dùng các từ hoặc cụm từ chuyển tiếp và định hướng: tóm lại, bên cạnh đó, đồng thời, trái lại.

**Ví dụ 1:** Đời chúng ta đã nằm trong vòng chữ tôi. Mất bề rộng ta đi tìm bề sâu. **Nhưng** càng đi sâu càng lạnh. (Một thời đại trong thi ca- Hoài Thanh)

**Ví dụ 2:** Mỗi phát kiến mới đem đến cho Mác một niềm vui thực sự, **nhưng** niềm vui của ông còn lớn hơn nữa khi khi phát kiến đó nhanh chóng có tác động Cách mạng đến công nghiệp, đến sự phát triển lịch sử nói chung. (Ba cống hiến vĩ đại của Các Mác).

**16.4. Nghịch đối**

**a. Khái niệm**

- Là cách dùng từ ngữ có ý nghĩa trái ngược trong các câu khác nhau nhằm chỉ ra sự đối lập về nội dung giữa các câu, các đoạn trong văn bản.

**b. Phương tiện ngôn ngữ**

- Dùng ở câu sau các từ ngữ diễn tả một nội dung trái ngược với câu trước.

- Dùng các từ trái nghĩa: đen đủi- may mắn; thành công- thất bại.

- Dùng các từ ngữ miêu tả có khả năng gợi ra sự đối lập ý: “Cuộc đời tuy dài thế/ Năm tháng vẫn đi qua.

**16.5. Phép liên tưởng**

**a. Khái niệm**

- Là cách dùng các từ ngữ trong cùng một trường liên tưởng nhằm tạo ra mối liên kết giữa các câu, các đoạn trong văn bản.

**b. Phương tiện ngôn ngữ**

- Dùng từ trái nghĩa: gói- mở; đoàn kết- chia rẽ.

- Dùng từ đồng nghĩa, gần nghĩa: nhanh chóng, khẩn trương, vội vàng, gấp gáp.

- Dùng trường từ vựng: vần, luật, thi pháp, giọng điệu, nhịp.

**Ví dụ 1:**

*“Trước muôn trùng sóng bể*

*Em nghĩ về anh, em*

*Em nghĩ về biển lớn*

*Từ nơi nào sóng lên.”*

(***Sóng***- Xuân Quỳnh)

=> Sử dụng trường từ vựng về biển cả: sóng bể, biển, sông khiến các câu thơ đều theo một mạch ý: suy ngẫm của thi sĩ trước biển cả bao la.

**16.6. Phép tỉnh lược**

**a. Khái niệm**

- Là cách sử dụng câu rút gọn bên cạnh các câu đủ thành phần, nhằm tạo sự liên kết chặt chẽ giữa các câu trong văn bản.

**b. Phương tiện ngôn ngữ**

- Ở câu sau sẽ lược bớt các từ ngữ đã xuất hiện ở câu trước, nhưng vẫn khiến cho lời diễn đạt dễ hiểu.

+ Tỉnh lược chủ ngữ.

+ Tỉnh lược vị ngữ.

+ Tỉnh lược các thành phần phụ.

**Ví dụ:** Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý. Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy. Nhưng cũng có khi được cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm.

**ÔN TẬP CÁC PHÉP TU TỪ DÀNH CHO HỌC SINH 6,7**

**\*LỚP 6 ĐÃ HỌC CÁC BIỆN PHÁP TU TỪ**

**- So sánh**

**- Nhân hóa**

**- Ẩn dụ**

**- Hoán dụ**

**\* LỚP 7 ĐÃ HỌC CÁC BIỆN PHÁP TU TỪ**

**- Chơi chữ**

**- Điệp ngữ**

**- Liệt kê**

**- Nói quá**

**- Nói giảm nói tránh.**

**1. Biện pháp tu từ là gì?**

- Biện pháp tu từ là phép tu từ thường được dùng để làm cho câu văn hay từ ngữ trở nên bóng bẩy dùng hình ảnh để người đọc, người nghe, dễ hiểu không nhàm chán.

Biện pháp tu từ là các cách sử dụng ngôn ngữ theo một cách đặc biệt ở một đơn vị ngôn ngữ nhất định (về từ, câu hay cả đoạn văn bản) theo từng ngữ cảnh nhằm mục đích tăng sức gợi hình, gợi cảm diễn đạt. Qua đó tạo những ấn tượng cho người đọc hình dung rõ nét hơn về hình ảnh, cảm nhận cảm xúc một cách chân thực.

**2. Tổng hợp các biện pháp tu từ**

**Biện pháp tu từ So sánh**

**Khái niệm:**Nói đến các biện pháp tu từ nghệ thuật phổ biến nhất chúng ta có thể nhắc ngay đến biện pháp tu từ so sánh. Khái niệm của biện pháp so sánh: “So sánh chính là một biện pháp tu từ được sử dụng để đối chiếu các sự việc, sự vật này với các sự việc, sự vật khác mà chúng giống nhau ở một điểm nào đó.”

**Tác dụng**của biện pháp tu từ so sánh: Sử dụng so sánh để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm trong diễn đạt.

**Phân loại:**Biện pháp tu từ so sánh có thể phân loại theo 2 cách sau đây:

*- Theo mức độ có các kiểu so sánh sau: So sánh ngang bằng, so sánh không ngang bằng (hay còn gọi là hơn, kém…)*

***Ví dụ biện pháp tu từ so sánh:***

Câu thơ “Người là cha, là bác, là anh/Quả tim lớn lọc trăm dòng máu nhỏ” – nhà thơ Tố Hữu đã sử dụng biện pháp so sánh ngang bằng.

Câu thơ “Con đi trăm núi ngàn khe/Chưa bằng muôn nỗi tái tê lòng bầm” – ở đây nhà thơ Tố Hữu sử dụng biện pháp so sánh không ngang bằng.

*- Theo đối tượng có các kiểu so sánh sau: So sánh khác loại và so sánh cùng loại, so sánh cái cụ thể với cái trừu tượng.*

***Ví dụ như***

Mẹ già như chuối chín cây vậy => so sánh khác loại

Mặt trời đỏ au như hòn than lửa =>so sánh cùng loại

Công cha như núi Thái Sơn vậy => so sánh cái cụ thể với cái trừu tượng.

**Nhân hóa**

**Khái niệm:**“Nhân hoá là biện pháp tu từ gọi hoặc miêu tả con vật, cây cối, đồ vật… bằng những từ ngữ thường được dùng để gọi hoặc tả con người”.

**Tác dụng:**Biểu thị những suy nghĩ, tình cảm như của con người, khiến sự vật hoặc con vật trở nên gần gũi, có hồn.

**Phân loại:**

– Dùng từ chỉ con người để gọi tên sự vật, sự việc.

Ví dụ: Chị ong nâu nâu, ông mặt trời, anh gà trống, chàng gió…

– Dùng từ chỉ hành động, tính chất của con người để nói về sự vật/con vật.

Ví dụ: Những sợi cỏ đang tựa lưng vào nhau, hớn hở chào đón nắng, anh gió thì thầm to nhỏ câu chuyện hôm qua chắc bạn mây hờn dỗi mặt trời nên giờ vẫn chẳng thấy tăm hơi.

**Ẩn dụ**

**Khái niệm:**Ẩn dụ là các biện pháp tu từ vựng gọi tên sự vật, hoặc hiện tượng này bằng tên của sự vật, hiện tượng khác khi giữa chúng có nét tương đồng với nhau.

**Tác dụng:**nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho chủ thể nhắc đến trong câu.

**Phân loại:**

– Ẩn dụ hình thức nghĩa là người nói hoặc người viết cố tình giấu đi một phần ý nghĩa trong câu.

Ví dụ: “Đầu đường lửa lựu lập lòe đơm bông” (trích Truyện Kiều)

Lửa lựu là ẩn dụ hình ảnh bông hoa lựu đỏ như màu lửa.

– Ẩn dụ cách thức nghĩa là người nói thể hiện vấn đề bằng nhiều cách, qua đó diễn đạt được hàm ý nào đó.

Ví dụ: “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”

Quả sử dụng các biện pháp tu từ từ vựng ẩn dụ cách thức chỉ “thành quả” lao động.

Kẻ trồng cây là biện pháp ẩn dụ chỉ người đã tạo ra thành “quả” đó.

– Ẩn dụ phẩm chất nghĩa là thay thế phẩm chất của sự vật, hiện tượng này bằng phẩm chất của sự vật hay hiện tượng khác trên cơ sở có sự tương đồng.

Ví dụ: “Người cha mái tóc bạc/nhóm lửa cho anh nằm”

Người cha là ẩn dụ nói về Bác Hồ, ngụ ý về sự ân cần của Bác như một người thân và bày tỏ lòng kính trọng với Bác như cha mẹ sinh thành.

– Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác nghĩa là từ diễn đạt tính chất, đặc điểm của sự vật được cảm nhận bằng giác quan này nhưng lại được dùng để miêu tả cảm nhận trên giác quan khác.

Ví dụ: Giọng nói của cô ấy thật là ngọt ngào.

Giọng nói được nhận biết qua thính giác (bằng tai) nhưng lại dùng từ miêu tả cảm nhận của vị giác (vị ngọt ngào) để diễn đạt.

**Hoán dụ:** là các biện pháp tu từ từ vựng mà dùng cách gọi tên các hiện tượng, sự vật hoặc khái niệm này bằng tên của một hiện tượng, sự vật, khái niệm nào đó khác. Mà giữa hai đối tượng đó có mối liên quan với nhau.

**Tác dụng**của biện pháp hoán dụ: nhằm tăng sức gợi hình và gợi cảm trong sự diễn đạt của câu văn, lời nói.

**Phân loại**biện pháp tu từ hoán dụ:

*\* Lấy bộ phận chỉ cả toàn thể*

Ví dụ: “Hắn ta rất nhanh chóng bị hạ gục bởi một tay súng vô cùng cừ khôi”

Tay súng ở đây là biện pháp tu từ hoán dụ lấy “tay” chỉ là một bộ phận cơ thể để chỉ toàn bộ con người đó.

\* ***Lấy vật chứa đựng chỉ vật đang bị chứa đựng.***

Ví dụ: câu thơ “Vì sao Trái Đất nặng ân tình/Nhắc mãi tên người Hồ Chí Minh” nhà thơ Tố Hữu đã dùng Trái Đất là vật chứa đựng rất nhiều đất nước để ám chỉ vật bị chứa đựng chính là đất nước Việt Nam.

\* *Lấy một hay các dấu hiệu của sự vật để gọi sự vật đó.*

Ví dụ: câu thơ Mập mờ áo hồng bên hiên lớp/Bối rối mắt xanh trốn má đào.

Áo hồng và má đào đều là các dấu hiệu của một cô gái trẻ.

Mắt xanh chính là dấu hiệu của một chàng trai trẻ đang bối rối khi đứng trước người mình thích.

\* *Lấy một cái cụ thể để gọi tên một cái trừu tượng.*

Ví dụ: câu thơ “1 cây làm chẳng nên non/3 cây chụm lại nên hòn núi cao” câu ca dao Việt Nam trên đã dùng 1 cây và 3 cây là hoán dụ để ám chỉ số lượng ít và số lượng nhiều.

**Đảo ngữ:** chính là các biện pháp tu từ cú pháp làm thay đổi trật tự cấu tạo ngữ pháp thông thường của câu văn.

**Tác dụng biện pháp tu từ Đảo ngữ:**Thường dùng để nhấn mạnh và gây ấn tượng về nội dung biểu đạt mà tác giả muốn cho người đọc hướng đến.

Ví dụ: câu thơ “Lom khom dưới núi, tiều vài chú/lác đác bên sông, rợ mấy nhà” câu thơ của Bà Huyện Thanh Quan nếu là câu bình thường sẽ là “Dưới núi vài chú tiều đang lom khom và bên sông chỉ có lác đác rợ mấy nhà”.

Các tính từ “lom khom”, “lác đác” đã được đảo lên đầu câu để nhấn mạnh về sự vắng vẻ, heo hút của không gian nơi đây nhằm thể hiện nỗi cô quạnh, cô độc sâu kín trong tâm hồn của người viết.

**Liệt kê:** là cách sắp xếp, nối tiếp nhau các từ hoặc cụm từ cùng loại với nhau. Qua đó diễn tả một khía cạnh hoặc một tư tưởng, một tình cảm được đầy đủ, rõ ràng hơn đến cho người đọc, người nghe”.

**Tác dụng:**Diễn tả cụ thể, đầy đủ hoặc nhằm nhấn mạnh nội dung.

Ví dụ: “Cúc, ly, mai, lan, hồng… mỗi loài 1 hương, mỗi loài 1 sắc”.

Liệt kê tên nhiều loài hoa nhằm nhấn mạnh sự đa dạng, đồng thời tạo liên tưởng về khu vườn rực rỡ màu sắc và hương thơm từ các loài hoa.

**Nói giảm, nói tránh, nói quá:** là các biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt sao cho tế nhị, uyển chuyển, nhằm không gây cảm giác quá ghê sợ, đau buồn, nặng nề; hoặc thô bỉ, thiếu lịch sự.

**Ví dụ: “**Bác nằm trong giấc ngủ bình yên/Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền” – thơ của Viễn Phương, “nằm trong giấc ngủ bình yên” là cách nói giảm nói tránh việc qua đời của Bác Hồ chỉ như một giấc ngủ dài.

– Nói quá là các biện pháp tu từ dùng cách phóng đại quy mô, mức độ, tính chất của sự vật hoặc hiện tượng được miêu tả. Qua đó nhấn mạnh câu nói gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm cho câu”.

**Ví dụ: “**Dân công đỏ đuốc từng đoàn/Bước chân nát đá muôn tàn lửa bay” – Thơ của Tố Hữu

“Bước chân nát đá” là các biện pháp tu từ cường điệu nhằm thể hiện sức mạnh, lòng quyết tâm cùng ý chí chiến đấu mãnh liệt.

**Điệp ngữ:** Điệp ngữ hay lặp từ là các biện pháp tu từ dùng cách nhắc đi nhắc lại nhiều lần một từ hoặc cụm từ có dụng ý làm tăng cường hiệu quả diễn đạt.

**Tác dụng:**nhấn mạnh, gây ấn tượng, gợi liên tưởng, cảm xúc… và tạo nhịp điệu cho câu hay đoạn văn bản.

**Ví dụ:** “Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà, giữ đồng lúa chín” – Thép Mới viết trong “Cây tre Việt Nam”

Điệp từ “giữ” nhấn mạnh công dụng và phẩm chất cao quý của tre. Qua hình ảnh cây tre, ngợi ca, tự hào về phẩm chất chất dân tộc, con người Việt Nam.

 [Cây tre Việt Nam – Thép Mới]

- Điệp ngữ có nhiều dạng:

+ Điệp ngữ cách quãng:

*“Buồn trông cửa bể chiều hôm,*

*Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?*

*Buồn trông ngọn nước mới sa,*

*Hoa trôi man mác biết là về đâu ?*

*Buồn trông nội cỏ dàu dàu,*

*Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.*

*Buồn trông gió cuốn mặt duềnh,*

*Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi”*

                                                             [Truyện Kiều – Nguyễn Du]

+ Điệp nối tiếp:

*“Mai sau*

*Mai sau*

*Mai sau*

*Đất xanh, tre mãi xanh màu tre xanh”*

                                                           [Tre Việt Nam – Nguyễn Duy]

+ Điệp vòng tròn:

*“Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy*

*Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu*

*Ngàn dâu xanh ngắt một màu*

*Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?”*

                                                            [Chinh phụ ngâm – Đoàn Thị Điểm]

**\* Phân biệt so sánh và ẩn dụ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Ẩn dụ | So sánh |
| Giống | Diễn đạt dựa trên cơ sở những nét tương đồng của sự vật hiện tượng này với sự vật, hiện tượng khác. | |
| Khác | Thực chất là phép so sánh ngầm giữa hai sự vật, hiện tượng. Trong đó:  + Phải có một vế sự vật, hiện tượng bị ẩn đi. | Một phép so sánh thường gồm các thành phần:  + Hai vế bắt buộc phải có: vế được so sánh và vế dùng để so sánh  + Phương diện so sánh và từ dùng để so sánh có thể có hoặc không. |
| Biện pháp ẩn dụ giữa các sự vật, hiện tượng thường mang tính ngang bằng, tương đương nhau. | So sánh có hai kiểu: so sánh ngang bằng hoặc so sánh hơn/kém. |

**\* Phân biệt ẩn dụ và hoán dụ:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Ẩn dụ | So sánh |
| Giống | - Đều là lấy sự vật hiện tượng này để gọi tên sự vật hiện tượng khác dựa trên một mối quan hệ nào đó.  - Đều làm tăng tính hiệu quả cho diễn đạt: làm cho diễn đạt trở nên hàm súc, giàu tính hình tượng, biểu cảm. | |
| Khác | - Chuyển đổi tên gọi dựa trên mối quan hệ tương đồng ( giống nhau) giữa các đối tượng. | - Chuyển đổi tên gọi dựa trên mối quan hệ tương cận ( gần gũi, song hành) giữa các đối tượng. |
| - Cơ chế hoạt động là dựa trên mối quan hệ giữa các sự vật, hiện tượng độc lập. | - Cơ chế hoạt động là dựa trên mối quan hệ giữa các phương diện khác nhau của cùng một sự vật, hiện tượng. |

**II. BÀI TẬP THỰC HÀNH**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Câu 1:** Tìm phép nhân hoá trong khổ thơ sau:  *Ông trời*  *Mặc áo giáp đen*  *Ra trận*  *Muôn nghìn cây mía*  *Múa gươm*  *Kiến*  *Hành quân*  *Đầy đường.*  (Trần Đăng Khoa)  **Câu 2:** So với cách diễn đạt sau, cách miêu tả sự vật, hiện tượng ở khổ thơ của Trần Đăng Khoa hay ở chỗ nào?  *-  Bầu trời đầy mây đen.*  *-  Muôn nghìn cây mía ngả nghiêng, lá bay phấp phới.*  *-  Kiến bò đẩy đường.*  **Câu 3:** Trong các câu dưới đây những sự vật nào được nhân hoá?  *a) Từ đó,****lão****Miệng,****bác****Tai,****cô****Mắt,****cậu****Chân,****cậu****Tay lại thân mật sống với nhau, mỗi người một việc, không ai tị ai cả.*  (Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng)  *b) Gậy tre, chông tre,****chống lại****sắt thép của quân thù. Tre****xung phong****vào xe tăng, đại bác. Tre****giữ****làng,****giữ****nước,****giữ****mái nhà tranh,****giữ****đồng lúa chín.*  (Thép Mới)  *c) Trâu****ơi,****ta bảo trâu này*  *Trâu ra ngoài ruộng, trâu cày cho ta.*  (Ca dao)  Dựa vào các từ in đậm, cho biết mỗi sự vật trên được nhân hoá bằng cách nào?  **Câu 4:** Tìm từ ngữ được nhân hóa và cho biết phép nhân hóa dựa theo cách nào?  *– Bão bùng thân bọc lấy thân*  *Tay ôm tay níu tre gần nhau thêm.*  ( Tre Việt Nam – Nguyễn Duy).  *– Mặt trời xuống biển như hòn lửa*  *Sóng đã cài then, đêm sập cửa.*  ( Đoàn thuyền đánh cá – Huy Cận).  *– Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ*  *Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ*  ( Ngắm trăng – Hồ Chí Minh). |
| Gợi ý:  Câu 1: - Phép nhân hoá:  + Ông trời mặc áo giáo đen ra trận  + Muôn nghìn cây mía múa gươm  + Kiến hành quân đầy đường  -  "Ông" thường dược dùng để gọi người, ở đây được dùng để gọi trời.  -  Các hoạt động: mặc áo giáp, ra trận là các hoạt động của con người nay được dùng để tả bầu trời trước cơn mưa.  -  Từ "múa gươm" để tả cây mía, "hành quân" để tả kiến.  Câu 2: So sánh cách diễn đạt trên với cách miêu tả trong khổ thơ của Trần Đăng Khoa thấy cách diễn đạt trong thơ Trần Đăng Khoa có tính hình ảnh, là cho các sự vật, việc được miêu tả gần gũi hơn với con người.  Câu 3: Những sự vật được nhân hoá:  -  Câu a: miệng, tai, mắt, chân, tay  -  Câu b: tre  -  Câu c: trâu   Các nhân hoá những sự vật trong các câu văn, thơ:  -  Dùng từ ngữ vốn gọi người để gọi sự vật (câu a):  lão, cô, bác, cậu  -  Dùng những từ ngữ vốn chỉ hoạt động, tính chất của người để chỉ hoạt động tính chất của vật (câu b):  “chống lại”, “xung phong”, “giữ”  -  Trò chuyện, xưng hô với vật như với người (câu c).  Câu 4:  Nhân hóa dựa vào từ miêu tả hoạt động con người của sự vật.  – ôm, níu.  – xuống, cài, sập.  – ngắm, soi , nhòm , ngắm . |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

**Câu 1:**

Trong câu ca dao sau đây:

*Trâu ơi ta bảo trâu này*

*Trâu ăn no cỏ trâu cày với ta*

Cách trò chuyện với trâu trong bài ca dao trên cho em cảm nhận gì ?

**Câu 2:**

Hãy cho biết phép nhân hóa trong mỗi đoạn trích dưới đây được tạo ra bằng cách nào và tác dụng của nó như thế nào.

a) *Núi cao chi lắm núi ơi*

*Núi che mặt trời chẳng thấy người thương!*

(Ca dao)

b) *Nước đầy và nước mới thì cua cá cũng tấp nập xuôi ngược, thế là bao nhiêu cò, sếu, vạc, cốc, le, sâm cầm, vịt trời, bồ nông, mòng, két ở các bãi sông xơ xác tận đâu cũng bay cả về vùng nước mới để kiếm mồi. Suốt ngày, họ cãi cọ om bốn góc đầm, có khi chỉ vì tranh một mồi tép, có những anh Cò gầy vêu vao ngày này bì bõm lội bùn tím cả chân mà vẫn hếc mỏ, chẳng được miếng nào.*

(Tô Hoài)

c) *Dọc sông, những chòm cổ thụ dáng mãnh liệt đứng trầm ngâm lặng nhìn xuống nước. […] Nước bị cản văng bọt tứ tung, thuyền vùng vằng cứ chực trút xuống, quay đầu chạy về lại Hòa Phước.*

(Võ Quảng)

**Câu 3:** Tìm từ ngữ được nhân hóa và cho biết phép nhân hóa dựa theo cách nào?

–  *Dòng sông mới*điệu *làm sao*

*Nắng lên*mặc áo*lụa đào*thướt tha

                                ( *Dòng sông mặc áo* – Nguyễn Trọng Tạo).

- Hàng cau nhút nhát, e thẹn trước ánh nắng ban mai.

- Họa Mi ***tự tin khoe*** tiếng hót của mình trước các loài chim.

|  |
| --- |
| **Gợi ý:**  **Câu 1:**  - Chú ý cách xưng hô của người đối với trâu. Cách xưng hô như vậy thể hiện thái độ tình cảm gì ? Tầm quan trọng của con trâu đối với nhà nông như thế nào ? Theo đó em sẽ trả lời được câu hỏi.  **Câu 2:**  a)  núi ơi: trò chuyện, xưng hô với vật như người.  ⟶ Coi vật trở thành người tri âm, tri kỉ để bộc lộ tình cảm, giãi bày suy nghĩ, tình cảm trong lòng  b)  - (cua cá) tấp nập; (cỏ, vạc, sếu, le ...) cãi cọ om sòm: dùng từ ngữ vốn chỉ hoạt động, tính chất của người để chỉ hoạt động, tính chất của vật;  -  họ (cò, sếu, vạc, le ...), anh (cò): dùng từ ngữ vốn gọi người để gọi vật.  ⟶ Miêu tả bức tranh đời sống của động vật sống động như chính đời sống của con người.  c)  (chòm cổ thụ) dáng mãnh liệt, đứng trầm ngâm, lặng nhìn; (thuyền) vùng vằng: dùng từ ngữ vốn chỉ hoạt động, tính chất của người để chỉ hoạt động, tính chất của sự vật.  ⟶ Thế giới cây cối, đồ vật giàu sức sống, sinh động như chính thế giới của con người.  d)    (cày) bị thương; thân mình, vết thương, cục máu: dùng từ ngữ vốn chỉ hoạt động, tính chất, bộ phận của người để chỉ hoạt động, tính chất của vật.  ⟶ Cây xà nu được nhân hóa thể hiện sức sống kiên cường, bất khuất của con người và cây cối nơi đây  **Câu 3:** Nhân hóa dựa vào từ diễn tả tính cách con người của sự vật  **-** Điệu***,*** mặc áo*,* thướt tha  - Nhút nhát, e thẹn |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

**Câu 1:** Trong câu ca dao :

Nhớ ai bồi hổi bồi hồi  
Như đứng đống lửa như ngồi đống than

a) Cụm từ *bổi hổi bồi hồi* là từ gì?  
b) Giải nghĩa cụm từ *bồi hổi bồi hồi*c) Phân tích cái hay của câu thơ do phép so sánh đem lại.  
**Câu 2:** Tìm phép so sánh trong đoạn trích sau đây, nêu rõ tác dụng của phép so sánh đó:

*“Dòng sông Năm Căn mênh mông, nước ầm ầm đổ ra biển ngày đêm như thác, cá nước bơi hàng đàn đen trũi nhô lên hụp xuống như người bơi ếch giữa những đầu sóng trắng. Thuyền xuôi giữa dòng con sông rộng hơn ngàn thước, trông hai bên bờ, rừng đước dựng lên cao ngất như hai dãy trường thành vô tận”.*

(Đoàn Giỏi)

**Gợi ý:**

**Câu 1:**

a) Đây là từ láy chỉ mức độ cao.

b) Giải nghĩa: trạng thái có những cảm xúc, ý nghĩ cứ trở đi trở lại trong cơ thể con người.  
c) Trạng thái mơ hồ, trừu tượng chỉ được bộc lộ bằng cách đưa ra hình ảnh cụ thể: đứng đống lửa, ngồi đống than để người khác hiểu được cái mình muốn nói một cách dễ dàng. Hình ảnh so sánh có tính chất phóng đại nên rất gợi cảm.

**Câu 2:**

\*Các hình ảnh so sánh:

* Dòng sông Năm Căn…như thác.
* Cá nước bơi hàng đàn….đầu sóng trắng.
* Rừng đước dựng lên cao ngất….vô tận

\*Tác dụng: Giúp người đọc hình dung cụ thể sinh động về sự mênh mông, hùng vĩ của cảnh sông nước Cà Mau.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**  **Câu 1:** Phép so sánh sau đây có gì đặc biệt:  *Mẹ già như chuối và hương Như xôi nếp một, như đường mía lau.*  (Ca dao)  **C Câu 2:** Hãy điền các tập hợp từ chứa hình ảnh so sánh trong các câu sau vào mô hình so sánh:  a. *“Cái chàng Dế Choắt, người gầy gò và dài lêu nghêu như một gã nghiện thuốc phiện”* (Tô Hoài).  b. “*Càng đổ dần về hướng mũi Cà Mau thì sông ngòi, kênh gạch càng bủa giăng chi chít như mạng nhện”* (Đoàn Giỏi).  c. Trăng tròn như cái đĩa.  d. “*Trường Sơn: chí lớn ông cha*  *Cửu Long: lòng mẹ bao la sóng trào".*  (Lê Anh Xuân)  e. “*Như tre mọc thẳng, con người không chịu khuất”* (Thép Mới)   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Phần trích | Vế A  (sự vật được so sánh) | Phương diện so sánh | Từ so sánh | Vế B  (sự vật dùng để  so sánh) | | a |  |  |  |  | | b |  |  |  |  | | c |  |  |  |  | | d |  |  |  |  | | e |  |  |  |  | |

**Gợi ý:**

**Câu 1:**

Chú ý những chỗ đặc biệt sau đây:

- Từ ngữ chỉ phương diện so sánh bị lược bỏ.

Vế (B) là chuẩn so sánh không phải có một mà có ba: chuối và hương – xôi nếp mật - đường mía lau là nhằm mục đích ca ngợi người mẹ về nhiều mặt, mặt nào cũng có nhiều ưu điểm đáng quý.

**Câu 2:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Phần  trích | Vế A  (Sự vật được so sánh) | Phương diện so sánh |
| a | Người | gầy gò và dài lêu nghêu |
| b | Sông ngòi, kếnh rạch | càng bủa giăng chi chít |
| c | Trăng | tròn |
| d | Trường Sơn | (bị khuyết) |
|  | Cửu Long | (bị khuyết) |
| e | Con người | không chịu khuất |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5**

**Bài 1: Cho câu thơ sau:**

“Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ

Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà”

Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật điệp ngữ trong 2 câu thơ trên?

**Bài 2:** Hãy chỉ ra những điệp ngữ trong đoạn thơ, đoạn văn sau và nêu tác dụng của những điệp ngữ đó. ( Nhằm nhấn mạnh ý gì, hoặc gợi cảm xúc gì cho người đọc?)

*a) Mình về với Bác đường xuôi*

*Thưa giùm Việt Bắc không nguôi nhớ Người.*

*Nhớ Ông Cụ mắt sáng ngời*

*Áo nâu túi vải, đẹp tươi lạ thường.*

*Nhớ Người những sáng tinh sương*

*Ung dung yên ngựa trên đường suối reo*

*Nhớ chân Người bước lên đèo*

*Người đi, rừng núi trông theo bóng Người.....*

(Nhớ Việt Bắc – Tố Hữu)

*b) Thoắt cái lá vàng rơi trong khoảnh khắc mùa thu. Thoắt cái, trắng long lanh một cơn mưa tuyết trên những cành đào, lê, mận. Thoắt cái, gió xuân hây hẩy nồng nàn với những bôn hoa lay ơn màu đen nhung hiếm quý.*

(Đường đi Sa Pa – Nguyễn Phan Hách)

*c) Người ta đi cấy lấy công*

*Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề.*

*Trông trời, trông đất, trông mây*

*Trông mưa, rông nắng, trông ngày, trông đêm.*

*Trông cho chân cứng đá mềm*

*Trời êm bể lặng mới yên tầm lòng*

(Đi cấy – Ca dao)

**GỢI Ý:**

**Bài 1:** Điệp ngữ “chưa ngủ”: như 1 bản lề mở ra 2 cung bậc tâm trạng của nhân vật chữ tình: niềm say mê cảnh sắc thiên nhiên và nỗi lo nước nhà. Hai tâm trạng đó thống nhất trong con người Bác thể hiện sự hòa hợp giữa nhà thơ và người chiến sĩ trong vị lãnh tụ.

**Bài 2:** a) Trong đoạn thơ đó, tác giả đã sử dụng điệp ngữ: *Nhớ, Người*. Những điệp ngữ đó có tác dụng gây ấn tượng đẹp đẽ và sâu sắc về Bác Hồ kính yêu đồng thời gợi cảm xúc nhớ thương gắn bó da diết với Việt Bắc – Nơi căn cứ địa của Cách mạng, nơi có những người dân sống rất chân tình và hết lòng chở che cho Cách mạng

b) Tả cảnh đẹp của Sa Pa, nhà văn Nguyễn Phan Hách có viết: “Thoắt cái lá vàng rơi trong khoảnh khắc mùa thu........hiếm quí.” “ Thoắt cái” là từ chỉ thời gian. Việc lặp lại từ này tới ba lần trong đoạn văn có tác dụng gợi cảm xúc đột ngột, ngỡ ngàng và nhấn mạnh sự thay đổi rất nhanh của thời gian. Du khách đến Sa Pa không những được tận hưởng cảnh đẹp nên thơ mà còn được chứng kiến sự biến đổi huyền ảo của thời tiết ở đó.

c) Trong bài ca dao đó, điệp ngữ *trông* có tác dụng nhấn mạnh được ý nghĩa sâu sắc: người đi cấy phải luôn tính toán, lo lắng, mong mỏi rất nhiều điều để công việc đạt kết quả tốt và bản thân được yên lòng.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6**

**Bài 1:** Tìm điệp ngữ trong đoạn văn sau và nêu tác dụng?

*“Tự nhiên như thế: ai cũng chuộng mùa xuân. Mà tháng giêng là tháng đầu của mùa xuân, người ta càng trìu mến, không có gì lạ hết. Ai bảo được non đừng thương nước, bướm đừng thương hoa, trăng đừng thương gió; ai sấm được trai đừng thương gái, ai cấm được mẹ yêu con; ai cấm được cô gái còn son nhớ chồng thì mới hết được người mê luyến mùa xuân”*( Minh Hương)

**Bài 2:** Theo em, đoạn văn sau đây, việc lặp đi lặp lại một số từ ngữ có tác dụng biểu cảm hay không?

*Phía sau nhà em có một mảnh vườn. Mảnh vườn ở phía sau nhà em, em trông rất nhiều loài hoa. Em trồng hoa cúc. Em trồng hoa thược dược. Em trồng hoa đồng tiền. Em trồng hoa hồng. Em trồng cả hoa lay ơn nữa. Ngày quốc tế phụ nữ, em hái hoa sau vừn nhà tặng mẹ em. Em hái hoa tặng chị.*

**Bài 3:**Viết lại những câu văn sau có dùng điệp ngữ nhằm nhấn mạnh và gợi cảm xúc cho người đọc

*a) Tôi yêu căn nhà đơn sơ, khu vườn đầy hoa thơm trái ngọt và cả lũy tre thân mật làng tôi.*

*b) Bức tranh buổi sớm trên quê hương tôi đẹp quá!*

*c) Tôi lớn lên bằng tình thương của bố, của mẹ, của bà con xóm giềng nơi tôi ở.*

**GỢI Ý:**

**Bài 1:** “ai bảo được, ai cấm được”, chữ “thương” được lặp lại 4 lần liên kết với chữ “yêu”, chữ “nhớ” đã tạo nên trường thương nhớ mênh mang tràn ngập khắp các câu văn, làm cho lời văn mềm mại, tha thiết theo dòng cảm xúc đọc lên ta cứ ngỡ như lời thơ, lời hát.

=> Thể hiện rõ tình cảm, tấm lòng của tác giả đối với mùa xuân, với quê hương, đất nước.

**Bài 2:** Việc lặp đi lặp lại một số từ ngữ trong đoạn văn không có tác dụng biểu cảm, bởi vì sự lặp lại đó không phải do dụng ý nghệ thuật, mà do sự vụng về của người viết.

Sửa lại:

Mảnh vườn phía sau nhà em trông rất nhiều loài hoa: Cúc, thược dược, đồng tiền, hoa hồng và cả lay ơn nữa. Ngày Quốc tế phụ nữ em hái hoa tặng mẹ và tặng chị..

**Bài 3:**

a) Tôi yêu căn nhà đơn sơ, khu vườn đầy hoa thơm trái ngọt và cả lũy tre thân mật làng tôi.

*- >* Tôi *yêu* căn nhà đơn sơ, *yêu* khu vườn đầy hoa thơm trái ngọt và *yêu* cả lũy tre thân mật làng tôi.

b) Bức tranh buổi sớm trên quê hương tôi đẹp quá!

- > Bức tranh buổi sớm trên quê hương tôi *đẹp* quá, *đẹp* đến mê hồn!

c) Tôi lớn lên bằng tình thương của bố, của mẹ, của bà con xóm giềng nơi tôi ở.

- > Tôi lớn lên bằng *tình thương* của bố, *tình thương* của mẹ, *tình thương* của bà con xóm giềng nơi tôi ở.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 7**

**Câu 1:** Tìm, phân tích phép ẩn dụ trong các ví dụ dưới đây và điền vào bảng :

*a,Con sóng dưới lòng sâu*

*Con sóng trên mặt nước*

*Ôi con sóng nhớ bờ*

*Ngày đêm không ngủ được.*

(Xuân Quỳnh)

*b, Con cò mà đi ăn đêm*

*Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao.*

.(Ca dao)

c, Cây trên núi đảo lại thêm xanh mượt, nước biển lại lam biếc, đặm đà hơn hết cả mọi khi, và cát lại vàng giòn hơn nữa.

(Nguyễn Tuân)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ví dụ** | **Phép ẩn dụ** | **Đôi tượng ẩn dụ** | **Kiểu ẩn dụ** |
| a |  |  |  |
| b |  |  |  |
| c |  |  |  |

**Câu 2:** Tìm ra biện pháp ẩn dụ trong hai câu thơ:

*Thuyền về có nhớ bến chăng*

*Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền*

**Câu 3:** Tìm ra biện pháp ẩn dụ trong bài **“**Bánh trôi nước” của Hồ Xuân Hương:

*Thân em vừa trắng lại vừa tròn*

*Bảy nổi ba chìm với nước non*

*Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn*

*Mà em vẫn giữ tấm lòng son.*

**Gợi ý:**

**Câu 1:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ví dụ** | **Phép ẩn dụ** | **Đôi tượng ẩn dụ** | **Kiểu ẩn dụ** |
| a | Con sóng | Con người đang nhớ nhung | ẩn dụ phẩm chất |
| b | Con cò | Con người vất vả, cực nhọc, đắng cay | ẩn dụ phẩm chất |
| c | Cát vàng giòn | Cát vàng rực rỡ | chuyển đổi cảm giác |

**Câu 2:** Ta tìm ra được nét tương đồng giữa thuyền và bến với một cái gì đó có liên quan. Cần phải nhớ rằng trong ẩn dụ dù có lấy sự vật, hiện tượng nào ra so sánh đi chăng nữa thì mục đích cuối cùng là cũng để chỉ con người hoặc trực tiếp, gián tiếp liên quan đến con người ( trong câu ca dao này thuyền và bến cũng là ẩn dụ cho con người). Đối với câu thơ trên, ta thấy thuyền là vật không cố định, không ở yên một chỗ và thường di chuyển. Do vậy không khó khăn khi ta tìm ra được nét tương đồng giữa thuyền với người con trai (người con trai trong xã hội xưa đầu đội trời, chân đạp đất chí ở bốn phương, thường ra đi lập nên sự nghiệp lớn). Như vậy thuyền là ẩn dụ để chỉ người con trai. Tương tự, ta có thể lí giải về mối tương quan giữa bến và người con gái. Bến là vật cố định, đứng yên, không thay đổi vị trí. Người con gái thường là người ở lại, thủy chung, son sắt đợi chờ. Do vậy bến chính là hình ảnh ẩn dụ để chỉ người con gái.

**Câu 3:** Những hình ảnh *bảy nổi ba chìm, rắn nát mặc dầu* của chiếc bánh trôi nước có những nét tương đồng với thân phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Họ là những người chịu nhiều bất hạnh, bất công ngang trái, không làm chủ được số phận của mình. Họ bị chà đạp, bị rẻ rúng, chỉ là một thứ đồ chơi không hơn không kém. Nhưng trong bất cứ hoàn cảnh nào, dù có bị đối xử bất công, ngang trái đến đâu, người phụ nữ vẫn giữ được phẩm chất trong sáng của mình. Như vậy chiếc bánh trôi nước là hình ảnh ẩn dụ cho người phụ nữ trong xã hội phong kiến ngày xưa,…

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 8**

**Câu 1:** Trong lời ăn tiếng nói hàng ngày chúng ta thường nói :

- *Nói ngọt lọt đến xương.*

*- Nói nặng quá.*

Những lời nói đó thuộc kiểu ẩn dụ gì?

**Câu 2:** Tìm phép ẩn dụ trong những ví dụ sau và cho biết thuộc kiểu ẩn dụ nào?:

*a. Ngoài thềm rơi chiếc lá đa,*

*Tiếng rơi rất mỏng như là rơi nghiêng*

( Đêm Côn Sơn – Trần Đăng Khoa).

*b. Chao ôi, trông con sông, vui như thấy nắng giòn tan sau kì mưa dầm, vui như nối lại chiêm bao đứt quãng.*

( Người lái đò sông Đà – Nguyễn Tuân).

c.

*Em thấy cả trời sao*

*Xuyên qua từng kẽ lá*

*Em thấy cơn mưa rào*

*Ướt tiếng cười của bố*

( Chiếc võng của bố – Phan Thế Cải).

Gợi ý:

**Câu 1:**

Đây là những ẩn dụ chuyển đổi cảm giác- Lấy những từ ngữ chỉ cảm giác của giác quan này để chỉ cảm giác của giác quan khác:

- Ngọt : Vị giác sang Thính giác

**Câu 2:**

Thông thương mỗi con người có 5 giác quan với các chức năng riêng biệt: tai để nghe ( thính giác), mắt để nhìn (thị giác), mũi để ngửi ( khứu giác), lưỡi để nếm (vị giác), da để cảm nhận ( xúc giác). Nếu trong sáng tác văn học, nhà văn sử dụng những hình ảnh mà chức năng của giác quan có sự chuyển đổi thì hình ảnh đó chính là hình ảnh ẩn dụ ( thường gọi là ẩn dụ chuyển đổi cảm giác).

a,Tiếng lá rơi, vốn là âm thanh, được thu nhận bằng thính giác, không có hình dáng, không cầm nắm được; ở đây, nhờ sự chuyển đổi cảm giác, cái nhẹ của tiếng lá rơi được gợi tả tinh tế, trở nên có hình khối cụ thể (mỏng – vốn là hình ảnh của xúc giác) và có dáng vẻ (rơi nghiêng – vốn là hình ảnh của thị giác). Đây là hình ảnh chuyển đổi cảm giác vì thế rơi rất mỏng và rơi nghiêng chính là ẩn dụ.

b, Ở đây ta thấy nắng được thấy qua cơ quan thị giác còn giòn tan chỉ có thể cảm nhận bằng xúc giác ( sờ, cầm, nắm). Như vậy nắng giòn tan là hình ảnh chuyển đổi cảm giác và đó là hình ảnh ẩn dụ.

c, Thông thường, tiếng cười là âm thanh và được nghe bằng thính giác, còn ướt chỉ có thể cảm nhận bằng xúc giác. Như vậy ướt tiếng cười là sự chuyển đổi cảm giác. Đó chính là hình ảnh ẩn dụ.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 9**

**Phiếu học tập số 1:**

Chỉ ra các hoán dụ trong những câu sau và cho biết chúng thuộc kiểu hoán dụ nào ?

***Câu 1:***

a.Họ là hai chục tay sào, tay chèo,làm ruộng cũng giỏi mà làm thuyền cũng giỏi.



b.Tự nhiên, Xa Phủ rút cây sáo. Tiếng sáo thoát ra từ ống trúc, véo von… Tiếng sáo theo chân hai người tới lối rẽ.

***Câu 2***

a.Nhận của quá khứ những con đê vỡ, những nạn đói, ta đã làm nên những mùa vàng năm tấn, bảy tấn.

b. Bóng hồng nhác thấy nẻo xa

Xuân lan, thu cúc mặn mà cả hai

**GỢI Ý:**

***Câu 1:***

a.Tay sào, tay chèo : Kiểu hoán dụ có quan hệ dấu hiệu của sự vật với sự vật có dấu hiệu đó.

b. Chân : Kiểu hoán dụ có quan hệ bộ phận và toàn thể.

***Câu 2***

a. “ Mùa vàng” : ẩn dụ

b. “ Bóng hồng” : Hoán dụ có quan hệ sở hữu và vật bị sở hữu.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 10**

**Câu 1**: Chỉ ra các hoán dụ trong những câu sau và cho biết chúng thuộc kiểu hoán dụ nào ?

a, Vì sao trái đất nặng ân tình

Nhắc đến tên người Hồ Chí Minh.

( Theo chân Bác – Tố Hữu).

b, Bác nhớ miền Nam nỗi nhớ nhà

Miền Nam mong Bác nỗi mong cha.

( Bác ơi – Tố Hữu).

**Câu 2**: Xác định và phân tích biện pháp tu từ trong các ví dụ sau:

Em tưởng giếng sâu

Em nối sợi gàu dài

Ai ngờ giếng cạn

Em tiếc hoài sợi dây”

(Ca dao)

***Gợi ý:***

*Câu 1:*

*a, Ta dễ dàng nhận ra trái đất là vật chứa đựng bởi nó là từ chỉ ý nghĩa tổng quát, bao trùm lên tất cả. Nó biểu thị cho tất cả con người sống trên mặt đất (vật bị chứa đựng). Vì thế trái đất ở đây là hình ảnh hoán dụ-> Thuộc kiểu hoán dụ lấy vật chứa đựng để gọi vật bị chứa đựng.*

*b, Miền Nam là vật chứa đựng, nó biểu thị cho tất cả con người đang sống ở miền Nam (vật bị chứa đựng). Vì thế miền Nam là hình ảnh hoán dụ.-> Thuộc kiểu hoán dụ lấy vật chứa đựng để gọi vật bị chứa đựng.*

*Câu 2:*

*- Hình ảnh “Giếng sâu” tượng trưng cho tình cảm chân thật, sâu sắc*

*- Hình ảnh“Gàu dài”- thể hiện sự vụ đắp tình cảm*

*- Hình ảnh “Giếng cạn” – thể hiện tình cảm hời hợt*

*- Hình ảnh “Sợi dây” – Thể hiện tình cảm biết bao lâu vun đắp*

*→ Bài ca dao mang hàm ý than thở, oán trách người yêu*

*→ Sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ*

**BTVN:**

**Bài 1:** Nêu ý nghĩa của từ miền Nam trong các câu thơ sau. Chỉ rõ trường hợp nào là hoán dụ và thuộc kiểu hoán dụ nào?

a. Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác

Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát

( Viễn Phương )

b. Gửi miền Bắc lòng miền Nam chung thủy

Đang xông lên chống Mĩ tuyến đầu

( Lê Anh Xuân )

*a. Từ miền Nam trong câu a là một địa danh của đất nước, không phải là nghệ thuật hoán dụ.*

*b. Từ miền Nam ở câu b là hoán dụ, miền Nam để chỉ con người miền Nam --> Kiểu hoán dụ: lấy vật chứa đựng chỉ vật bị chứa đựng.*

**Bài 2:** Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

*“Mưa mùa xuân xôn xao, phơi phới. Những hạt mưa bé nhỏ, mềm mại, rơi mà như nhảy nhót. Hạt nọ tiếp hạt kia đan xuống đất (…). Mặt đất đã kiệt sức bỗng thức dậy, âu yếm đón lấy những giọt mưa ấm áp, trong lành. Đất lại dịu mềm, lại cần mẫn tiếp nhựa cho cây cỏ. Mưa mùa xuân đã đem lại cho chúng cái sức sống ứ đầy, tràn lên các nhánh lá mầm non. Và cây trả nghĩa cho mưa bằng cả mùa hoa trái ngọt. ”*

1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên:

A. Tự sự B. Miêu tả C. Biểu cảm D. Miêu tả kết hợp biểu cảm và tự sự

2. Xác định biện pháp tu từ của câu số 2 trong đoạn trích trên:

A. so sánh B. nhân hóa C. điệp từ D. điệp ngữ

3. Xác định biện pháp tu từ của câu 4 và 5 trong đoạn trích trên:

A. điệp từ B. điệp ngữ C. so sánh D. nhân hóa

4. Trong câu “Và cây trả nghĩa cho mưa bằng cả mùa hoa trái ngọt” đã sử dụng biện pháp tu từ so sánh ngang bằng:

A. Đúng B. Sai C. … D. …

5. Trong câu “Và cây trả nghĩa cho mưa bằng cả mùa hoa trái ngọt” từ ngữ được sử dụng biện pháp tu từ nhân hóa:

A. cây B. trả nghĩa C. bằng D. hoa trái ngọt

**Bài 3:** Đọc đoạn trích thơ dưới đây và trả lời câu hỏi:

*“Chú bé loắt choắt*

*Cái xắc xinh xinh*

*Cái chân thoăn thoắt*

*Cái đầu nghênh nghênh*

*Ca lô đội lệch*

*Mồm huýt sáo vang*

*Như con chim chích*

*Nhảy trên đường vàng…”*

1. Đoạn thơ trên viết theo thể loại:

A. Tứ tuyệt B. Ngũ ngôn C. Thơ bốn chữ D. Thơ năm chữ

2. Đoạn trích thơ trên sử dụng biện pháp tu từ:

A. So sánh B. Điệp từ C. Điệp ngữ D. Nhân hóa

3. Đoạn trích thơ trên có số từ láy:

A. 1 từ B. 2 từ C. 3 từ D. 4 từ

**Bài 4:** Câu nào dưới đây có sử dụng điệp từ:

1. Mùa xuân ta xin hát/ Nước non ngàn dặm mình/ Nước non ngàn dặm tình

2. Trần trụi với thiên nhiên/ Hồn nhiên như cây cỏ

3. Khi con tu hú gọi bầy/ Lúa chiêm đang chín, trái cây ngọt dần

4. Sáng ra bờ suối, tối vào hang/ Cháo bẹ rau măng đã sẵn sàng

**Bài 5:**

a.Biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ sau là:

*“ Em thấy cả trời sao*

*Xuyên qua từng kẽ lá*

*Em thấy cơn mưa rào*

*Ướt tiếng cười của bố”*

A. ẩn dụ B. so sánh C. ẩn dụ kết hợp so sánh D. Điệp từ

b. Câu “Giọng nói của chị ấy rất ngọt ngào” thuộc kiểu ẩn dụ:

A. Ẩn dụ hình thức B. Ẩn dụ cách thức C. Ẩn dụ phẩm chất D. Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác

c. Hình ảnh vầng trăng trong câu nào dưới đây được sử dụng biện pháp ẩn dụ:

A. “Trăng cứ tròn vành vạnh/ Kể chi người vô tình” B. Vầng trăng vui mừng, hạnh phúc trong đêm nguyên tiêu C. Vầng trăng đi qua ngõ D. Trăng tỏa ánh sáng dịu nhẹ xuống mặt sông

d. Hình ảnh ẩn dụ “thác ”trong câu thơ

“Thác bao nhiêu thác cũng qua

Thênh thênh là chiếc thuyền ta trên đời

(Tố Hữu, Nước non ngàn dặm)

A. chỉ người/ sức lao động B. ý chí, nghị lực của con người C. ý chỉ những thách thức, trở ngại, khó khăn D. ý chỉ rất nhiều thác

f. Trong các câu dưới đây, câu nào không sử dụng biện pháp so sánh:

A. Truyền thống nề nếp bị sự phấn khích đè bẹp nhưng hầu như không ai quan tâm. B. Một con rắn đến là kinh, các cậu chẳng tưởng tượng nổi đâu, dài 14 mét nhé, và dữ như ong vò vẽ. C. Vầng trăng như chiếc mâm bạc, sáng lấp lánh treo trên bầu trời đêm D. Trong một ngày mùa đông của người nghèo, bát phở có giá trị như một tấm áo kép mặc thêm lên người.

g. Điểm khác nhau giữa ẩn dụ và so sánh là:

A. Là phép so sánh ngầm giữa hai sự vật hiện tượng, trong đó có một vế sự vật bị ẩn đi.

B. Là phép so sánh giữa hai sự vật mà cả hai đối tượng đều xuất hiện trong câu

C. Đều dựa trên cơ sở liên tưởng những nét tương đồng của sự vật hiện tượng này với sự vật hiện tượng khác.

D. Ẩn dụ là phép so sánh ngầm giữa hai sự vật, trong đó có một vế sự vật bị ẩn đi, còn so sánh thì cả hai vế của sự vật đều xuất hiện trong câu.

**Bài 6:**

a. Có mấy kiểu hoán dụ thường gặp:

A. 2 kiểu B. 3 kiểu C. 4 kiểu D. 5 kiểu

b. Chọn đáp án không dùng biện pháp hoán dụ:

A. " Sen tàn cúc lại nở hoa." B. "Một trái tim lớn lao đã giã từ cuộc đời." C. "Vì sao Trái Đất nặng ân tình/ Nhắc mãi tên người Hồ Chí Minh." D. " Cha lại dắt con đi trên cát mịn/ Ánh nắng chảy đầy vai."

c. Chỉ ra hình ảnh hoán dụ trong câu thơ sau: “Bác nhớ miền Nam nỗi nhớ nhà/Miền Nam thương bác nỗi thương cha. ”

A. từ “miền Nam” ở câu thơ thứ nhất. B. từ “miền Nam” ở câu thơ thứ hai. C. nỗi nhớ D. nhà

d. Xác định phép hoán dụ được sử dụng trong câu thơ sau: “Một trái tim lớn lao đã giã từ cuộc đời/Một khối óc lớn đã ngừng sống”

A. Lấy cụ thể để chỉ trừu tượng B. Lấy bộ phận để chỉ toàn thể C. Lấy vật chứa đựng để gọi toàn thể D. Lấy dấu hiệu để gọi đối tượng

e. Chọn phương án dùng biện pháp hoán dụ:

A. Ăn quả nhớ kẻ trồng cây. B. “Ngoài thềm rơi cái lá đa/ Tiếng rơi rất mỏng như là rơi nghiêng” C. “Mình về với Bác đường xuôi/Thưa giùm Việt Bắc không nguôi nhớ người” D. “Người Cha mái tóc bạc/ Đốt lửa cho anh nằm”

f. Câu thơ “Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen” thuộc kiểu hoán dụ lấy dấu hiệu của sự vật để gọi sự vật:

A. Đúng B. Sai

g. Trong câu “Nó là chân sút cừ của đội bóng” từ “chân sút cừ” sử dụng biện pháp hoán dụ lấy bộ phận để chỉ toàn thể:

A. Đúng B. Sai

h. Sói không sợ chó chăn cừu mà sợ sợi dây xích của nó. (Tục ngữ Nga). “Sợi dây xích” trong câu sau có nghĩa là:

A. Sự an toàn của chó săn cừu khi được bảo vệ. B. Sức mạnh của sợi dây xích. C. Tình trạng bị giam cầm, mất tự do, nô lệ. D. Sự dũng mãnh của chó săn.

i. Câu “Vì lợi ích mười năm trồng cây / Vì lợi ích trăm năm trồng người” sử dụng phép hoán dụ:

A. Phép hoán dụ lấy cái cụ thể để gọi tên cái trừu tượng. B. Phép hoán dụ lấy vật chứa đựng để gọi vật bị chứa đựng. C. Phép hoán dụ lấy dấu hiệu của sự vật để gọi tên sự vật. D. Phép hoán dụ lấy bộ phận gọi tên toàn thể.

k. Phương án không sử dụng phép hoán dụ là:

A. Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác. B. Miền Nam đi trước về sau. C. Gửi miền Bắc lòng miền Nam chung thủy. D. Hình ảnh miền Nam luôn ở trong trái tim của Bác.

**BÀI TẬP THỰC HÀNH CÁC BIỆN PHÁP TU TỪ**

**BÀI 1**

|  |
| --- |
| **Câu 1:** Tìm phép nhân hoá trong khổ thơ sau:  *Ông trời*  *Mặc áo giáp đen*  *Ra trận*  *Muôn nghìn cây mía*  *Múa gươm*  *Kiến*  *Hành quân*  *Đầy đường.*  (Trần Đăng Khoa)  **Câu 2:** So với cách diễn đạt sau, cách miêu tả sự vật, hiện tượng ở khổ thơ của Trần Đăng Khoa hay ở chỗ nào?  *-  Bầu trời đầy mây đen.*  *-  Muôn nghìn cây mía ngả nghiêng, lá bay phấp phới.*  *-  Kiến bò đẩy đường.*  **Câu 3:** Trong các câu dưới đây những sự vật nào được nhân hoá?  *a) Từ đó,****lão****Miệng,****bác****Tai,****cô****Mắt,****cậu****Chân,****cậu****Tay lại thân mật sống với nhau, mỗi người một việc, không ai tị ai cả.*  (Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng)  *b) Gậy tre, chông tre,****chống lại****sắt thép của quân thù. Tre****xung phong****vào xe tăng, đại bác. Tre****giữ****làng,****giữ****nước,****giữ****mái nhà tranh,****giữ****đồng lúa chín.*  (Thép Mới)  *c) Trâu****ơi,****ta bảo trâu này*  *Trâu ra ngoài ruộng, trâu cày cho ta.*  (Ca dao)  Dựa vào các từ in đậm, cho biết mỗi sự vật trên được nhân hoá bằng cách nào?  **Câu 4:** Tìm từ ngữ được nhân hóa và cho biết phép nhân hóa dựa theo cách nào?  *– Bão bùng thân bọc lấy thân*  *Tay ôm tay níu tre gần nhau thêm.*  ( Tre Việt Nam – Nguyễn Duy).  *– Mặt trời xuống biển như hòn lửa*  *Sóng đã cài then, đêm sập cửa.*  ( Đoàn thuyền đánh cá – Huy Cận).  *– Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ*  *Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ*  ( Ngắm trăng – Hồ Chí Minh). |

**BÀI 2**

**Câu 1:**

Trong câu ca dao sau đây:

*Trâu ơi ta bảo trâu này*

*Trâu ăn no cỏ trâu cày với ta*

Cách trò chuyện với trâu trong bài ca dao trên cho em cảm nhận gì ?

**Câu 2:**

Hãy cho biết phép nhân hóa trong mỗi đoạn trích dưới đây được tạo ra bằng cách nào và tác dụng của nó như thế nào.

a) *Núi cao chi lắm núi ơi*

*Núi che mặt trời chẳng thấy người thương!*

(Ca dao)

b) *Nước đầy và nước mới thì cua cá cũng tấp nập xuôi ngược, thế là bao nhiêu cò, sếu, vạc, cốc, le, sâm cầm, vịt trời, bồ nông, mòng, két ở các bãi sông xơ xác tận đâu cũng bay cả về vùng nước mới để kiếm mồi. Suốt ngày, họ cãi cọ om bốn góc đầm, có khi chỉ vì tranh một mồi tép, có những anh Cò gầy vêu vao ngày này bì bõm lội bùn tím cả chân mà vẫn hếc mỏ, chẳng được miếng nào.*

(Tô Hoài)

c) *Dọc sông, những chòm cổ thụ dáng mãnh liệt đứng trầm ngâm lặng nhìn xuống nước. […] Nước bị cản văng bọt tứ tung, thuyền vùng vằng cứ chực trút xuống, quay đầu chạy về lại Hòa Phước.*

(Võ Quảng)

**Câu 3:** Tìm từ ngữ được nhân hóa và cho biết phép nhân hóa dựa theo cách nào?

–  *Dòng sông mới*điệu *làm sao*

*Nắng lên*mặc áo*lụa đào*thướt tha

                                ( *Dòng sông mặc áo* – Nguyễn Trọng Tạo).

- Hàng cau nhút nhát, e thẹn trước ánh nắng ban mai.

- Họa Mi ***tự tin khoe*** tiếng hót của mình trước các loài chim.

**BÀI 3**

**Câu 1:** Trong câu ca dao :

Nhớ ai bồi hổi bồi hồi  
Như đứng đống lửa như ngồi đống than

a) Cụm từ *bổi hổi bồi hồi* là từ gì?  
b) Giải nghĩa cụm từ *bồi hổi bồi hồi*c) Phân tích cái hay của câu thơ do phép so sánh đem lại.  
**Câu 2:** Tìm phép so sánh trong đoạn trích sau đây, nêu rõ tác dụng của phép so sánh đó:

*“Dòng sông Năm Căn mênh mông, nước ầm ầm đổ ra biển ngày đêm như thác, cá nước bơi hàng đàn đen trũi nhô lên hụp xuống như người bơi ếch giữa những đầu sóng trắng. Thuyền xuôi giữa dòng con sông rộng hơn ngàn thước, trông hai bên bờ, rừng đước dựng lên cao ngất như hai dãy trường thành vô tận”.*

(Đoàn Giỏi)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **B BÀI 4**  **Câu 1:** Phép so sánh sau đây có gì đặc biệt:  *Mẹ già như chuối và hương Như xôi nếp một, như đường mía lau.*  (Ca dao)  **Câu 2:** Hãy điền các tập hợp từ chứa hình ảnh so sánh trong các câu sau vào mô hình so sánh:  a. *“Cái chàng Dế Choắt, người gầy gò và dài lêu nghêu như một gã nghiện thuốc phiện”* (Tô Hoài).  b. “*Càng đổ dần về hướng mũi Cà Mau thì sông ngòi, kênh gạch càng bủa giăng chi chít như mạng nhện”* (Đoàn Giỏi).  c. Trăng tròn như cái đĩa.  d. “*Trường Sơn: chí lớn ông cha*  *Cửu Long: lòng mẹ bao la sóng trào".*  (Lê Anh Xuân)  e. “*Như tre mọc thẳng, con người không chịu khuất”* (Thép Mới)   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Phần trích | Vế A  (sự vật được so sánh) | Phương diện so sánh | Từ so sánh | Vế B  (sự vật dùng để  so sánh) | | a |  |  |  |  | | b |  |  |  |  | | c |  |  |  |  | | d |  |  |  |  | | e |  |  |  |  | |

**BÀI 5**

**Bài 1: Cho câu thơ sau:**

“Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ

Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà”

Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật điệp ngữ trong 2 câu thơ trên?

**Bài 2:** Hãy chỉ ra những điệp ngữ trong đoạn thơ, đoạn văn sau và nêu tác dụng của những điệp ngữ đó. ( Nhằm nhấn mạnh ý gì, hoặc gợi cảm xúc gì cho người đọc?)

*a) Mình về với Bác đường xuôi*

*Thưa giùm Việt Bắc không nguôi nhớ Người.*

*Nhớ Ông Cụ mắt sáng ngời*

*Áo nâu túi vải, đẹp tươi lạ thường.*

*Nhớ Người những sáng tinh sương*

*Ung dung yên ngựa trên đường suối reo*

*Nhớ chân Người bước lên đèo*

*Người đi, rừng núi trông theo bóng Người.....*

(Nhớ Việt Bắc – Tố Hữu)

*b) Thoắt cái lá vàng rơi trong khoảnh khắc mùa thu. Thoắt cái, trắng long lanh một cơn mưa tuyết trên những cành đào, lê, mận. Thoắt cái, gió xuân hây hẩy nồng nàn với những bôn hoa lay ơn màu đen nhung hiếm quý.*

(Đường đi Sa Pa – Nguyễn Phan Hách)

*c) Người ta đi cấy lấy công*

*Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề.*

*Trông trời, trông đất, trông mây*

*Trông mưa, rông nắng, trông ngày, trông đêm.*

*Trông cho chân cứng đá mềm*

*Trời êm bể lặng mới yên tầm lòng*

(Đi cấy – Ca dao)

**BÀI 6**

**Bài 1:** Tìm điệp ngữ trong đoạn văn sau và nêu tác dụng?

*“Tự nhiên như thế: ai cũng chuộng mùa xuân. Mà tháng giêng là tháng đầu của mùa xuân, người ta càng trìu mến, không có gì lạ hết. Ai bảo được non đừng thương nước, bướm đừng thương hoa, trăng đừng thương gió; ai sấm được trai đừng thương gái, ai cấm được mẹ yêu con; ai cấm được cô gái còn son nhớ chồng thì mới hết được người mê luyến mùa xuân”*( Minh Hương)

**Bài 2:** Theo em, đoạn văn sau đây, việc lặp đi lặp lại một số từ ngữ có tác dụng biểu cảm hay không?

*Phía sau nhà em có một mảnh vườn. Mảnh vườn ở phía sau nhà em, em trông rất nhiều loài hoa. Em trồng hoa cúc. Em trồng hoa thược dược. Em trồng hoa đồng tiền. Em trồng hoa hồng. Em trồng cả hoa lay ơn nữa. Ngày quốc tế phụ nữ, em hái hoa sau vừn nhà tặng mẹ em. Em hái hoa tặng chị.*

**Bài 3:**Viết lại những câu văn sau có dùng điệp ngữ nhằm nhấn mạnh và gợi cảm xúc cho người đọc

*a) Tôi yêu căn nhà đơn sơ, khu vườn đầy hoa thơm trái ngọt và cả lũy tre thân mật làng tôi.*

*b) Bức tranh buổi sớm trên quê hương tôi đẹp quá!*

*c) Tôi lớn lên bằng tình thương của bố, của mẹ, của bà con xóm giềng nơi tôi ở.*

**BÀI 7**

**Câu 1: Tìm, phân tích phép ẩn dụ trong các ví dụ dưới đây và điền vào bảng :**

*a,Con sóng dưới lòng sâu*

*Con sóng trên mặt nước*

*Ôi con sóng nhớ bờ*

*Ngày đêm không ngủ được.*

(Xuân Quỳnh)

*b, Con cò mà đi ăn đêm*

*Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao.*

.(Ca dao)

c, Cây trên núi đảo lại thêm xanh mượt, nước biển lại lam biếc, đặm đà hơn hết cả mọi khi, và cát lại vàng giòn hơn nữa.

(Nguyễn Tuân)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ví dụ** | **Phép ẩn dụ** | **Đôi tượng ẩn dụ** | **Kiểu ẩn dụ** |
| **a** |  |  |  |
| **b** |  |  |  |
| **c** |  |  |  |

**Câu 2:** Tìm ra biện pháp ẩn dụ trong hai câu thơ:

*Thuyền về có nhớ bến chăng*

*Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền*

**Câu 3:** Tìm ra biện pháp ẩn dụ trong bài **“**Bánh trôi nước” của Hồ Xuân Hương:

*Thân em vừa trắng lại vừa tròn*

*Bảy nổi ba chìm với nước non*

*Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn*

*Mà em vẫn giữ tấm lòng son.*

**BÀI 8**

**Câu 1:** Trong lời ăn tiếng nói hàng ngày chúng ta thường nói :

- *Nói ngọt lọt đến xương.*

*- Nói nặng quá.*

Những lời nói đó thuộc kiểu ẩn dụ gì?

**Câu 2:** Tìm phép ẩn dụ trong những ví dụ sau và cho biết thuộc kiểu ẩn dụ nào?:

*a. Ngoài thềm rơi chiếc lá đa,*

*Tiếng rơi rất mỏng như là rơi nghiêng*

( Đêm Côn Sơn – Trần Đăng Khoa).

*b. Chao ôi, trông con sông, vui như thấy nắng giòn tan sau kì mưa dầm, vui như nối lại chiêm bao đứt quãng.*

( Người lái đò sông Đà – Nguyễn Tuân).

c.

*Em thấy cả trời sao*

*Xuyên qua từng kẽ lá*

*Em thấy cơn mưa rào*

*Ướt tiếng cười của bố*

( Chiếc võng của bố – Phan Thế Cải).

**BÀI 9**

Chỉ ra các hoán dụ trong những câu sau và cho biết chúng thuộc kiểu hoán dụ nào ?

***Câu 1:***

a.Họ là hai chục tay sào, tay chèo,làm ruộng cũng giỏi mà làm thuyền cũng giỏi.

b.Tự nhiên, Xa Phủ rút cây sáo. Tiếng sáo thoát ra từ ống trúc, véo von… Tiếng sáo theo chân hai người tới lối rẽ.

***Câu 2***

a.Nhận của quá khứ những con đê vỡ, những nạn đói, ta đã làm nên những mùa vàng năm tấn, bảy tấn.

b. Bóng hồng nhác thấy nẻo xa

Xuân lan, thu cúc mặn mà cả hai

**BÀI 10**

**Câu 1**: Chỉ ra các hoán dụ trong những câu sau và cho biết chúng thuộc kiểu hoán dụ nào ?

a, Vì sao trái đất nặng ân tình

Nhắc đến tên người Hồ Chí Minh.

( Theo chân Bác – Tố Hữu).

b, Bác nhớ miền Nam nỗi nhớ nhà

Miền Nam mong Bác nỗi mong cha.

( Bác ơi – Tố Hữu).

**Câu 2**: Xác định và phân tích biện pháp tu từ trong các ví dụ sau:

Em tưởng giếng sâu

Em nối sợi gàu dài

Ai ngờ giếng cạn

Em tiếc hoài sợi dây”

(Ca dao)

**Phép . Đảo ngữ là gì?**

Đảo ngữ là hiện tượng đảo ngược vị trí động từ, trợ từ lên trước chủ ngữ nhằm mục đích nhấn mạnh, thể hiện cảm xúc của người viết hoặc tạo hình ảnh, đường nét, chiều sâu cho lời văn, ý thơ. Tuy nhiên việc thay đổi trật tự từ này không làm mất đi quan hệ cú pháp vốn có của câu, sự thay đổi này chỉ mang dụng ý nghệ thuật, làm tăng tính gợi hình và truyền cảm cho diễn đạt.

Ví dụ 1:

"Chất trong vị ngọt mùi hương

Lặng thầm thay những con đường ong bay"

 (Nguyễn Đức Mậu)

Câu thơ thứ hai, theo cấu trúc ngữ pháp thông thường sẽ phải là "Thay những con đường ong bay lặng thầm". Nhưng ở đây nhà thơ đã đảo vị ngữ "lặng thầm" lên vị trí đầu câu, trước chủ ngữ góp phần nhấn mạnh được ý nghĩa đẹp đẽ, đó là sự lao động thầm lặng, không biết mệt mỏi của bầy ong thật đáng ngưỡng mộ. Bằng cách sử dụng biện pháp tu từ đảo ngữ đã khiến cho mạch thơ trôi chảy hơn, tăng tính gợi hình, biểu ca

Ví dụ 2:

"Lom khom dưới núi, tiều vài chú

Lác đác bên sông, rợ mấy nhà"

(Qua đèo Ngang - Bà Huyện Thanh Quan)

Nếu theo đúng cấu trúc ngữ pháp thông thường sẽ là "Vài chú tiều lom khom dưới núi" và "Bên sông lác đác rợ mấy nhà". Tuy nhiên ở đây thi nhân đã đảo các tính từ "lom khom" và "lác đác" ở vị trí vị ngữ lên đầu câu để nhấn mạnh cho dánh vẻ nhỏ bé, cảnh vật hiu quạnh giữa không gian núi rừng rộng lớn, bao la nơi đèo ngang. Từ đó mà làm bật ra tâm trạng cô đơn, cô quanh được giấu kín trong tâm hồn tác giả.

**2. Phân loại đảo ngữ**

Hình thức của biện pháp đảo ngữ khá đa dạng, chúng ta có thể phân loại đảo ngữ thành hai loại như sau:

- Đảo ngữ các thành phần trong câu

Ví du: Đảo vị ngữ lên trước chủ ngữ "Lác đác bên sông rợ mấy nhà" thay vì "Mấy rợ, mấy nhà lác đác bên sông".

- Đảo ngữ các thành tố cụm từ

Ví dụ: Đảo ngữ các thành tố thành "Biếc đồi nương" thay vì "Đồi nướng biếc".

**3. Tác dụng biện pháp đảo**

Tác dụng chính của biện pháp tu từ đảo ngữ là giúp nhấn mạnh các hình ảnh, sự vật, con người để gây sự chú ý cho người đọc; thể hiện được những cảm xúc, tâm tư giấu kín của người viết, người nói. Ngoài ra đảo ngữ cũng là một biện pháp tu từ cho nên còn có tác dụng tăng sức gợi cảm, gợi hình và sinh động cho câu thơ, câu văn. Thay đổi trật tự câu từ để tạo ra dụng ý nghệ thuật, tạo ra sắc thái tu từ.

**4. Ví dụ biện pháp đảo ngữ**

Biện pháp đảo ngữ là kiến thức tiếng việt phức tạp, học sinh dễ bị nhầm lẫn khi phân tích cấu trúc câu đảo và vai trò của phép đảo trong ý thơ, lời văn. Để nắm vững kiến thức phần nội dung này các em nên thực hành nhiều đoạn văn, đoạn thơ. Có như vậy mới có thể hiểu rõ bản chất vấn đề và dễ dàng vận dụng vào các bài tập, bài kiểm tra trên lớp. Dưới đây là một số bài tập kèm lời giải, bạn đọc có thể tham khảo.

**Câu 1:**Trong hai câu văn dưới đây, câu nào có sử dụng biện pháp đảo ngữ? Hãy chỉ rõ tác dụng gợi tả và nhấn mạnh ý của câu văn đảo ngữ

a, Đằng ca, trong mây mờ, bóng những nhịp cầu sắt uốn cong, vắt qua dòng sông lạnh đã hiện ra.

b, Đằng xa trong mây mờ, đã hiện ra bóng những nhịp cầu sắt uốn cong, vắt qua dòng sông lạnh đã hiện ra.

**Lời giải:**

Câu văn thứ hai (b) có dùng biện pháp đảo ngữ, cụ thể đảo vị trí của vị ngữ lên trước chủ ngữ. Tác dụng của câu văn có đảo ngữ: gợi tả rõ bức tranh cảnh vật {khác với câu a chỉ là kiểu câu tường thuật binh thường); nhấn mạnh sự xuất hiện của sự vật được miêu tả "bóng những nhịp cầu sắt uốn cong, vắt qua dòng sông lạnh"

**Câu 2:** Nêu tác dụng của biện pháp đảo ngữ được sử dụng trong bài thơ sau;

"Bên này là núi uy nghiêm

Bên kia là cánh đồng liền chân mây

Xóm làng xanh mát bóng cây

Sông xa trắng cánh buồm bay lưng trời"

(Quê em - Trần Đăng Khoa)

**Lời giải:**

Các từ "xanh mát" ở trong câu thơ thứ ba và "trắng" ở trong câu thơ thứ tư; các tính từ này thường được diễn đạt như sau: bóng cây xanh mát, cánh buồm trắng. Cách diễn đạt đảo ngữ "xanh mát bóng cây"; "trắng cánh buồm" ; làm cho hai tính từ được chuyển loại "xanh mát", "trắng" mang đặc điểm của động từ có tác dụng nhấn mạnh ý miêu tả và gợi cảm xúc cho người đọc.

**Câu 3:** Vận dụng kiến thức về biện pháp đảo ngữ để diễn đạt lại những câu văn dưới đây cho sinh động, gợi cảm

a. Nước sông Hương xanh biêng biếc, màu hoa phượng vĩ đỏ rực hai bên bờ.

b. Giữa trời khuya tĩnh mịch, một vầng trăng vằng vặc trên sông, một giọng hò mái đẩy thết tha dịu dàng.

c. Xa xa, những ngọn núi nhấp nhô, mấy ngôi nhà thấp thoáng, vài cánh chim chiều bay thấp thoáng về tổ.

**Lời giải:**

a. Xanh biêng biếc nước sông Hương, đỏ rực hai bên bờ màu hoa phượng vĩ.

b. Giữa trời khuya tĩnh michh, vằng vặc trên sống một vầng trằn, thiết tha dịu dàng.

c. Xa xa, nhấp nhô những ngọn núi, thấp thoáng mấy ngôi nhà, lững thững vài cánh chim chiều bay về tổ.

**Câu 4:** Hãy chỉ rõ các từ được dùng theo biện pháp đảo ngữ trong đoạn thơ dưới đây và nêu tác dụng gợi tả, gợi cảm của chúng

"Dừng chân nghỉ lại Nha Trang

Hiu hiu gió thổi, trời quang tuyệt vời.

Xanh xanh mặt biển da trời,

Cảnh sao quyến rũ lòng người khó quên."

**Lời giải**

Các từ được dùng theo biện pháp đảo ngữ trong đoạn thơ lần lượt là "hiu hiu" và "xanh xanh".

Tác dụng: "Hiu hiu" gợi mức độ nhẹ nhàng của cơn gió và cảm giác dễ chịu, thư thái trong cảnh vật và trong chính cảm xúc của tác giả - người khách qua đường nán lại dừng chân nghỉ ngơi.

"Xanh xanh" gợi màu sắc của biển trời và cảm xúc có phần lạ lẫm, bất ngờ của tác giả trước thiên nhiên, đất trời tươi đẹp nơi đây.

Như vậy, cả hai từ đều có tác dụng làm tăng tính gợi hình mạnh mẽ cho ý thơ, khiến người đọc hình dung ra trước mắt một khung cảnh thiên nhiên nên thơ, trữ tình.

**Câu 5:** Hãy chỉ ra biện pháp đảo ngữ được dùng trong đoạn thơ dưới đây. Hãy thử so sánh với cách diễn đạt thông thường, không đảo ngữ để làm rõ tác dụng của biện pháp đảo ngữ.

"Em ạ, Cu-ba ngọt lịm đường

Mía xanh đồng bãi, biếc đồi nương

Cam ngon, xoài ngọt vàng nông trại

Ong lạc đường hoa, rộn bốn phương..."

                                                             (Tố Hữu)

**Lời giải**

Biện pháp tu từ đảo ngữ được sử dụng ở câu thơ thư nhất "ngọt lịm đường" thay vì " đường ngọt lịm"; câu thơ thứ hai  "mía xanh đồng bãi" thay vì "đồng bãi mía xanh", "biếc đồi nương" thay vì đồi nương biếc"; câu thơ thứ ba "cam ngon, xoài ngọt vàng nông trại" thay vì cấu trúc thông thường là "nông trại cam ngon, xoài vàng ngọt".

Tác dụng: So sánh giữa cách diễn đạt có dùng biện pháp tư từ đảo ngữ với câu thơ không dùng biện pháp tu từ đảo ngữ có thể thấy rõ cách diễn đạt có dùng đảo ngữ giàu tính gợi hình, biểu cảm hơn, tác giả muốn nhấn mạnh để làm nổi bật những đặc điểm của cỏ cây, hoa trái đất nước Cu-ba bằng cách đẩy những tính từ "ngọt lịm", "cam ngon", xoài ngọt"... >>lên đầu câu thay vì để ở vị trí cuối câu như thông thường. Đây là cách sắp xếp câu từ đầy thông minh và khéo léo của bậc thi nhân.

**HỆ THỐNG BÀI TẬP CỦNG CỐ**

**Cách diễn đạt trả lời câu hỏi:** **Xác định và nêu (phân tích) tác dụng của BPTT theo trình tự như sau:**

**Bước 1**: Chỉ rõ, gọi tên chính xác biện pháp nghệ thuật tu từ (BPTT)

**Bước 2:** Nói rõ tác dụng

**Bước 3:** Đánh giá tài năng của tác giả

Trong đoạn văn (đoạn thơ) hoặc trong câu văn (câu thơ) có sử dụng biện pháp tư từ (gọi tên). BPTT này thể hiện (từ ngữ là hình ảnh, chi tiết cụ thể cho thấy đó là BPTT đã xác định). Việc sử dụng BPTT này có tác dụng, tăng hiệu quả cho sự diễn đạt, gợi hình gợi cảm xúc…. (nêu tác dụng chung của BPTT đó); góp phần thể hiện (nêu nội dung mà đoạn văn (đoạn thơ) hoặc trong câu văn (câu thơ). Qua đây cho thấy nhà thơ (nhà văn) có sự cảm nhận tinh tế đầy dung cảm, miêu tả…thú vị về (đối tượng nói đến) mang đến cho chúng ta (bạn đọc) những dung cảm về vẻ đẹp cuộc sống quanh chúng ta….

\* Câu điền về tác dụng:

Biện pháp tu từ ….. này làm cho lời thơ ( lời văn) trở nên……( sinh động, gợi hình, gợi cảm, hấp dẫn, ấn tượng, dễ hiểu, cụ thể, có hồn); đồng thời nhấn mạnh …….. qua đó thể hiện tình cảm…….. của tác giả.

VD: Những ngọn đảo long lanh như ngọc giáp…

Biện pháp tu từ … **so sánh**… này làm cho lời thơ ( lời văn) trở nên……( sinh động, **gợi hình**, gợi cảm, hấp dẫn, ấn tượng, dễ hiểu, cụ thể, có hồn); đồng thời nhấn mạnh **vẻ đẹp** của các quần đảo… qua đó thể hiện tình cảm.. **tự hào**…. của tác giả đối với **vẻ đẹp của quê hương đất nước.**

**II. BÀI TẬP**

**Bài 1:** Xác định biện pháp tu từ trong các ví dụ dưới đây? Gạch chân dưới các hình ảnh tu từ.

a. Lúa đã chen vai đứng cả dậy. *(Trần Đăng)*

b. Việt Nam là một cái vườn đẹp, trên đó nở rất nhiều hoa, ra rất nhiều trái.

Tây Bắc cũng là một cái vườn hoa, trong ấy mỗi dân tộc của mấy mươi dân tộc ít người là một giống hoa đượm nhiều mầu sắc. (Nguyễn Tuân)

c. Súng vẫn thức vui mới giành một nửa

Nên bâng khuâng sương biếc nhớ người đi. (Tố Hữu)

d. Bao nhiêu tấc đất, tấc vàng bấy nhiêu (Ca dao)

**Gợi ý đáp án**

***Biện pháp tu từ trong ví dụ:***

a.*Biện pháp tu từ:****nhân hóa:***

***Lúa - chen vai đứng cả dậy***

⇒⇒*Đều là hành động của con người.*

b.*Biện pháp tu từ:* ***so sánh:***

***- Việt Nam - một cái vườn đẹp***

***- Tây Bắc- một cái vườn hoa***

***- Mỗi dân tộc của mấy mươi dân tộc ít người - một giống hoa đượm nhiều màu sắc.***

c.*Biện pháp tu từ:****Nhân hóa:***

***Súng - thức vui, bâng khuâng sương biếc nhớ người đi.***

⇒⇒*Đều là hành động của con người.*

d.*Biện pháp tu từ:****so sánh: Tấc đất - tấc vàng.***

**Bài 2:** Viết một đoạn văn ngắn từ 8 -12 câu tả cảnh đẹp một đêm trăng, qua đó diễn tả tình yêu quê hương. Đoạn văn có sử dụng từ láy, tính từ chỉ màu sắc và biện pháp tu từ so sánh, nhân hoá.

Đoạn văn mẫu:

Đêm rằm, ánh trăng trải khắp mái nhà, vườn cây, ngõ xóm. trăng tròn *vành vạnh, lơ lửng* trên bầu trời xanh. Trăng *lung linh*, sáng ngời chảy tràn trên sân, *ánh trăng vạch từng kẽ lá tìm những quả hồng chín mọng trong vườn*. *Gió thu thì thào, vuốt ve, mơn man hàng cây, ngọn cỏ. Trăng đuổi nhau loạt soạt,* *loạt soạt trên bờ rào ruối. Dải ngân hà như dòng sữa vắt ngang bầu trời*. Những vì sao sáng *lấp lánh*. Ngồi ngắm trăng sao, chị em tôi khẽ hát: “Thằng Cuội ngồi gốc cây đa”. Bao nhiêu kỉ miệm tuổi thơ ùa dậy trong lòng. Tiếng chuông chùa *ngân nga*, tiếng dế kêu *rả rích*, tiếng lá reo *xào xạ*c ... Cái âm thanh thân thuộc ấy giữa đêm trăng rằm sáng tỏ làm cho tôi *bồi hồi* khôn kể. Quê hương, tôi yêu biết mấy những đêm trăng đồng quê.

**Câu 3:** Chỉ rõ các hình ảnh so sánh và nhân hoá trong các ví dụ sau:

a. *Áo chàng đỏ tựa ráng pha*

*Ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in*

(Chinh Phụ Ngâm)

*b. Tôi đưa tay ôm nước vào lòng*

*Sông mở nước ôm tôi vào dạ.* (Nhớ con sông quê hương- Tế Hanh)

*c. Nghìn năm sau nhớ Nguyễn Du,*

*Tiếng thương như tiếng mẹ ru những ngày.* (Tố Hữu)

*d. Quạnh quẽ đường quê thưa vắng khách*

*Con đò gối bãi suốt ngày ngơi.* (Bến đò xuân đầu Trại - Nguyễn Trãi)

**Gợi ý đáp án**

a. Áo chàng đỏ tựa ráng pha

Ngựa chàng sắc trắng *như là* tuyết in,.

từ như so sánh

b. Tôi đưa tay ôm nước vào lòng

*Sông mở nước ôm tôi vào dạ*

sử dụng nhân hóa

c. Nghìn năm sau nhớ Nhuyễn Du,

Tiếng thương như tiếng mẹ tu thường ngày

so sánh

d. Quạnh quẽ đường quê thưa vắng khách

       Con đò gối bãi suốt ngày ngơi.

nhân hóa

**Câu 4:** Xác định các biện pháp tu từ và nêu tác dụng của chúng trong đoạn văn sau:

“Giời chớm hè. Cây cối um tùm. Cả làng thơm. Cây hoa lan nở trắng xóa. Hoa dẻ từng chùm mảnh dẻ. Hoa móng rồng bụ bẫm thơm như mùi mít chín ở góc vườn ông Tuyên. Ong vàng, ong vò vẽ, ong mật đánh lộn nhau,để hút mật ở hoa. Chúng đuổi cả bướm. Bướm hiền lành bỏ chỗ lao xao. Từng đoàn kéo nhau lặng lẽ bay đi". (Lao xao - Duy Khán)

***\* Gợi ý:***

- So sánh: Thơm như mùi mít chín.

- Nhân hoá: ong bướm mà biết đánh lộn nhau đuổi, hiền lành, bỏ chỗ, rủ nhau.

- Hoán dụ: Cả làng thơm.

-> Làm cho đoạn văn miêu tả thêm gợi hình, sinh động, càng gần gũi thân thương với con người hơn.

**Câu 5:** Viết đoạn văn ngắn có sử dụng phép so sánh và nhân hóa (đề tài tự chọn).

**Bài tập vận dụng so sánh**  
***Bài 1. Phép so sánh sau đây có gì đặc biệt:***Mẹ già như chuối ba hương  
Như xôi nếp một, như đường mía lau. (Ca dao)  
Gợi ý: Chú ý những chỗ đặc biệt sau đây: - Từ ngữ chỉ phương diện so sánh bị lược bỏ.Vế (B) là chuẩn so sánh không phải có một mà có ba: chuối và hương – xôi nếp mật - đường mía lau là nhằm mục đích ca ngợi người mẹ về nhiều mặt, mặt nào cũng có nhiều ưu điểm đáng quý.  
***Bài 2. Tìm và phân tích phép so sánh (theo mô hình của so sánh) trong các câu thơ sau:****a) Ngoài thềm rơi chiếc la đa  
Tiếng rơi rất mỏng như là rơi nghiêng.* (Trần Đăng Khoa)  
*b) Quê hương là chùm khế ngọt  
Cho con chèo hái mỗi ngày  
Quê hương là đường đi học  
Con về rợp bướm vàng bay.* (Đỗ Trung Quân)  
***Gợi ý:***Chú ý đến các so sánh  
a) Tiếng rơi rất mỏng như là rơi nghiêng  
b) Quê hương là chùm khế ngọt  
Quê hương là đường đi học

***Bài 3: Xác định biện pháp nghệ thuật tu từ và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó trong những câu thơ dưới đây.***

*Công cha như núi ngất trời*

*Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển Đông,*

*Núi cao biển rộng mênh mông,*

*Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi!*

**Gợi ý :**

Bài ca dao trên được sử dụng biện pháp tu từ là so sánh, nhằm nhấn mạnh công lao, tình nghĩa to lớn của cha mẹ dành cho con của mình. Có thể thấy công cha vô cùng lớn lao, trong bài ca dao, công cha được so sánh với núi ngất trời, thể hiện sự hùng vĩ, lớn lao trong công lao nuôi nấng, dạy dỗ con. Nghĩa tình của mẹ thì luôn là vô bờ bến đối với con, bài ca dao so sánh nghĩa mẹ với nước ở Ngoài biển Đông, cũng phần nào thể hiện nghĩa tình của mẹ dành cho con dạt dào, bao la và lớn vô cùng. Biện pháp tu từ nhân hóa này làm cho bài ca dao thêm sinh động, gợi lên hình ảnh công lao của cha mẹ đối với con cái, tình nghĩa của cha mẹ luôn hùng vĩ, vĩnh cửu.

***Bài 4: Chỉ ra và nêu tác dụng của phép so sánh trong việc diễn đạt của các câu văn sau:***

*a) Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng.*

*b)Tôi có ngay cái ý nghĩ vừa non nớt vừa thơ ngây này: chắc chỉ người thạo mới cầm nổi bút thước. Ý nghĩ ấy thoáng qua trong trí tôi nhẹ nhàng như một làn mây lướt ngang trên ngọn núi*

*c)Cũng như tôi, mấy cậu học trò mới bỡ ngỡ đứng nép bên người thân, chỉ dám nhìn một nửa hay dám đi từng bước nhẹ. Họ như con chim con đứng bên bờ tổ, nhìn quãng trời rộng muốn bay, nhưng còn ngập ngừng e sợ.* ( *Tôi đi học* )

*d)- Giá những cổ tục đã đày đọa mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thuỷ tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kì nát vụn mới thôi.*( *Trong lòng mẹ* - Nguyên Hồng )

**Gợi ý:**

a)

**Biện pháp so sánh** :  những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng,tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng

🡪tác dụng :  đó là một hình ảnh thơ mộng, tượng trưng cho vẻ đẹp, cái tinh túy của đất trời, cái đáng yêu mà tạo hóa đã ban cho con người. Qua đó, ta thấy được những cảm xúc rất đẹp, đáng trân trọng, đáng nâng niu và cái đẹp ấy mãi sống trong tiềm thức và ký ức của tác giả cũng như bao bạn đọc.

**Nhân hóa** : mấy cành hoa tươi mỉm cười

tác dụng : diễn tả niềm vui, niềm sung sướng, hạnh phúc, tràn ngập rạo rực, tưng bừng của những đứa trẻ lần đầu tiên đến trường. Những kỉ niệm trong sáng ấy luôn sống mãi trong lòng mỗi người

b)

*- “Ý nghĩa ấy thoáng qua trong trí óc tôi nhẹ nhàng****như****một làn mây lướt ngang trên ngọn núi.”*

→ Đây là loại so sánh ngang bằng như vừa thể hiện tâm hồn trẻ thơ vừa thể hiện sự thoảng qua nhanh chóng của ý nghĩ chợt đến. Cái ý nghĩ  "chắc chỉ người thạo mới cầm nổi bút thước" được so sánh với "làn mây lướt ngang trên ngọn núi" đã làm nổi bật ý nghĩ non nớt và ngây thơ của nhân vật "tôi".

c)

*- “Họ****như****con chim con đứng trên bờ tổ, nhìn quãng trời rộng muốn bay nhưng còn ngập ngừng e sợ. Họ thèm vụng và ước ao thầm được như những người học trò cũ, biết lớp, biết thầy để khỏi phải rụt rè trong cảnh lạ.”*

→ Phép so sánh người với vật nhằm thể hiện sự non nớt, bỡ ngỡ và còn có cả khát vọng muốn "bay" đến những chân trời cao rộng của những cậu học sinh lớp 1. Ẩn ý: "Nhà trường giống như tổ ấm, nuôi dưỡng học trò là những cánh chim."

d) “*Giá như những cổ tục đã đầy đọa mẹ tôi /là một vật như hòn đá hay cục thủy tinh, đầu gội đầu gỗ, tôi //quyết định vồ lấy ngay mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kì nát vụn mới thôi*.”

→ Xét về cấu tạo câu thì đây là câu ghép ( có 2 C-V )

b) Phép tu từ : So sánh ( cấu trúc A là B )

- Giá như những cổ tục đã đầy đọa mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thủy tinh, đầu gội đầu gỗ ..

Tác dụng :

+ Tạo ra hình ảnh Hồng bức xúc , giận dữ khi những hủ tục lạc hậu chèn ép mẹ cậu một cách chân thực cho bạn đọc .

+ Tăng sức gợi hình , gợi cảm cho câu văn .

Biện pháp tu từ : Liệt kê

 Tôi quyết định vồ lấy ngay mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kì nát vụn mới thôi.

Tác dụng :

+ Nhằm nhấn mạnh sự tức giận của Hồng . Qua đó , thể hiện Hồng là một cậu bé luôn yêu thương , kính trọng mẹ dù bà có bị chà đạp bởi thế lực tàn bạo .

***Bài 5: Hãy sử dụng nghệ thuật so sánh để viết lại đoạn văn sau đây sao cho tạo thành một đoạn văn mới giàu hình ảnh và giàu sức gợi hơn.***

*a. Trước sân trường có một cây bàng to lớn. Dưới gốc cây bàng nổi lên nhiều cái u rất to. Cành lá bàng xòe ra rất rộng. Mùa đông lá bàng màu đỏ. Mùa hè, lá bàng màu xanh.*

*b. Đêm đã về khuya. Gió bấc thổi hun hút. Cái lạnh bao trùm khắp nơi. Cây cối im lìm trong giá rét. Thỉnh thoảng có tiếng côn trùng rả rích nghe càng thêm não nùng.*

**Bài tập vận dụng**

**Bài 1**: Trong bài Cây dừa của nhà thơ Trần Đăng Khoa có đoạn:

*Cây dừa xanh toả nhiều tàu*

*Dang tay đón gió, gật đầu gọi trăng.*

*Thân dừa bạc phếch tháng năm,*

*Quả dừa* *–* *đàn lợn con nằm trên cao.*

*Đêm hè hoa nở cùng sao*

*Tàu dừa* *–* *chiếc lược chải vào mây xanh…*

Theo em, phép nhân hoá và so sánh được thể hiện trong những từ gnừ nào ở đoạn thơ trên? Thử phân tích cái hay của phép nhân hoá và phép so sánh trong đoạn thơ trên?

**Gợi ý**

– Phép nhân hoá được sử dụng trong các từ ngữ: *Dang tay đón gió; gật* *đầu gọi trăng*. Các từ ngữ này có tác dụng làm cho vật vô tri là cây dừa cũng có những biểu hiện tình cảm như con người. Dừa cũng mở rộng vòng tay đón gió, cũng gật đầu mời gọi trăng lên. Qua cách nói nhân hoá, cảnh vật trở nên sống động, có đường nét, hình khối, có hồn và có sức gợi tả, gợi cảm cao

– Phép so sánh được thể hiện trong các từ ngữ: ***quả dừa*** (giống như) **đàn** ***lợn*** con***; tàu dừa*** (giống như) ***chiếc lược***. Cách so sánh ở đây khá bất ngờ, thú vị, thể hiện sự liên tưởng, tưởng tượng phong phú của tác giả. Cách so sánh này cũng có tác dụng làm cho cảnh vật trở nên sống động, có đường nét, có hình khối, có sức gợi tả, gợi cảm cao.

1. ***Đề bài :Chỉ ra và phân tích các biện pháp tu từ trong các câu sau:***  
   1.

Trăm năm đành lỗi hẹn hò

Cây đa bến cũ con đò khác đưa

2.

Thuyền ơi có nhớ bến chăng

Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền

3.

Dưới trăng quyên đã gọi hè

Đầu tường lửa lựu lập loè đâm bông

4

.

Ơi con chim chiền chiện

Hót chi mà vang trời

Từng giọt long lanh rơi

Tôi đưa tay tôi hứng

5.

Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông

Cau thôn Đoài nhớ trầu không thôn nào

6.

Kháng chiến ba ngàn ngày không nghỉ

Bắp chân đầu gối vẫn săn gân

7.

Khăn thương nhớ ai

Khăn rơi xuống đất

Khăn thương nhớ ai

Khăn vắt lên vai

8.

Áo chàm đưa buổi phân li

Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay

9.

Về thăm nhà Bác làng Sen

Có hàng râm bụt thắp lên lửa hồng

10.

Bàn tay ta làm nên tất cả

Có sức người sỏi đá cũng thành cơm

11.

Đầu xanh đã tội tình gì

Má hồng đến quá nửa thì chưa thôi.

12.

Áo nâu liền với áo xanh

Nông thôn liền với thị thành đứng lên

13

Làm trai cho đáng nên trai

Khom lưng chống gối gánh hai hạt vừng

*14.*  
Vứt đi những thứ văn nghệ ngòn ngọt, bày ra sự phè phỡn thoả thuê hay cay đắng chất độc của bệnh tật, quanh quẩn vài tình cảm gầy gò của cá nhân co rúm lại.Chúng ta muốn có những tiểu thuyết, những câu thơ thay đổi được cả cuộc đời người đọc – làm thành người, đẩy chúng ta đến một sự sống trước kia chỉ đứng xa nhìn thấp thoáng.  
15.

Thác bao nhiêu thác cũng qua

Thênh thênh là chiếc thuyền ta trên bờ

16.Cờ bạc, r­ượu chè, lô đề,… nó đều thông thạo cả. Khổ thân nhất là bà già nhà nó. Lá vàng sắp rụng đến nơi mà vẫn phải khòng l­ưng quẩy gánh ngày ngày kiếm vài ba chục để nuôi kẻ đầu xanh  
17.Chao ôi, trông con sông, vui như thấy nắng giòn tan sau kì mưa dầm, vui như nối lại chiêm bao đứt quãng.  
**ĐÁP ÁN:**  
1.  
Bài ca dao đã sử dụng những hình ảnh ẩn dụ ” cây đa, bến cũ, con đò” . Trong đó “cây đa”, “bến cũ” là những vật đứng yên,” con đò” là vật thường xuyên di chuyển, chúng dùng để biểu hiện nỗi buồn của đôi trai gái khi phải xa nhau.  
2. Ẩn dụ : thuyền, bến  
Thuyền: là vật thường xuyên thay đổi ->> biểu tượng cho người con trai ( tình cảm dễ đổi thay )  
Bến : vật cố định ->> tình cảm thủy chung của người con gái  
Cách nói ẩn dụ là cho câu ca thêm tế nhị, phù hợp với việc bày tỏ nỗi nhớ, tình cảm thủy chung của người con gái  
3. Ẩn dụ : lửa lựu ,chỉ hoa lựu nở nhiều, đỏ rực như những đốm lửa. Cách nói ẩn dụ làm cho bức tranh trở nên sinh động, rực rỡ sắc màu, hoa lựu không chỉ có màu, mà còn có độ sáng, độ nóng. Điệp phụ âm đầu “L” trong các từ ” lửa lựu lập lòe ” làm cho câu thơ có sức tạo hình .  
4.Hình ảnh ẩn dụ ” giọt long lanh ” có thể hiệu là giọt sương , giọt nắng , giọt mưa xuân … Đó chính là giọt âm thanh của tiếng chim chiền chiện được kết tủa lại . Sự chuyển đổi cảm giác rất sáng tạo độc đáo của tác giả . Từ tiếng hót của loài chim mà ông cảm nhận bằng thính giác giờ đây trở thành giọt long lanh rơi mà ông đã trông thấy chúng sắp rơi xuống .  
5. Hoán dụ : Thôn đoài , thôn Đông : lấy địa danh để chỉ người sống ở địa danh đó  
Cau , trầu : Ẩn dụ chỉ người con trai và người con gái  
Cách sử dụng hình ảnh ẩn dụ, hán dụ rất phù hợp với lối nói bóng gió, xa xôi, tế nhị của tình yêu.  
6.Hoán dụ : bắp chân, đầu gối : chỉ người/ ý chí của người  
->>Hoán dụ dựa trên mối quan hệ giữa cái toàn thể và các bộ phận bên trong  
7. Điệp ngữ : Khăn thương nhớ ai  
Hán dụ “khăn : chỉ người cọn gái  
Tác dụng của biện pháp tu từ: bộc lộ nỗi niềm thương nhớ một cách kín đáo , tế nhị nhưng không kém phần mãnh liệt của cô gái  
8.Hoán dụ : “Áo chàm” chỉ đồng bào  Việt Bắc  
9. Lửa : ẩn dụ chỉ hoa dâm bụt  
Cách nói ẩn dụ khắc họa vẻ đẹp của hoa dâm bụt : đỏ, rực rỡ, đầy sức sống…  
10. Hoán dụ : bàn tay ->> chỉ người/ sức lao động, ý chí của con người  
11. Hoán dụ :  
Đầu xanh : chỉ người còn trẻ  
Má hồng : người con gái đẹp  
12. Hoán dụ :  
Áo nâu: người nông dân  
Áo xanh : người công nhân  
13. Biện pháp phóng đại :khom lưng chống gối ( cố gắng hết sức) để gánh 2 hạt vừng ( công việc quá nhỏ nhặt, không đáng kể)  
Trên thực tế không ai như thế ->> phóng đại nhằm mục đích mỉa mai, châm biếm những chàng trai yếu đuối, vô tích sự  
   
*14.*  
Ẩn dụ Văn nghệ ngòn ngọt : thứ văn nghệ tầm thường, hào nhoáng bề ngoài, không có giá trị  
Tình cảm gầy gò: (phản ánh ) những tình cảm ,cảm xúc thoáng qua,vô nghĩa, tầm thường…

1. *Thác* bao nhiêu thác cũng qua

Thênh thênh là chiếc *thuyền* ta trên bờ  
->Ẩn dụ thác: những khó khăn trở ngại.  
Thuyền : ý chí, nghị lực của con người

1. *Lá vàng* sắp rụng đến nơi mà vẫn phải khòng l­ưng quẩy gánh ngày ngày kiếm vài ba chục để nuôi*kẻ đầu xanh*  
   Ẩn dụ lá vàng: người già  
   Kẻ đầu xanh : người còn trẻ

17.Chao ôi, trông con sông, vui như thấy *nắng giòn tan* sau kì mưa dầm, vui như nối lại chiêm bao đứt quãng.  
Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: Nắng giòn tan

**Luyện tập mở rộng về các biện pháp tu từ**

Tìm và phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ trong các ngữ liệu dưới đây:

1/

*Sống trong cát, chết vùi trong cát*

*Những trái tim như ngọc sáng ngời.*

                                                                     [Mẹ Tơm – Tố Hữu]

2/

*Đò xuôi Thạch Hãn xin chèo nhẹ*

*Đáy sông còn đó bạn tôi nằm*

*Có tuổi hai mươi thành sóng nước*

*Vỗ yên bờ mãi mãi ngàn năm*

                                                                     [Lê Bá Dương]

3*/*

*Áo bào thay chiếu anh về đất*

*Sông Mã gầm lên khúc độc hành*

                                                                     [Tây Tiến – Quang Dũng]

4/

*Những đường Việt Bắc của ta*

*Đêm đêm rầm rập như là đất rung*

*Quân đi điệp điệp trùng trùng*

*Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan*

*Dân công đỏ đuốc từng đoàn*

*Bước chân nát đá, muôn tàn lửa bay*

                                                                       [Việt Bắc – Tố Hữu]

5*/*

*Năm mươi sáu ngày đêm*

*Khoét núi, ngủ hầm, mưa dầm, cơm vắt*

*Máu trộn bùn non*

                                                        [Hoan hô chiến sĩ Điện Biên – Tố Hữu]

6/

*Súng nổ rung trời giận dữ*

*Người lên như nước vỡ bờ*

*Nước Việt Nam từ máu lửa*

*Rũ bùn đứng dậy sáng lòa*

                                                                [Đất nước – Nguyễn Đình Thi]

7*/*

*Con gặp lại nhân dân như nai về suối cũ*

*Cỏ đón giêng hai, chim én gặp mùa*

*Như đứa trẻ thơ đói lòng gặp sữa*

*Chiếc nôi ngừng bỗng gặp cánh tay đưa*

                                                          [Tiếng hát con tàu – Chế Lan Viên]

8/

*Lá thấp, cành cao, gió đuổi nhau*

*Góc vườn rụng vội chiếc mo cau*

*Trái na mở mắt nhìn ngơ ngác*

*Đàn kiến trường chinh tự thưở nào*

                                                                [Chiều thu – Nguyễn Bính]

9/

*Mưa đổ bụi êm êm trên bến vắng*

*Đò biếng lười nằm mặc nước trôi sông;*

*Quán tranh đứng im lìm trong vắng lặng*

*Bên chòm xoan hoa tím rụng tơi bời*

                                                             [Chiều xuân – Anh Thơ]

1O*/*

*Ðêm buông sâu xuống dòng sông Ðuống*

*Ta mài lưỡi cuốc*

*Ta uốn lưỡi liềm*

*Ta vót gậy nhọn*

*Ta rũa mác dài*

*Ta xây thành kháng chiến ngày mai*

                                                             [Bên kia sông Đuống – Hoàng Cầm]

11/

*Vì nắng sắp lên rồi*

*Chân trời đã tỏ*

*Sông Đuống cuồn cuộn trôi*

*Để nó cuốn phăng ra bể*

*Bao nhiêu đồn giặc tơi bời*

*Bao nhiêu nước mắt*

*Bao nhiêu mồ hôi*

*Bao nhiêu bóng tối*

*Bao nhiêu nỗi đời*

                                                         [Bên kia sông Đuống – Hoàng Cầm]

12/

*Thuyền về nước lại, sầu trăm ngả*

*Củi một cành khô lạc mấy dòng*

                                                         [Tràng giang – Huy Cận]

13/

*Có nhớ chăng hỡi gió rét thành Ba Lê*

*Một viên gạch hồng, Bác chống lại cả một mùa băng giá*

*Và sương mù thành Luân Đôn, ngươi có nhớ*

*Giọt mồ hôi Người nhỏ giữa đêm khuya?*

                                                  [Người đi tìm hình của nước – Chế Lan Viên]

14/

*Ăn một miếng ngon cũng đắng lòng vì Tổ quốc*

*Chẳng yên lòng khi ngắm một nhành hoa*

                                                 [Người đi tìm hình của nước – Chế Lan Viên]

15/

*Đã nghe rét mướt luồn trong gió*

*Đã vắng người sang những chuyến đò*

                                                     [Đây mùa thu tới – Xuân Diệu]

16/

*Sen tàn mướp cũng đi tu*

*Lá tre đã thả một mùa heo may*

*Con sông không ốm mà gầy*

*Mắt em chưa tối mà đầy hoàng hôn*

                                                          [Thu cảm – Phạm Công  Tr]

17/

*“Cứ như thế hai ba năm nay rừng xà nu ưỡn tấm ngực lớn của mình ra, che chở cho làng…”* [Rừng xà nu – Nguyễn Trung Thành]

18/

*“Bờ Sông Đà, bãi Sông Đà, chuồn chuồn bươm bướm trên Sông Đà. Chao ôi, trông con sông vui như thấy nắng giòn tan sau kì mưa dầm, vui như nối lại chiêm bao đứt quãng”*  [Người lái đò sông Đà – Nguyễn Tuân]

19/

            “*Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu”* [Tuyên ngôn độc lập – HCM]

2O/

           “*Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng Minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!”*   [Tuyên ngôn độc lập – Hồ Chí Minh]

------------------------------------------

**HƯỚNG DẪN CÁCH LÀM BÀI:**

-   Chỉ ra các phép tu từ được dùng trong văn bản

-   Nhận biết các BPTT đó qua từ ngữ nào? Chỉ rõ tiểu loại [Ví dụ: ẩn dụ hình thức hay cách thức,…]

-   Việc sử dụng BPTT đó có tác dụng gì đối với văn bản [cả về mặt nội dung và hình thức của văn bản]

Bài tập BPTT nói quá

**Bài tập 1.** Phép nói quá được in đậm:

1. Giá những cổ tục đã đày đọa mẹ tôi là **một vật như hòn đá hay cục thủy tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến chi kì nát vụn mới thôi.**

(Nguyên Hồng)

2. Nếu người quay lại ấy là người khác thì thật là một trò **cười tức bụng** cho lũ bạn tôi, chúng nó khua guốc inh ỏi và nô đùa ầm ĩ trên hè. Và cái lầm đó không những làm tôi thẹn mà còn tủi cực nữa, **khác gì cái ảo ảnh của một dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước mắt gần rạn nứt của người bộ hành ngã gục dưới sa mạc.**

(Nguyên Hồng)

3. Cai lệ vẫn giọng hầm hè:

- Nếu không có tiền nộp sưu cho ông bây giờ, thì ông sẽ **dỡ cả nhà mày đi**, chửi mắng thôi à!

(Ngô Tất Tố)

4. Tôi nghĩ đến mấy quyển sách quý của tôi. Tôi **quý chúng có lẽ còn hơn những ngón tay tôi.**

(Nam Cao)

5. Công cha như **núi ngất trời**

Nghĩa mẹ như **nước ở ngoài biển Đông.**

(Ca dao)

6. Ngó lên nuộc lạt mái nhà,

**Bao nhiêu nuộc lạt nhớ ông bà bấy nhiêu.**

(ca dao)

7. Thương em chẳng biết để đâu

Để quán **quán đổ**, để cầu **cầu** **xiêu**.

(Ca dao)

8. Con rận **bằng con ba ba**

Nửa đêm **nó ngáy cả nhà thất kinh**.

Hàng xóm vác gậy đi rình

Té ra con rận trong mình bò ra.

(Ca dao)

9. Nói ngọt **lọt đến xương**.

(Tục ngữ)

10. Nghe đồn bác mẹ anh hiền,

**Cắn cơm không bể**, **cắn tiền bể hai**.

(Ca dao)

11. Độc ác thay, **trúc Nam Sơn không ghi hết tội**,

Dơ bẩn thay, **nước Đông Hải không rửa sạch mùi**!

(Nguyễn Trãi, Bình Ngô đại cáo)

12. Nghe hắn ninh **sượng** cả mặt.

(Khẩu ngữ)

13. Làm **mửa mật** vẫn không xong.

(Khẩu ngữ)

14. [...] Cái cụ bá **thét ra lửa ấy** lại xử nhũn mời hắn vào nhà xơi nước.

(Nam Cao, Chí Phèo)

15. **Lỗ mũi mười tám gánh lông**,  
 Chồng yêu, chồng bảo tơ hồng trời cho.  
 Đêm nằm thì ngáy o o,  
Chồng yêu, chồng bảo ngáy cho vui nhà.

16. **Bủa tay ôm chặt bồ kinh tế**,  
 **Mở miệng cười tan cuộc oán thù.** Thân ấy hãy còn, còn sự nghiệp,  
 Bao nhiêu nguy hiểm sợ gì đâu

(Phan Bội Châu)

17. Tiếng hát **trong như suối Ngọc Tuyền**

**Êm như hơi gió thoảng cung tiên.**

(Thế Lữ)

18. Tiếng suối **trong như tiếng hát xa**

Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa.

(Hồ Chí Minh)

19. Đau lòng kẻ ở người đi

**Lệ rơi thấm đá, tơ chia rũ mành.**

(Nguyễn Du)

20. Ôi sức trẻ! Xưa trai Phù Đổng

**Vươn vai, lớn bổng dậy nghìn cân.**

(Tố Hữu)

21. Miệng cười **như thể hoa ngâu**

Cái khăn đội đầu **như thể hoa sen**

22. Hỡi cô tát nước bên đàng

**Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi**

23. Rồi Đăm Săn múa khiên. **Một bước nhảy, chàng vượt qua mấy đồi tranh. Một bước lùi, vượt qua mấy đồi mía. Tiếng gió khiên rít vù vù như dông bão, cây cối nhà cửa ở xung quanh cũng nghiêng ngả...**

24. **Múa trên cao, tiếng khiên kêu như gió lốc gào. Múa dưới thấp, tiếng khiên kêu như tiếng nhạc rung. Múa đi, múa lại, mỗi bước nhảy vượt qua ba ngọn đồi, đồi sụt lở. Mỗi bước nhảy qua ba đồi tranh, tranh bị gió khiên thổi bật tung gốc.** Chàng ném lao bên này, đỡ lao bên kia, tiến tới, thoái lui, mũi lao **như những vệt sao băng chớp sáng...**

25. Bài toán này khó quá **nghĩ nát óc** không ra.

26. Tây Thi có **vẻ đẹp nghiêng nước nghiêng thành.**

27. Mấy cô má đỏ hây hây  
**Đội bông như thể đội mây về làng.**

28. **Đội trời, đạp đất ở đời**

Họ Từ, tên Hải vốn người Việt Đông.

29. Dân công đỏ đuốc từng đoàn

**Bước chân nát đá** muôn tàn lửa bay

30. Bác ơi **tim Bác mênh mông thế**  
 **Ôm cả non sông mọi kiếp người**

**Bài tập 2: Xác định các biện pháp nói quá sau đây:**

a.Vắt đất ra nước thay trời làm mưa

b.Con giận bằng con ba ba

Đêm nằm nó gáy cả nhà thất kinh

(Ca dao)

c. Trên đầu những rác cùng rơm

Chồng yêu chòng bảo hoa thơm rắc đầu

(Ca dao)

d.Một tiếng chim kêu sáng cả rừng

(Khương Hữu Dụng)

Sức ông ấy có thể vá trời lấp biển

**\*Gợi ý:**

Các trường hợp trên đều nằm trong ba biện pháp sau đây:

-Sử dụng thành ngữ phóng đại

-Sử dụng từ ngữ mang tính chất phóng đại

-Dùng so sánh hơn kém về số lượng để phóng đại tầm vóc của sự vật

**Bài tập 3:** Phân tích hiệu quả của các trường hợp sau đây do phép nói quá mang lại:

a.Người say rượu mà đi xe máy thì tính mạng ngàn cân treo sợi tóc

b. Người sao một hẹn thì nên

Người sao chín hẹn thì quên cả mười

(Ca dao)

c.Tiếng hát át tiếng bom.

**Gợi ý:** a. Ngàn cân treo sợi tóc: là cách nói hình ảnh phi thực tế để giúp người đọc nhận thức mức độ nguy hiểm của việc một cách cụ thể nhất

b. Hẹn chín mà quên mười là hoàn toàn không có thật trong thực tế. Chính là cách nói phóng đại quá sự thật này đã nhấn mạnh thái độ trách móc đối với sự “quên” của người hẹn

c. Đây là một cách nói quá bằng hình ảnh để diễn tả niềm tin, sự lạc quan, sự sống, sự chiến thắng vượt lên trên gian khổ hi sinh trong chiến đấu

**Bài tập 4:**Tìm một số trường hợp nói quá sử dụng trong cuộc sống hàng ngày

-Tóc cậu ấy tốt như rừng

-Gặp người nghiện ma túy hết cả hồn

-Nhiều kẻ bán trời không văn tự

**Bài tập 5.** Chỉ ra biện pháp tu từ nói quá, nói giảm, nói tránh và cho biết ý nghĩa của việc sử dụng các biện pháp tu từ đó trong các câu sau:

a. Rùa Vàng đứng nổi trên mặt nước và nói: “Xin bệ hạ hãy hoàn gươm lại cho Long Quân.” (Sự tích Hồ Gươm)

b. Phải bán con, chị Dậu như đứt từng khúc ruột ! (Ngô Tất Tố, Tắt đèn)

c. Cách đây mấy tháng con chị lên sài lại bỏ đi để chị ở một mình.

d. Bác ơi tim Bác mênh mông thế, Ôm cả non sông mọi kiếp người! (Tố Hữu)

e. Chú tôi ấy à, đạn bắn vào lỗ mũi chú hỉ ra là chuyện bình thường!

f. Tôi nghĩ đến mấy quyển sách quý của tôi. Tôi quý chúng có lẽ còn hơn những ngón tay của tôi. (Nam Cao, Lão Hạc)

g. Trước khi bà về với Thượng đế chí nhân, bà chấu ta đã từng sung sướng biết bao! (An –đéc - xen, Cô bé bán diêm)

h. Đội trời, đạp đất ở đời Họ Từ, tên Hải vốn người Việt Đông. (Nguyễn Du, Truyện Kiều)

, **Gợi ý**

BPTT: Nói quá. Nói quá ở chỗ rùa Vàng đứng nổi trên mặt nước

Tác dụng: -> Nhằm tăng vẻ nổi bật, thần kì của rùa Vàng.

b, BPTT: Nói quá. Nói quá ở chỗ chị Dậu như đứt từng khúc ruột

Tác dụng: -> Nhằm tăng vẻ đau lòng, sự thống khổ và vô cùng day dứt khi phải đem con mình đi bán.

c, BPTT: nói giảm nói tránh Nói giảm từ: lên sài

Tác dụng: -> Thể hiện sự đau thương nhưng vẫn lịch sự và tế nhị

d, BPTT: Nói quá. Nói quá Ôm cả non sông mọi kiếp người

Tác dụng: -> Nói lên tình yêu thương và sự quan tâm của bác Hồ

e, BPTT: Nói quá. Nói quá chú hỉ ra là chuyện bình thường

Tác dụng: -> Thể hiện sự kiên cường, bất khuất của chú kể cả có bị đạn bắn.

f, BPTT: Nói quá. Nói qua tôi quý chúng có lẽ còn hơn những ngón tay của tôi

Tác dụng: -> Thể hiện tình yêu thương cũng như phóng đại tầm quan trọng của sách.

g, BPTT: Nói giảm nói tránh. Nói giảm về với Thượng đế chí nhân

Tác dụng: -> Thể hiện thái độ đau buồn, xót xa những vẫn mang tính lịch sự và tế nhị.

h, BPTT: Nói quá. Nói quá Đội trời, đạp đất ở đời

Tác dụng: -> Thể hiện sự an dũng, nhưng cũng hiên ngang, ngang tàng…

**Bài tập về biện pháp tu từ đảo ngữ**

***Câu 1: Hãy chỉ ra và phân tích tác dụng biện pháp đảo ngữ trong các đoạn thơ dưới đây.***

*a, Dừng chân nghỉ lại Nha Trang,*

*Hiu hiu gió thổi, trời quang tuyệt vời.*

*Xanh xanh mặt biển da trời,*

*Cảnh sao quyến rũ lòng người khó quên.*

Sóng Hồng

*b,Chắt trong vị ngọt mùi hương*

*Lặng thầm thay những con đường ong bay.*

*Trải qua mưa nắng vơi đầy*

*Men trời đất đủ làm say đất trời.*

Nguyễn Đức Mậu

*c, Em ạ, Cu-ba ngọt lịm đường*

*Mía xanh đồng bãi, biếc đồi nương*

*Cam ngon, xoài ngọt vàng nông trại*

*Ong lạc đường hoa, rộn bốn phương…*

Tố Hữu

***Gợi ý:***

a, Gạch dưới các từ: *Hiu hiu* (**gợi tả mức độ** nhẹ nhàng của cơn gió và cảm giác dễ chịu của tác giả) ; *Xanh xanh* (gợi màu sắc của biển trời và cảm xúc lạ trước thiên nhiên tươi đẹp).

b, Dòng thơ có sử dụng biện pháp đảo ngữ đã **góp phần nhấn mạnh** được ý nghĩa đẹp đẽ : sự lao động thầm lặng, không mệt mỏi của bầy ong thật đáng cảm phục.

*c,*– Hãy nhận xét về vị trí của những từ ngữ bổ nghĩa cho các *danh từ* “đường”, “đồng bãi”, “đồi nương”, “nông trại” so với cách diễn đạt thông thường để thấy được biện pháp đảo ngữ được dùng.

– So sánh với cách diễn đạt thông thường (không đảo ngữ) để thấy rõ tác dụng của biện pháp đảo ngữ. Ví dụ: *ngọt lịm đường* (có đảo ngữ) / đường ngọt lịm (không đảo ngữ).

– Cách diễn đạt nào gợi tả, gợi cảm? Nhấn mạnh được điều gì?…

***Câu 2: Đọc câu văn sau:***

***Trắng tròn như hạt nếp hạt tẻ đầu mùa,*** *hoa sấu**kéo dài con đường hoa nhiều quãng cộm hẳn lên như cót gạo nào của khu phố bung vãi ra.*

Nguyễn Tuân

**Nhận xét:**

a) Những từ ngữ in đậm được hiểu là bộ phận làm rõ nghĩa cho danh từ nào trong câu văn trên?

b) Cách viết câu văn theo lối đảo ngữ như trên giúp nhà văn diễn tả được điều gì?

***Gợi ý:***

1. *“Trắng tròn như hạt nếp hạt tẻ đầu mùa”*

*–* bộ phận *làm rõ nghĩa cho* *danh từ* “hoa sấu”.

b) Viết theo lối đảo ngữ diễn tả được vẻ đẹp độc đáo, gợi cảm và giàu ý nghĩa của *hoa sấu* (chuẩn bị cho sự xuất hiện hình ảnh so sánh độc đáo ở cuối câu: *như cót gạo nào của khu phô bung vãi ra).*

***Câu 3: Đọc bài thơ sau:***

QUA ĐÈO NGANG

*Bước tới Đèo Ngang bóng xế tà*

*Cỏ cây chen đá, lá chen hoa*

*Lom khom dưới núi, tiều vài chú(1)*

*Lác đác bên sông chợ mấy nhà.*

*Nhớ nước đau lòng con quốc quốc(2)*

*Thương nhà mỏi miệng cái gia gia(3)*

*Dừng chân đứng lại trời non nước*

*Một mảnh tình riêng ta với ta.*

Bà Huyện Thanh Quan

(1) *Tiều*: người kiếm củi.

(2) Cách chơi chữ: *Quốc* (là nước) đồng âm với *cuốc* (là chim cuốc, còn gọi là chim *Đô Vũ.* Tương truyền vua nước Thục tên là Đỗ Vũ mất nước, khi chết hoá thành chim, luôn nhớ nước, cứ kêu “quốc, quốc”).

(3) Cũng là cách chơi chữ: *Gia* (là nhà) gần đồng âm với *đa,* là loại chim rừng *đa đa* thuộc giống gà gô.

**Trả lời câu hỏi:**

a) Bài thơ sử dụng biện pháp nghệ thuật gì nổi bật? Nêu những câu thơ thể hiện biện pháp nghệ thuật đó.

b) Em cảm nhận được những gì về cảnh Đèo Ngang và tâm trạng của tác giả qua những câu thơ có sử dụng biện pháp nghệ thuật nói trên?

***Gợi ý:***

1. Biện pháp nghệ thuật nổi bật: *đảo ngữ.* Các câu thơ: 3, 4, 5, 6.

*Lom khom dưới núi, tiều vài chú(1)*

*Lác đác bên sông chợ mấy nhà.(2)*

*Nhớ nước đau lòng con quốc quốc(3)*

*Thương nhà mỏi miệng cái gia gia(4)*

b) Cảm nhận về cảnh Đèo Ngang và tâm trạng của tác giả (qua những câu thơ có dùng biện pháp đảo ngữ): cảnh thưa thốt vắng vẻ, gợi nỗi buồn man mác; tâm trạng của tác giả cũng bâng khuâng, đượm buồn.

***Câu 4: Dùng biện pháp đảo ngữ để diễn đạt lại những câu văn dưới đây cho sinh động, gợi cảm.***

a) *Một thế giới ban trắng trời, trắng núi.*

*b) Dòng sông quê tôi đáng yêu biết bao.*

*c) Những cánh cò trắng muốt tung tăng trên đồng lúa chín.*

*d) Những chuyến xe qua tấp nập trên đường.*

e) *Nước sông Hương xanh biêng biếc, màu hoa phượng vĩ đỏ rực* *hai bên bờ.*

*f) Giữa trời khuya tĩnh mịch, một vầng trăng vằng vặc trên sông, một giọng hò mái đẩy thiết tha dịu dàng.*

*g) Một biển lúa vàng vây quanh em, hương lúa chín thoang thoảng đâu đây.*

*h) Xa xa, những ngọn núi nhấp nhô, mấy ngôi nhà thấp thoáng, vài cánh chim chiều bay lững thững về tổ.*

***Gợi ý:***

a) *Trắng trời, trắng núi,* một thế giới ban.

b) *Đáng yêu biết bao,* dòng sông quê tôi.

*c) Tung tăng trên đồng lúa chín,* những cánh cò trắng muốt.

*d) Tấp nập trên đường,* những chuyến xe qua.

e) *Xanh biêng biếc* nước sông Hương, *đỏ rực hai bên bờ* màu hoa phượng vĩ.

f) Giữa trời khuya tĩnh mịch, *vằng vặc trên sông* một vầng trăng, *thiết tha dịu dàng* một giọng hò mái đẩy.

*g) Vây quanh em* một biển lúa vàng, *thoang thoảng đâu đây* hương lúa chín.

h) Xa xa, *nhấp nhô* những ngọn núi, *thấp thoáng* mấy ngôi nhà, *lững thững* vài cánh chim hiều bay về tổ.

**Câu 5:**Trong hai câu văn dưới đây, câu nào có sử dụng biện pháp đảo ngữ? Hãy chỉ rõ tác dụng gợi tả và nhấn mạnh ý của câu văn đảo ngữ

a, Đằng ca, trong mây mờ, bóng những nhịp cầu sắt uốn cong, vắt qua dòng sông lạnh đã hiện ra.

b, Đằng xa trong mây mờ, đã hiện ra bóng những nhịp cầu sắt uốn cong, vắt qua dòng sông lạnh đã hiện ra.

**Gợi ý:**

Câu văn thứ hai (b) có dùng biện pháp đảo ngữ, cụ thể đảo vị trí của vị ngữ lên trước chủ ngữ. Tác dụng của câu văn có đảo ngữ: gợi tả rõ bức tranh cảnh vật {khác với câu a chỉ là kiểu câu tường thuật binh thường); nhấn mạnh sự xuất hiện của sự vật được miêu tả "bóng những nhịp cầu sắt uốn cong, vắt qua dòng sông lạnh"

**Câu 6:** Nêu tác dụng của biện pháp đảo ngữ được sử dụng trong bài thơ sau;

"Bên này là núi uy nghiêm

Bên kia là cánh đồng liền chân mây

Xóm làng xanh mát bóng cây

Sông xa trắng cánh buồm bay lưng trời"

(Quê em - Trần Đăng Khoa)

**Gợi ý:**

Các từ "xanh mát" ở trong câu thơ thứ ba và "trắng" ở trong câu thơ thứ tư; các tính từ này thường được diễn đạt như sau: bóng cây xanh mát, cánh buồm trắng. Cách diễn đạt đảo ngữ "xanh mát bóng cây"; "trắng cánh buồm" ; làm cho hai tính từ được chuyển loại "xanh mát", "trắng" mang đặc điểm của động từ có tác dụng nhấn mạnh ý miêu tả và gợi cảm xúc cho người đọc.

**Câu 7:** Vận dụng kiến thức về biện pháp đảo ngữ để diễn đạt lại những câu văn dưới đây cho sinh động, gợi cảm

a. Nước sông Hương xanh biêng biếc, màu hoa phượng vĩ đỏ rực hai bên bờ.

b. Giữa trời khuya tĩnh mịch, một vầng trăng vằng vặc trên sông, một giọng hò mái đẩy thết tha dịu dàng.

c. Xa xa, những ngọn núi nhấp nhô, mấy ngôi nhà thấp thoáng, vài cánh chim chiều bay thấp thoáng về tổ.

**Gợi ý:**

a. Xanh biêng biếc nước sông Hương, đỏ rực hai bên bờ màu hoa phượng vĩ.

b. Giữa trời khuya tĩnh michh, vằng vặc trên sống một vầng trằn, thiết tha dịu dàng.

c. Xa xa, nhấp nhô những ngọn núi, thấp thoáng mấy ngôi nhà, lững thững vài cánh chim chiều bay về tổ.

**Câu 8:** Hãy chỉ rõ các từ được dùng theo biện pháp đảo ngữ trong đoạn thơ dưới đây và nêu tác dụng gợi tả, gợi cảm của chúng

"Dừng chân nghỉ lại Nha Trang

Hiu hiu gió thổi, trời quang tuyệt vời.

Xanh xanh mặt biển da trời,

Cảnh sao quyến rũ lòng người khó quên."

**Gợi ý**

Các từ được dùng theo biện pháp đảo ngữ trong đoạn thơ lần lượt là "hiu hiu" và "xanh xanh".

Tác dụng: "Hiu hiu" gợi mức độ nhẹ nhàng của cơn gió và cảm giác dễ chịu, thư thái trong cảnh vật và trong chính cảm xúc của tác giả - người khách qua đường nán lại dừng chân nghỉ ngơi.

"Xanh xanh" gợi màu sắc của biển trời và cảm xúc có phần lạ lẫm, bất ngờ của tác giả trước thiên nhiên, đất trời tươi đẹp nơi đây.

Như vậy, cả hai từ đều có tác dụng làm tăng tính gợi hình mạnh mẽ cho ý thơ, khiến người đọc hình dung ra trước mắt một khung cảnh thiên nhiên nên thơ, trữ tình.

**Câu 9:** Hãy chỉ ra biện pháp đảo ngữ được dùng trong đoạn thơ dưới đây. Hãy thử so sánh với cách diễn đạt thông thường, không đảo ngữ để làm rõ tác dụng của biện pháp đảo ngữ.

"Em ạ, Cu-ba ngọt lịm đường

Mía xanh đồng bãi, biếc đồi nương

Cam ngon, xoài ngọt vàng nông trại

Ong lạc đường hoa, rộn bốn phương..."

                                                             (Tố Hữu)

**Gợi ý:**

Biện pháp tu từ đảo ngữ được sử dụng ở câu thơ thư nhất "ngọt lịm đường" thay vì " đường ngọt lịm"; câu thơ thứ hai  "mía xanh đồng bãi" thay vì "đồng bãi mía xanh", "biếc đồi nương" thay vì đồi nương biếc"; câu thơ thứ ba "cam ngon, xoài ngọt vàng nông trại" thay vì cấu trúc thông thường là "nông trại cam ngon, xoài vàng ngọt".

Tác dụng: So sánh giữa cách diễn đạt có dùng biện pháp tư từ đảo ngữ với câu thơ không dùng biện pháp tu từ đảo ngữ có thể thấy rõ cách diễn đạt có dùng đảo ngữ giàu tính gợi hình, biểu cảm hơn, tác giả muốn nhấn mạnh để làm nổi bật những đặc điểm của cỏ cây, hoa trái đất nước Cu-ba bằng cách đẩy những tính từ "ngọt lịm", "cam ngon", xoài ngọt"... >>lên đầu câu thay vì để ở vị trí cuối câu như thông thường. Đây là cách sắp xếp câu từ đầy thông minh và khéo léo của bậc thi nhân.

**Câu 10:** Trong khổ đầu của bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ* tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật tu từ đảo ngữ? Em hãy ghi lại các câu thơ đó và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật tu từ đảo ngữ.